

In lần thứ nhất (1000)

莫說 THUYẾT MẠC

AN-NAM TIỀU-THUYẾT

THI - NHAM

DINH GIA - THUYẾT

BIÊN TẬP

DƯỜNG - VÂN

NGUYỄN HỮU - KHÁNH

ĐC: 101 BÌNH



HANOI

IMP. MAC-DINH-TU

LÈ-VAN-TAN Succ'

1925

In lần thứ nhất (1000)

莫 說

THUYẾT MẠC

AN-NAM TIỀU-THUYẾT

THI - NHAM

ĐINH GIA - THUYẾT

BIÉN TẬP

ĐƯỜNG - VÂN

NGUYỄN HỮU - KHÁNH

DUYỆT BÌNH



HANOI
IMP. MAC-DINH-TU
LÊ-VAN-TAN Succr

1925

Bản này đã trình Phủ Thống-sứ
để giữ bản quyền

T Ư A



Sử-ký cùng truyện-ký là cái bàn chụp ánh tiền-nhân và cõ-tích, để lưu lại cho đời sau được biết việc đời trước, người nay được rõ truyện người xưa. Các nước văn-minh Âu, Á, Mỹ, nước nào cũng có sử-ký của lịch-dai, truyện-ký của các danh-gia, quốc-dân đều được hưởng cái thú « Gilr cõ nhân cư 與古人居 » và « Tri kim cõ sự 知今古事 ».

Ở nước ta thì chỉ có sử-ký của các triều vua, mà phần nhiều là khuyết lược, đến truyện-ký thì rất hiếm, đâu có cũng mập-mờ sai lầm, bởi thế mà những công-nghiệp của tiền-hiền, sự-tích của tổ-quốc, không mấy người hiểu rõ.

Tức như Mạc-gia trước hai đời Trạng-nguyễn, sau tam triều hoàng-dé; lại có những vận sự như: Cầu chín dịp, Chùa trăm gian, Tháp chín tầng, Đò sáu đồng. Thần đê mả, Tiên xây thành; đã thành phong-giao và tục-ngữ, truyền tụng đến nay; phương chi các nhân-tài xuất-hiện như: Trạng-Trình, Trạng-Giáp, Trạng-Trấn, Trạng-Quyết và ông Triều, ông Đọc, vân vân..., vần-tinh tụ chiêu cả vào đời bấy giờ, mà nhất là Trạng-Trình có tiếng là bậc Thánh tiên-tri, người Tàu đã có câu: « An-nam lý học hưu Trịnh-Toàn 安南理學有程泉 » minh-lương hội ngộ chẳng kém đời Hồng-Đức nhà Lê; thế mà lịch-sử không được rõ, sự-tích ít di truyền, thực là một khuyết điểm lớn.

Đành rằng trước sau đời Mạc, sử-chép cũng hồ dủ, song hiếm vì tán-mạn mà không liên-liếp, khiến cho độc-giả được đoạn này mất đoạn khác, được việc nọ sót việc kia, thành ra chưa xem đã chán, chưa đọc đã thôi, vì muốn cho được biết rõ thủy mạt của một đời, tất phải tốn nhiều công-phu khảo-cứu.

Vì lẽ ấy, bỉ-nhân dám tự quên thiển-lâu, dụng công biên tập truyện này. Ngoài thi trich lục các pho sử-ký, truyện-ký như: Chính-sử, Giã-sử, Thoái-thực ký-văn,

*Hoàng-việt văn-tuyên và Công-dư liệt-ký, Trịnh súy-phủ
trân tàng. Trong thi tham dinh với bản Gia-phò của Mạc-
gia, lại nhờ có Đông-giā Hưu-lâu khảo giúp sám-ký của
cụ Trạng-Trịnh, trải bao suyết-thập, mới được thành biên,
cả thề 16 hồi, chép theo lối tràng thiêng tiều-thuyết,
phiên dịch cả các văn, thơ, minh, ký, sau khi chắt
chính một vài bậc cao-minh quân-tử, xin đem xuất bản,
công hiến đồng nhán.*

*Ôi! sách cồ, văn kim, dám đâu chước-tác, truyện
xưa tích cũ, gọi chút bảo tồn, xin độc-giả chư-tôn lượng
biết cho, kẻ biên-lập này may lắm.*

Thi-nham ĐINH GIA-THUYẾT



ĐỀ TƯ

I

Nguồn phúc khơi thông từ nước Tàu.
Số trời, mạch đất há không đâu;
Đầu rồng, tháp nhạn xây nền trước,
Lá ngọc, cành vàng nảy quả sau..
Một hội minh-lương âu chẵng kém,
Tâm đời truyền thụ bé thay lâu;
Ngày nay đọc truyện càng thêm cảm,
Thêm cảm cõi đời cuộc bẽ giêu!

Thi-nham ĐINH GIA-THUYẾT

II

Thêm cảm trên đời cuộc bẽ giêu,
Hưng vong đè mãi truyện về sau,
Hoa phai sắc trắng cây hẫu đồ,
Cỏ nhuộm màu xanh rẽ đã sâu;
Trước cửa, hồ đương rình mãi đó,
Sang sông, ngựa đã trở về đâu!
Nào ai chép truyện ai xem truyện,
Công-luận xin bàn góp mấy câu.

Đường-vân NGUYỄN HỮU-KHÁNH



MỤC-LỤC

Hồi thứ nhất

- Dòng Trung-hoa, Nam-thò thiên cư,
Đất Lũng-dông, Hầu-tinh giáng thế 9

Hồi thứ hai

- Vào thi Định, ngũ tinh dâng phú;
Sang sứ Tầu, xuất khâu thành chương. 13

Hồi thứ ba

- Khinh tiền tài, nức tiếng thanh liêm,
Dựng chùa tháp, chuộc điều tội lỗi. 27

Hồi thứ tư

- Tuổi bảy mươi, cáo lão về quan;
Đò sáu đồng, trở người làm phúc 32

Hồi thứ năm

- Theo thầy học vũ, thần cho đất;
Đánh giặc có công, vua truyền ngôi 37

Hồi thứ sáu

- Kén nhàn-tài, vua Mạc mở khoa,
Ngán thế-sự ông Trịnh dạy học 42

Hồi thứ bảy

- Nghe lời khuyên, ông Trịnh ứng thí,
Được đất quý, Giáp-lải bẩm sinh. 46

Hồi thứ tám

- Bô Trạng-nguyên, Giáp-Hải nhận mẹ,
Hặc lộng-thần, Trạng-Trinh cáo quan. 50

Hồi thứ chín

- Lê-Hồ thi đỗ, sang sứ Tầu,
Trạng-Trinh lập mưu, dụ Nguyễn-Quyện. 55

Hồi thứ mười

Núi Sầm-sơn, Lê-thị trung hưng;
Năm Quang-bảo, nhân-tài bối xuất. 59

Hồi thứ mươi một

Trịnh, Nguyễn thông sứ với Trạng-Trình
Bỉnh-Khiêm di biểu dâng vua Mạc. 67

Hồi thứ mươi hai

Nhớ ơn thầy, học-trò tế mộ,
Thương tôi hiền, vua Mạc dựng bia 71

Hồi thứ mươi ba

Sáu ông Trịnh, linh thông mọi việc,
Thơ Bạch-vân, truyền tụng đời sau. 82

Hồi thứ mươi bốn

Mất Thăng-long, vua Mạc thân chinh,
Thua Đồ-sơn, Chúa-Thao bị bắt 102

Hồi thứ mươi lăm

Thành Lạng-sơn, đồn binh cố thủ,
Đất Cao-bằng, lập cước đồ tồn 106

Hồi thứ mươi sáu

Vận Mạc suy, Cao-bằng thất thủ,
Cơn tị nạn, con cháu tản cư 111



THUYẾT MẠC

HỘI THÚ NHẤT

*Dòng Trung-hoa, Nam-thờ thiên cư,
Đất Lăng-dộng, Hầu-tinh giáng thể.*

Cuối đời Chiết-quốc (bên Tàu), có ông Cơ Trận-Khiết là dòng-dõi nhà Chu, gặp vận Chu suy, dem gia-quyến đến ở quận Trác-lộc. Sau làm quan Chấp-kích-lang nhà Hán, có quàn-công, được tứ tinh (cho họ) là Mạc, và ăn lộc ở Trịnh-apse (bây giờ ở huyện Nhâm-khâu, phủ Hà-giản, còn có nơi gọi là Mạc-châu, tức là chỗ tháp-tịch họ Mạc). Đến niên-hiệu Đại-lịch đời nhà Đường có ông Mạc-Tàng làm quan Bắc-bộ Viên-ngoại. Sau dời sang ở xóm Châu-cơ, thôn Kim-lũ, châu Phong. Năm thứ 5, niên-hiệu Thái-trung triều vua Đường Đại-tôn (lịch tây năm thứ 660, sau Thiên-chúa giáng-sinh) có ông Mạc Tuyên-Khanh thi đỗ Trạng-nguyễn, Lĩnh-nam (bên nam ngũ-lĩnh thuộc về địa phận nước Nam) phát khoa bắt đầu từ đây. Tuyên-Khanh sinh Mạc Tấn-Công làm quan Thú-sử châu Hoài, Tấn-Công sinh Mạc Như-Tùng làm đến chức Đoan-minh-diện Đại-học-sĩ.

Đời nhà Hậu-Đường có ông Mạc Hữu-Hoài làm quan Biệt-giá; sau dời sang ở xóm Lăng-thủy, châu Nam-hùng.

Đời nhà Tống, niên-hiệu Cảnh-hựu triều vua Nhân-tôn có ông Mạc Vĩnh-Xương đỗ Tiến-sĩ, làm quan Huấn-học châu Quảng, nhận lại đời nhà đến ở xóm Thanh-phong châu ấy, sinh được ba con trai là Mạc-Ngu, Mạc-Lô và Mạc-Độn, đều làm quan đến chức Đại-phu.

Về sau con Mạc-Ngu dời sang Phiên-ngung, con Mạc-Lô dời sang Lô-thôn, con Mạc-Độn là Mạc-Vi thì dời sang ở thôn Tiêu-lợi, tỉnh Quảng-dông, buôn bán sinh nhai trở lên giàu-có.

Mạc-Vi gặp khi vua Nam-Tống đánh nhau với giặc Kim, quân thiểu lương ăn; bèn tình nguyện giúp quân lương; được thụ chức Phụng-nghị Đại-phu. Về sau con cháu sinh-tụ ở Quảng-đông, đời nào cũng có người hiền-dát.

Trong khi họ Mạc bên Tầu dời đời chõ ở, thì có một chi ở Phiên-ngung sang ở làng Lũng-đông, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, đến ông Mạc Hiền-Tích, đỗ Nhứt-giáp Tiến-sĩ khoa Bính-thìn, niên-hiệu Quảng-hựu triều nhà Lý (1085) tức là Thủy-tồ nhà Mạc ở nước Nam. Em là Mạc Kiến-Quan cũng đỗ Tiến-sĩ, cùng làm đến chức Thượng-thư đời vua Lý Nhân-tôn. Huynh đệ đồng triều thực là ít có.

Từ đời hai ông trở về sau, đều có người thi đỗ làm quan, nhưng không có ai đỗ đại khoa và làm đến quan to, nên trong sử không chép rõ tên, mà đời nào cũng thanh-bần, truyền 5 đời đến ông Mạc Đĩnh-Chi, họ Mạc bấy giờ lại mơi hưng vượng.

Mạc Đĩnh-Chi tên chữ là Tiết-phu, cha là Lũng-đông Tiên-sinh, mẹ là Trần-thị, ông bà đều ngoại 40 tuổi chưa có con trai, cầu tự ở đền đức Chử-đồng-tử (thuộc tỉnh Hưng-yên).

Một đêm bà cụ nằm mộng thấy một vật sáng quắc lù trên không rơi xuống giữa nhà, rồi hoá ra một con hồn chạy thot vào lòng, bà cụ giật mình tỉnh dậy thuật cho ông cụ nghe. Ông cụ mừng rõ mà rằng: « Cứ như mộng triệu này thì tất có tin mừng, mà khi sinh sẽ sinh quý tử ». Từ đấy quả nhiên bà cụ ba trăng khác hình, mỗi tháng đủ ngày sinh được nam-tử, tức là Mạc Đĩnh-Chi. Bấy giờ giữa giờ Thân, ngày mồng 6 (ngày thân), tháng 7 (tháng thân), năm Giáp-thân, niên hiệu Bảo-phù triều vua Trần Thánh-tôn (1273), người tướng giống con hồn, thân thể lách-trách, diện mạo xấu-xa, lại nhân năm, tháng, ngày, giờ sinh đều thuộc Thân, nên càng tin là hồn-tinh giáng thế.

Đinh-Chi đầy năm thì ông cụ mất, bà cụ ở goá nuôi con, nghèo đói túng bấn, Đinh-Chi lại hay yếu, thuốc-thang không mấy ngày ngơi, nhưng cũng may nhờ được mòn-sinh của ông cụ khi xưa hết bụng với thày, đi lại trông-nom và tư cắp luôn-luôn, nên mẹ con cũng được no đủ.

Tháng ngày thăm-thoát, Đinh-Chi lên sáu tuổi, tư chất đã thông-minh, tính lại ham học. Bấy giờ có Hoàng-tử nhà Trần là Chiêu-quốc-công mở trường dạy học ở làng bên cạnh; Đinh-Chi xin mẹ, đến nhập môn, bà cụ thấy con còn tí tuổi mà có chí, mừng-rõ liền sắm-sửa cho đi.

Khi đến trường, học-trò thấy người ít tuổi và xấu-xí, ai cũng khinh bỉ, duy Chiêu-quốc-công biết là đứa trẻ phi thường. Không bao lâu Đinh-Chi học hành tẩn tội, hơn cả một trường, thực có tài nghe một biết mười, học đâu nhớ đấy. Vùng ấy đều cho là Thần-đồng, mà Chiêu-quốc-công lại càng đem lòng yêu quý, muốn nuôi cho ăn học ở luôn trong nhà, để làm bạn đọc sách với các Công-tử; nhưng Đinh-Chi rất có hiếu, xong buổi học lại về nhà giúp-đỗ mẹ mọi việc, chứ không chịu ở luôn trường.

Nhà Đinh-Chi rất nghèo, bà mẹ thường đi hái củi bán để lấy tiền dong gạo nuôi con; Đinh-Chi vẫn không yên lòng về sự đã làm cho mẹ phải vất-vả về mình, nhưng cũng không biết làm thế nào, nỗi lo nghĩ buồn rầu hiện ra nét mặt. Khi đến nhà trường vẫn không bao giờ được tươi-tinh. Chiêu-quốc-công lấy làm lạ, một hôm cho gọi vào nhà trong hỏi truyện; Đinh-Chi thưa rõ chân tình mẹ già nhà túng; Chiêu-quốc-công động lòng thương cảm, liền bàn với Phu-nhân đón cả hai mẹ con Đinh-Chi về nuôi.

Từ đó Đinh-Chi ăn học luôn ở nhà Chiêu-quốc-công, văn-chương lừng-lẫy khắp vùng Hải-dương; Chiêu-quốc-công coi như là con đẻ, từ quần áo, giấy bút, cho chí công kia việc nọ nhà họ Mạc, đều nhất nhất đỡ đần cả. Đinh-Chi cũng hết đạo thờ thày, sớm khuya hồn-hạ chẳng khác gì con dối với cha.

Tháng lại ngày qua, Đinh-Chi đã 15 tuổi, học nghiệp và tinh-hạnh cứ theo với tuổi một ngày một tiến. Năm sau bắt đầu ra ưng-thí, từ khảo, hạch đến thi hương, kỳ nào cũng đỗ đầu, cái tài khoa cử của Đinh-Chi, lúc thiếu-niên đã phát đạt臻 tới là như thế.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÀ:

Cô nhân có nói: «Đắc địa sinh nhân 得地生人», là: Được đất mới sinh ra người. Lại có nói: «Địa dĩ nhân nhì thắng 地以人而勝», là: Đất bởi người mà hay. Dân-tộc nước ta dòng-dõi vua Thần-Nông bên Tàu, họ nào cũng đều là chi phái dân-tộc bên Tàu, chẳng cứ một mình họ Mạc.

Song họ Mạc là con cháu nhà Chu, dõi Thánh dòng Hiền, nền nhân cõi đức, cho nên, cuộc đời đầu bề giầu thay đổi, mà nhân-tài không giới hạn Bắc, Nam.

Còn như việc hẫu-tinh giáng thế, cứ như lời mộng triệu của bà cụ thì cũng có lẽ.

Còn như tục truyền trước khi Đinh-Chi chửa sinh, ở làng Lũng-động có một khu rừng cũn, cây-cối rập-rập, có nhiều giống hâu, ở trong đó có một con hâu rất to và rất tinh-khon, người ở đây thường gọi là hâu-tinh, không ai dám tới gần. Một hôm bà cụ thản-sinh ra Đinh-Chi vào rừng hái củi, gặp hâu-tinh gheo hiếp. Về nhà nói truyện, ông cụ cả giận, hôm sau cẩn nữ-trang, thủ một con dao sắc, giả làm tiền-phụ (đàn bà hái củi). Khi vào đến rừng, hâu-tinh quen thói lại ra chực gheo, ông cụ xuất kỵ bất ý cho một nhát dao vào cổ ngã quay ra, rồi bỏ đẩy trở về, súng hòm sau vào xem, thấy chỗ xác hâu-tinh mối dùn thành đống đất rết to, từ đấy bà cụ thụ thai. Đến giờ thản, ngày thản, tháng thản, năm thản sinh ra Đinh-Chi, người ngắn bé, mặt nhăn-nhó trông tựa như con hâu, vừa đầy năm thì ông cụ mất. Di ngôn táng bên đồng đất mối dùn xác hâu-tinh khi trước, ý cũng hiều dia-lý, cho chỗ đất ấy là huyệt quí mà muôn dự hưởng phúc chăng.

Lại có người nói: Bà cụ đi xách nước ở giếng đầu làng, bị hâu-tinh hiếp ở bờ giếng, bà cụ dậy xuống giếng mà về, hôm sau ra xem đã thấy giếng ấy đầy lên một đống đất rất to, tức là mả hâu-tinh. Sau ông cụ mất cũng táng ở bên giếng ấy.

Chỗ ngôi mộ ấy bây giờ vẫn còn, chung quanh có vòng tròn hình cái giếng.

Hai câu ấy dẫu cũng là truyền dĩ nghe truyền nghi, nhưng so với việc sinh ra một bọc trăm trứng, và truyền bà cụ sinh ra vua Đinh-Tiên-Hoàng, di mà cua bắt dc bị Lại-tinh (Rái-cá) gheo hiếp rồi thụ thai sinh ra ngài, v.v... đều có thể trùng cho câu: «đắc địa sinh nhân».

Kia như Bắc-sử cũng có truyện «Huyền-diêu sinh thương 玄鳥生商», Chiêm huyền-diêu sinh ra nhà Thương. «Lý cự nhân tích nhỉ sinh khí 屢巨人脉而生棄», Uớm bàn chân người nhón mà sinh ông Khí.

Ta là người sau, đọc truyện đời trước, dành rằng hết thảy đều tin sách, chẳng bằng không sách, song cũng không nên nhất thiết cho việc ta là hoang-đurdyng.

HỘI THÚ HAI

Vào thi Đinh, ngũ linh dâng phú;
Sang sứ Tàu, xuất khẩu thành chương.

Năm Giáp-thìn niên-hiệu Hưng-long thứ hai đời nhà Trần (1293), vua Anh-tôn mở khoa thi Hội, phân ra tam giáp:

Đệ nhất giáp: Trạng-nghuyên, Bảng-nhỗn, Thám-hoa;
Đệ nhì giáp: Hoàng-giáp;

Đệ tam giáp: Tiến-sĩ.

Mạc Đĩnh-Chi thi đỗ Hội-nghuyên, khi vào Đình-đổi, vua thấy tướng-mạo xấu-xí, không muốn cho đỗ Trạng-nghuyên, Đĩnh-Chi biết ý, nhân khi ứng chế, tiện thể đầu bài ra: « Ngoc-tinh-lien-phu 玉井蓮賦 ». Nghĩa là: « Cây-sen trong giếng ngọc », ông bèn ngụ ý tự vi mình vào trong bài phú, dâng lên ngự lâm.

PHÚ RĂNG:

客 有 隱 儿 高 齋 夏 日 正 午 臨 碧
Khách hữu ẩn ký cao trai; hạ nhật chinh ngū. Lâm bích
水 之 清 池 詠 芙 蓉 之 樂 府 忽 有
thủy chi thanh trì; vịnh Phù-dung chi nhạc phủ. Hốt bửu
人 焉 野 其 服 黃 其 冠 迤 出 塵 之
nhân yên, Giả kỵ phục; hoàng kỵ quan. Quýnh xuất trần chi
仙 骨 凛 碎 穀 之 疏 顏 問 之 何 來 曰
tiên cốt; lâm tịch cốc chi cõ nhan. Vấn chi hà lai? Viết
從 華 山 遷 授 之 儿 遷 使 之 坐 破 東 鄰
tòng Hoa-san. Nài thụ chi ký; nài xǔ chi toạ. Phá đông lân
之 瓜 薦 瑶 池 之 荘 載 言 之 狼 載 笑
chi qua; tiến Giao-trì chi quả. Tái ngôん chi lương; tái tiểu
之 瑧 既 而 目 客 曰 子 非 愛 蓮 之 君
chi tha. Ký nhi mục khách viết: « Tử phi ái liên chi quân
子耶 我 有 異 種 藏 之 袖 間 非 桃 李 之 糜
tử da? Ngã hữu dị chủng, tàng chi tú gian. Phi đào lý chi thô
俗 非 梅 竹 之 孤 塞 非 僧 房 之 柏 杞 非
tục; phi mai chúc cbi cô hàn. Phi tảng-phòng chi câu-ký; phi

洛土之牡丹非陶令東籬之菊非靈
 lạc-thò chi mǎu-dan. Phi Đào-lịnh đông-ly chi cúc; phi linh-
 均九畹之蘭乃泰華峰頭玉井
 quān cửu uyền chi lan. Nai Thái-hoa phong đầu ngọc-tỉnh
 之蓮客曰異哉豈所謂藕如船
 chi liên ». Khách viết dị tai! Khởi sở vị ngẫu như thuyền
 分花十丈冷如冰分甘比蜜者耶
 hè, hoa thập trượng; lanh như bǎng hè, cam tỉ mật giả da?
 昔聞其名今得其寔道士欣然乃
 Tích văn kỳ danh, kim đắc kỳ thực». Đạo-sĩ hân nhiên, nái
 裕中出客一見之心中鬱鬱乃
 tụ trung xuất. Khách nhát kiến chi, tâm trung uất uất. Nái
 摺十樣之箋泚五陵之筆已而歌曰
 phết thập dạng chi tiêm, tì ngũ lăng chi bút. Dì nhi ca viết:
 架水晶兮爲宮鑿琉璃兮爲戶碎玻璃
 « Giá thủy tinh hè, vi cung; Tạc lưu-ly hè, vi hộ. Toái pha-lê
 兮爲泥洒明珠兮爲露香馥郁兮
 hè, vi nê; sái minh-châu hè, vi lộ. Hương phúc úc hè,
 重霄帝聞風兮女慕桂子冷兮無
 trùng tiêu; đế văn phong hè, nhữ mộ. Quế-tử lanh hè, vô
 香素娥紛兮女嬌採瑤草兮芳
 hương; tõ nga phân hè, nhữ dỗ. Thái giao thảo hè, phuong
 洲望美人兮湘浦蹇何爲兮
 chau; vọng mỹ nhân hè, Tương-phố. Kiên hà vi hè,
 中流盍相返兮故宇豈濩落兮無
 trung lưu; hạp tương phản hè, cõ vū. Khởi hô-lạc hè, vô
 容嘆嬪娟兮多誤苟予柄之不
 dung; thán thuyễn quyền hè, đà ngộ. Cầu dư bình chi bút
 阿果何傷乎風雨恐芳紅兮
 a; quả hà thương hồ, phong vũ. Khủng phuong hồng hè,
 搖落懷美人兮歲暮道土聞而嘆
 giao-lạc; hoài mỹ-nhân hè, tuế mộ. Đạo-sĩ văn nhi thán
 曰子何爲哀且怨也獨不見鳳
 viết: « Tử hà vi ai thả oán giã? Độc bát kiến phuong-

鳳 池 上 之 紫 薇 白 玉 堂 前 之
 hoàng trì thượng chi tử-vi; bạch-ngọc đường tiền chi
 芳 馨 俊 地 位 之 清 高 蕤 聲 名 之
 thược-dược. Tuần địa vị chi thanh cao; ái thanh danh chi
 硕 灼 彼 皆 見 貴 於 聖 明 之 朝 子
 chiêu chước. Bỉ gai kien quí ư thánh minh chi triều; tử
 獨 何 之 手 騷 人 之 國 於 是 有 感 斯 吉
 độc hà chi hồ tao-nhân chi quốc». Út thị hưu cảm tư ngôn,
 起 敬 起 慕 哟 成 齋 亭 上 之 詩
 khởi kính khởi mộ. Nga Thành-Trai định thượng chi thi;
 廣 昌 黎 峯 頭 之 句 叫 閻 閻 以 披
 canh Xương-Lê phong đầu chi cú. Khiếu xuong hạp dì phi
 心 敬 獻 玉 井 蓮 之 賦
 tâm; kính hiến ngọc-tinh liên chi phú.

DIỄN NÔM:

*Khách tựa chốn cao trai thư-thả,
 Nhân gặp khi lửa hạ đang nồng :*
Tôi dòng nước biếc áo trong,
Ngâm câu Nhạc-phủ, Phù-dung cõi đàn.
Chợt thấy kẻ mũ vàng áo trắng,
Rõ ra hình một dáng đạo-nhân,
Xương tiên chẳng nhuộm bụi tràn,
Mặt đầy nhung vẫn tinh thần thanh lao.
Khách chào hỏi : « Nơi nào lại tá ? »
Thưa rằng : « Từ núi Hoa đến đây, »
Vội-vàng trao ghẽ giết tay,
Dưa ngon, quả quí, tiệc bày mời khuynh.
Khi trò-truyện hàn-huyễn bâ-lă,
Nói cười như ngọc nhả, châu phun,
Đạo nhân nganh lại hỏi liền :
« Người đây có phải ái-liên chàng là ?
Giống qui ấy, đây ta săn cở,
Tay áo này, ta chưa dã lâu;
Phải đâu đào, lý thô mầu,
Phải đâu mai, trúc dãi-dầu tuyết sương.

Cũng chẳng phải tăng phuờng câu-ký,
Cũng không là Lạc-thủy mâu-dan,

Cũng không là cúc, là lan,

Chính là sen ở giếng vàng đầu non ».

Khách nghe nói vôi khen: « Lạ thật !
Phải như câu Đường-luật này chẳng ?

Ngọt như mật, giá như bǎng,

Hoa cao mươi trượng, ngó cong như thuyền ;

Bấy nay những nghe tên ao ước,

May dịp này mới được mắt trông »,

Đạo-nhân hồn-hồ vui lòng,

Giờ trong tay áo nguyên phong tặng người.

Khách nom thấy bồi-hồi trong dạ,

Sẵn bút nghiên tay tả bài ca :

« Thủ-y-tinh gác đê làm nhà,

Ngọc lưu-ly trạm đó là cung-môn ;

Nát pha-lê làm bùn dưới gốc,

Tirời minh-châu làm móc trên cây,

Hirong xông, ngào-ngạt tầng mây,

Để-danh coi cũng yêu say vì tình !

Gã quế-tử giận mènh lanh-dạm,

Á hàng-nga riêng oán phản-vân,

Cỏ giao hái chốn phuơng-tân,

Sông Tương trông ngóng mỹ-nhân một vùng.

Vì đâu cứ giữa dòng lơ-lửng,

Sao không về đất cũ nghỉ ngơi,

Hà rằng lưu-lạc không nơi,

Thuyền-quyên lỡ bước, ngậm ngùi tắm thân.

Nếu ta vốn muôn phần ngay thẳng,

Có lo gì mưa nắng hôm mai,

Chỉn c hương nhạt hòng phai,

Người về năm đã muộn rồi còn đâu ? »

Đạo nhân thấy cui đầu than-thở,

Rằng: « Sao người oán mộ lắm thay !

Chẳng xem hoa tử-vi này,

Cùng hoa thương-dược bấy chầy kém ai !

*Trên ao phượng, trước nơi thềm ngọc,
Sớm khuya cùng ơn lộc quân-vương,
Ngôi cao tiếng cũng hiển giương,
Sao người đã với chán-chường di đâu ?»
Khách nghe nói trước sau bầy tò,
Lại đem lòng kính mộ siết bao,
Trai đình ngâm vịnh vài câu,
Nỗi thơ « Thái-hoa phong đầu » cõ thi ;
Tấm lòng giải tỏ vân vi,
Kính dâng một phú dan-trì xét-xoi.*

Vua Anh-tôn xem xong khen là thiên tài, mới cất lên cho đỗ Trạng-nghuyên, ban cờ biển vinh-quí, (bấy giờ Trạng Mạc Đĩnh-Chi vừa 20 tuổi).

Trạng vinh-quí về đến Hải-dương, Chiêu-quốc-công được tin, sai người dọn-dẹp cửa nhà và sửa riêng một nơi làm tư - dệ cho Trạng.

Trạng về làm lê bài tò và bài môn xong, Chiêu-quốc-công sai mở tiệc mừng, rồi cho Trạng kết duyên với Lý Quận-chúa (là con gái nuội) của Quận-công.

Được hơn một tháng, hông có chiếu-chỉ chiếu Trạng lai kinh cung chức, Trạng bèn bài từ ông bà Chiêu-quốc-công, rồi đem mẹ và vợ lai kinh.

Vua Anh-tôn vời vào bệ kiển, hỏi việc chính-trị, Trạng ứng đối nhiều điều xứng chỉ, được ban làm Hàn-lâm Đại-học-sĩ, không bao lâu lại thăng làm Đại-liêu-ban (đầu hàng bá quan).

Khoảng năm Đại-khánh đời vua Trần Minh-lôn (1314), vua Tầu sai Sứ sang phong vương, Triều ta cắt quan sang tạ ơn và tiến cống.

Trạng được sung làm Chánh-sứ. Khi khởi hành, đã có công-văn thông báo, hẹn ngày để quan Tầu mở cửa ải nghinh-tiếp, song vì gặp mưa thành ra sai hẹn, hôm sau mới đến, quan coi ải đóng cửa, không cho vào, Trạng khẩn cầu hai ba lượt, quan Tầu mới ra một câu đối rằng :

QUAN TẦU RA:

過 團 過 關 開 關 閉 願 過 客 過 團
 Quá quan trì, qua quan bế, nguyễn quá khách quá quan

DỊCH NÔM LÀ :

Đến ải chậm, cửa ải đóng, mời quá khách qua ải đi.

Bảo hễ đổi được thì mở cửa ải; Trạng Đinh-Chi viết ngay một mảnh giấy sai lính ném qua cửa ải đổi lại rằng:

TRẠNG MẠC ĐÌNH-CHI ĐỔI:

出 對 易 對 對 難 請 先 生 先 對
 Xuất đổi dị, đổi đổi nan, thỉnh tiên sinh tiên đổi.

DỊCH NÔM LÀ :

Ra đổi dê, làm đổi khó, xin tiên-sinh trước đổi thử.

Quan Tầu phục là tài mãn tiệp, bèn mở cửa ải đón vào.

Đến khi Trạng Đinh-Chi tới Yên-kinh (kinh-đô vua Tầu) quan Tướng-quốc Tầu mời vào chơi tướng-phủ; trong phủ có bức bình-phong thêu chim sẻ đậu trên cành trúc, kiều vẽ thần-linh, trông như chim thật, Trạng đứng dậy toan chộp, quan Tầu cười ầm cả lên, trang biết là lầm, liền chữa thẹn, cầm ngay bức thêu xé tan ra, chúng ngạc nhiên hỏi: « có sao? » Trạng thong-thả đáp rằng: « Tôi nghe người ta thường vẽ chim sẻ đậu cành mai, chứ không thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc, vì chim sẻ là tiểu-nhân, cây trúc là quân-tử, thêu chim sẻ đậu cành trúc, thì ra cho tiểu-nhân ở trên quân-tử, sao gọi là danh-họa được! Tôi sợ đạo quân-tử ngày một suy, đạo tiểu-nhân ngày một thịnh, nên vì Thánh-triều trừ bỏ cái điều xấu ấy đi. » Quan Tầu phục là hùng biện.

Hôm sau Tướng-quốc dẫn trang vào bệ kiến vua Nguyên, vừa lúc có ngoại-quốc dâng đổi quạt qui, vua truyền sứ-thần Cao-ly, và sứ-thần An-nam, mỗi người đề một bài « Phiến-minh 扇銘 » (Minh quạt).

Sứ Cao-ly nghĩ xong trước, cất bút đề luôn. Trạng Đinh-Chi chưa nghĩ được từ hay, nhác trông sang quản bút bên kia viết, đoán ngay được bài Minh ấy rằng:

蘊 隆 重 重 伊 尹 周 公

Uân long trùng-trùng, Y-Doãn, Chu-Công;

冬 寒 凄 凜 伯 夷 叔 齋

Đông hàn thê-thê, Bá-Di, Thúc-Tề.

DỊCH NÔM LÀ :

Khi nóng nồng-nàn; làm ông Y-Doãn, ông Chu-Công;
Mùa Đông rét-murót: như ông Bá-Di, ông Thúc-Tề.

Ý nói cái quạt dương khi nóng bức, ai cũng phải
dụng, cũng như ông Y-Doãn, ông Chu-Công đặc dụng
ở đời Thương đời Chu. Đến mùa rét thì quạt bỗ só,
không ai dùng, cũng như ông Bá-Di, ông Thúc-Tề chết
đói trên núi Thủ-dương mà không ai biết.

Trạng bèn bắt chước ý ấy mà suy diễn thêm ra làm
một bài rǎng:

流 金 燥 石 天 地 爲 爐

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô;

爾 於 斯 辰 分 伊 周 巨 儒

Nhī ư tu thời hè Y, Chu cự nho,

北 風 其 凉 雨 雪 載 途

Bắc phong kỳ lương, vū tuyết tái đồ,

爾 於 斯 辰 分 夷 齊 餓 夫

Nhī ư tu thời hè Di, Tề ngā phu,

噫 用 之 則 行 舍 之 則 藏

Y dung chi tắc hành, xả chi tắc tàng,

惟 我 與 尔 有 是 夫

Duy ngā giữ nhī hữu thị phù.

DỊCH NÔM LÀ :

Chảy vàng nóng đá; trời đất làm lò;

Mày lúc bấy giờ như ông Y, ông Chu là bậc cự nho,
Gió bắc lạnh-lěo; mưa tuyết mịt-mù,

Mày lúc bấy giờ giống ông Di, ông Tề là kẻ ngᾶ-phu,
Ôi! dùng thời làm, bỏ thời chừa,

Chỉ ta với mày có thể du!

Tám câu trên ý cũng như bốn câu của sứ Cao-ly, từ chữ «γ 嘘» trở xuống nói thêm cái quạt lúc dùng lúc bỏ, đều tùy thời mà thích nghi. Câu cuối thì vi quạt với mình, có ý rộng rãi hơn bài của sứ Cao-ly chỉ tả nguyên cái quạt mà thôi.

Đề xong dâng lên vua Nguyên xem, vua khuyên chữ «γ 嘘» rồi phê rằng: «*Lưỡng quốc Trạng-nguyên* 兩國狀元».

Sứ Cao-ly biết mình tài kém, hổ thẹn vô cùng, khi về đến nhà đường thì tự-tử.

Trạng Đinh-Chi từ đây thanh-danh lừng-lẫy, phàm triều Nguyên có việc gì quan thiệp đến từ-hàn bút trát, vua Nguyên đều dùng đến Trạng Đinh-Chi.

Một hôm vua Nguyên có vị Công-chúa mất, vua vời Trạng Đinh-Chi vào đọc văn-tế, lúc quì xuống cầm chúc-bản mở phủ chúc ra thì chỉ thấy có bốn chữ «nhất一» còn toàn giấy trắng, Trạng biết là vua Nguyên thử tài mình, liền tự ý đọc ngay rằng:

Thanh thiên nhất đoá vân;	青	天	一	朶	雲
Hồng-lô nhất diêm tuyết;	紅	爐	一	點	雪
Thượng-uyên nhất chi hoa;	上	宛	一	枝	花
Quảng-hàn nhất phiến nguyệt.	廣	寒	一	片	月
Ô hô! vân tán! tuyết tiêu!	鳴	呼	雲	散	雪 消
Hoa tàn! nguyệt khuyết!	花	殘	月	缺	

DỊCH - NÔM LÀ:

*Giời xanh một đám mây,
Lò-hồng một giọt tuyết,
Vườn Thượng-uyên một cành hoa;
Cung Quảng-hàn một vầng nguyệt,
Than ôi! mây tán! tuyết tiêu!
Hoa tàn! giáng khuyết!*

4 câu trên có chữ nhất, ví dụ: «nghi bà Công-chúa», 2 câu dưới tỏ ý khóc than thương tiếc.

Vua Nguyên và bách quan đều phục là thiên-tài, sai Sứ-thần chép bài văn tế ấy vào Thực-lục.

Trong khi Trạng Đinh-Chi ở Sứ-quán, thường cùng với các quan nhà Nguyên đối đáp, toàn là những văn-chương tuyệt bút, đại khái như những câu này :

QUAN TẦU RA:

魅 魄 魑 鬼 四 小 鬼
Vy, lỵ, vồng, lượng, tứ tiều quỉ.

DỊCH NÔM LÀ:

Quỉ Vy, quỉ Lỵ, quỉ Vồng, quỉ Lượng, là bốn thằng tiều-quỉ.

Vì bốn chữ ấy đều có một chữ « **quỉ** 鬼 » đứng bên. (Ngụ ý chê Trạng Đinh-Chi xấu như quỉ).

TRẠNG ĐỐI:

琴 瑟 琵 琶 八 大 王
Cầm, sắt, tì, bà, bát, đại vương.

DỊCH NÔM LÀ:

Đàn Cầm, đàn Sắt, đàn Tì, đàn Bà, là tám vị đại-vương.

Vì bốn chữ ấy mỗi chữ đều có hai chữ « **vương** 王 » trên đầu. (Ngụ ý rằng mình chẳng kém hèn đâu, cũng vào bậc Đại-vương).

Quan Tầu phê rằng: « Khi chết được làm Phúc-thần, và con cháu sau sẽ được làm vua đến đời ».

QUAN TẦU RA:

安 去 女 以 耒 爲 家
An khứ nǚ dì thí vi gia.

DỊCH NÔM LÀ:

Chữ « **àn** 安 » bỏ chữ « **nǚ** 女 » *di*, lấy chữ « **thí** 耒 » vào, thành chữ « **gia** 家 ».

TRẠNG ĐỔI:

因 出 入 八 王 成 国

Tù xuất nhân, nhập vương thành quốc.

DỊCH NÔM LÀ:

Chữ « tù 囚 » dem chữ « nhân 入 » ra, cho chữ « vương 王 » thay vào, thành chữ « quốc 国 ».

Quan Tầu phê rằng: « Con cháu đời sau tất được nuture! song hiềm chữ « quốc 国 » đơn, hưởng quốc không được lâu dài ».

QUAN TẦU RA:

日 火 雲 煙 白 畫 燒 殘 玉 兔

Nhật hoả vân yên, bạch chú thiêu tàn ngọc thỏ.

DỊCH NÔM LÀ:

Giời là lửa cháy, mây là khói bay, sáng sớm đốt tàn thỏ ngọc.

TRẠNG ĐỔI:

月 弓 星 碣 黃 昏 射 落 金 烏

Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.

DỊCH NÔM LÀ:

Giăng làm cung dương, sao làm đạn nồ, chiều hôm bắn dụng quạ vàng.

Quan Tầu phê: « Con cháu đời sau tất có người được thụ thiện ».

QUAN TẦU RA:

駛 叫 枝 頭 談 諧 論 知 之 爲 知 之
Quých khiếu chi đầu đàm Lô-luận, tri chi vi tri chi,

不 知 爲 不 知 是 知

bất tri vi bất tri thị tri.

DỊCH NÔM LÀ:

Chém đỗ đầu cảnh đọc sách Lô-luận, biết thì bảo là biết, chẳng biết bảo chẳng biết, ấy là biết đó.

Quan Tầu ra câu ấy ngũ ý chê - người An-nam ta tiếng nói như tiếng chim.

TRẠNG ĐỐI

蛙 鳴 井 底 謂 鄭 書 樂 奥 少 樂 樂
 Ông minh tinh đê độc Châu-thư, lạc giữ thiều lạc nhạc,
 樂 與 羣 樂 樂 認 樂
 lạc giữ chúng lạc nhạc thực lạc.

DỊCH NÔM LÀ:

Éch ngồi đây giếng, giảng sách Châu-thư, cùng ít
 người vui nhạc, cùng nhiều người vui nhạc, dẫu nào
 vui hơn.

Trạng đối câu ấy cũng nhắc lại quan Tầu, tiếng nói
 như tiếng éch.

QUAN TẦU RA:

杞 已 木 杯 不 木 如 何 以 杞 爲 杯
 Ký dī mộc, bōi băt mộc, như hà dī ký vi bōi.

DỊCH NÔM LÀ:

Chữ ký là gỗ ký, thì bằng chữ dī với chữ mộc, chữ
 bōi là chén, thì bằng chữ băt với chữ mộc, sao lại lấy
 gỗ ký làm chén.

TRẠNG ĐỐI:

僧 曾 人 佛 弗 人 胡 乃 以 僧 事 佛
 Tăng tăng nhân, phật phất nhân, hò nài dī tăng sự phật.

DỊCH NÔM LÀ:

Chữ tăng là nhà sư, thì bằng chữ tăng với chữ
 nhân, chữ phật là bụt, thì bằng chữ phật với chữ nhân,
 sao lại để nhà sư thờ phật.

QUAN TẦU RA:

洛 水 神 龜 艸 應 兆 天 數 五 地
 Lạc thủy thần qui đan ứng triệu, thiên số ngũ, địa
 數 五 五 五 二 十 五 數 數 數 混 成 三
 số ngũ, ngũ ngũ nhị thập ngũ số, số số hỗn thành tam
 大 道 道 合 元 始 天 尊 一 誠 有 感
 đại đạo, đạo hợp Nguyên-thủy Thiên tôn, nhất thành hữu cảm.

DỊCH NÔM LÀ:

Rùa thần sông Lạc - thủy ứng triều lê, số trời năm, số đất năm, năm lần năm là hai mươi nhăm số, số số hồn thành ba đạo lớn, đạo hợp đức Nguyên-thủy Thiên-tôn, một bụng thành có cảm.

TRẠNG ĐỐI:

岐山鳴鳳兩呈祥 雄聲六
 Kỳ-sơn minh phượng lưỡng trình tường, hùng thanh lục,
 雌聲六六三十六聲聲
 thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh
 透徹九重天天錫嘉慶皇
 thấu triệt cửu trùng thiên, thiên tích Gia-khánh Hoàng-
 帝萬壽無疆
 đế, vạn thọ vô cương.

DỊCH NÔM LÀ:

Phượng kêu núi Kỳ-sơn ứng đèm chẵn, tiếng sông sáu, tiếng mái sáu, sáu lần sáu là ba mươi sáu tiếng, tiếng tiếng thấu xuôi chín từng trời, trời cho đức Gia-khánh Hoàng-đế, muôn tuổi thọ không cùng.

Các quan lầu đều khen là thực giỏi, một hôm Trạng Đinh-Chi cưỡi lừa đi chơi chạm vào ngựa của quan Tầu, quan Tầu ra câu đối rằng:

觸我驕馬東夷之人也 西夷之人也
 Xúc ngã ky mã, Đông-di chi nhân giā, Tây-di chi nhân giā.

DỊCH NÔM LÀ:

Chạm ngựa ta đi, người dở bên Đông đó, hay người dở bên Tây đó.

Trạng ứng khẩu đối ngay rằng:

遏予乘驥南方之強歟北方
 Át dư thừa lư, Nam-phương chi cường dư, Bắc-phương
 之強歟
 chi cường dư?

DỊCH NÔM LÀ:

Ngăn lừa ta cưỡi, sức mạnh phương Nam dư, hay
 sức mạnh phương Bắc dư?

Người Tầu thường mở cuộc « sai-mì 差謎 » (sai-mùi) đánh đố chữ, có ra một bài rằng :

Nhất diện lưỡng my;	一 面 兩 眉
Nhất xấu nhất phì;	一 瘦 一 肥
Nhất niên nhất nguyệt,	一 年 一 月
Nhất nhạt tam kỳ.	一 日 三 期

BÌCH NÔM LÀ :

*Một mặt đôi mày,
Một béo một gầy,
Một năm một tháng,
Ba buổi một ngày.*

Trạng Đĩnh-Chi giảng là chữ « bát 八 » vì hình chữ Bát tựa hai hàng lông mày trên mắt, một nét nhỏ một nét to, mỗi năm chỉ có một tháng tám, mỗi ngày 3 bữa ăn phải có bát. Người Tầu chịu là tài.

Trạng Đĩnh-Chi sang sứ cả thảy ba tháng, ứng đối giao-thiệp nhiều điều đặc sắc, ai cũng phục là kỵ tài, nhưng coi tướng mạo không có gì là quí-cách; Quan Tầu dụng công cho rình lúc Trạng Đĩnh-Chi đi đại-tiện, thấy phân hình vuông (trước vuông sau tròn), mới biết là có ẩn tướng.

Không bao lâu Trạng Đĩnh-Chi được trở về Nam, vua Nguyên thưởng từ rất nhiều. Trạng từ chối không chịu lấy gì cả, chỉ xin lĩnh lá cờ thêu 4 chữ « Lưỡng quốc Trạng-nguyên 兩國狀元 » làm vật kỷ-niệm. Vua Nguyên khen là người hiền, sai sứ tiễn Trạng về nước, và đáp lễ vua Trần. Từ đó hai nước tu hiểu càng thân, ai cũng khen Đĩnh-Chi đi sứ thế là bất nhục quân minh.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÁ:

Tiền-triết Á-dông ta thường nói : « Dĩ tiếu sự, đại úy thiên giã 以小事大畏天也 ». Nghĩa là : « Lấy nước nhỏ thờ nước lớn là sợ uy trời ». Nước ta với nước Tầu, thế lực bất địch, đời đời chịu xưng thần phụng cống, chẳng cứ là một đời Trần.

Duy đời Trần thì sự giao-thiệp với nước Tàu lại càng khó sủ. Về đường tinh hiều, thì thanh gươm Vạn-kiếp, oán cũ chưa dèn, ngọn sông Bạch-đằng, thù xưa còn đó. Về đường thế lực thời chẳng khác gì núi Thái-san nén trên quả trứng, nguy-hiểm biết là đường nào! khó-khăn biết là đường nào!

Người Tàu trong buổi ấy ngoài mặt dẫu phong vương thụ cống, trong lòng vẫn chưa giận ngầm hẵn, mong những có ngày báo oán, nhưng chỉ còn e nước ta có người tài giỏi thì không làm gì nổi mà thôi.

Từ khi Trạng Đinh-Chi sang sứ, bài Minh đẽ quạt, võ mặt sứ Cao-ly, văn tế làm thời, hết via người Trung-quốc. Có văn-chương lại hay hùng biện, giỏi ứng đáp cũng khéo phụng thura, khiến cho vua tôi nhà Nguyên yêu vì nết, trọng vì tài, trọng sứ An-nam tức phải trọng vua nước An-nam, co-nghiệp nhà Trần vững lụa Thái-san, bờ cõi nước ta yên như bàn-thạch, khác gì: « Núi có hùm beo, rau cỏ không ai dám hái » (Hồ báo tại san, lê hoắc vị chi bất thái 虎豹在山藜藿爲之不探) bảo chẳng phải công Trạng Đinh-Chi đó ru!

Cho hay đất nào cũng sinh tài; tài nào cũng giúp đời. Trạng Đinh-Chi chẳng những là trụ-thạch của nhà Trần trong khoảng bấy giờ, mà lại là san-dầu cho sứ thần đời sau vậy.

Hoàng-giáp nhà Lê là Đặng Minh-Khiêm có thơ khen rằng: « Phiến minh thủ trọng Yên-dài dù, sứ tiết phuơng tri quốc hữu nhân 扇銘首重燕疊譽使節方知國有人 ». Dịch nôm là: « Yên-kinh nức tiếng bài minh quạt, biết nước Nam ta có sứ tài ». Thực không phải là lời khen quá đáng vậy.

HỘI THÚ BA

Khinh tiền tài, nức tiếng thanh-liêm.

Dụng chùa tháp, chuộc điều tội lỗi.

Trạng Đĩnh-Chi đi sứ về, có công được thăng chức Tả-bộc-sạ (Tề-tướng) kiến nghị nhiều điều ích quốc lợi dân, trong triều ngoài nội đều phải ý trọng. Vua Anh-tôn thường gọi tên hiệu Tiết-phu, là tỏ ý qui trọng mà không gọi tên tục.

Trạng Đĩnh-Chi tính rất thanh-liêm, dẫu làm đến cực phẩm cao quan, mà trong nhà vẫn túng, các tết nhất ai cho gì đều từ chối, tự phụng rất kiệm ước; Phu-nhân và các Công-tử đều mặc quần áo vải, thằng Chanh con Nụ chỉ độ vài ba đứa mà thôi.

Vua Minh-tôn (con vua Anh-tôn) thường hỏi:

« Trẫm nghe nhà Trạng túng, nếu có thiếu tiền dùng cứ nói, trẫm sẽ tư-cấp cho ».

Trạng Đĩnh-Chi tâu rằng: « Hạ-thần nhờ ơn vua lộc nước, vợ con không phải đói rét là may, dẫu dám cầu vinh thân phì gia để thêm mang tội, xin Bệ-hạ đừng thương đến hạ-thần nghèo, chỉ xin thương lấy muôn dân, giữ nghiệp tồ-tòng, sửa sang chính-trị, khiến lũ hạ-thần được hết chức trách làm bầy tôi, thiên-hạ được hưởng hạnh-phúc thái-bình, đó là lòng hi-vọng của hạ-thần. Hạ-thần được thoả lòng hi-vọng ấy, thì dẫu áo vải cơm rau cũng là đủ, nếu chẳng được thoả lòng hi-vọng ấy thì dẫu mỹ-vị cao-lương, mặc đồ gấm vóc, ngựa-xe trăm cỗ, đồng bộc ngàn người cũng là thiểu, xin Bệ-hạ xét cho ».

Vua biết Trạng vốn tinh trung liêm, không thể lấy tiền tài động lòng được. Nhưng thấy Trạng tự phụng kiệm quá, trong bụng không yên, bèn nghĩ ra một cách, sai Nội-thị rình lúc tối tăm, lén đem 100 quan tiền đỗ vào cửa hiên nhà Trạng rồi trở về.

Sáng hôm sau, Trạng vào chùa, đem việc được tiền tâu vua và xin đem nộp vào công khố.

Vua phán: «Tiền ấy đã vô chủ, cho phép Trạng cứ lấy mà tiêu, Trạng thanh-liêm nên trời dem của đến tận nhà, nếu chê của trời cũng là có lỗi!»

Trạng biết là vua nói ý, của trời tức là của thiên-tử, bèn bất-dắc-dĩ phải nhận, nhưng chỉ tiêu một nửa, còn một nửa phát cho kẻ nghèo. Vua nghe thấy khen ngợi là người thanh-liêm.

Tướng-phủ của Trạng đều có các nha thuộc của vua cắt ra để hầu hạ trông nom, nhưng phàm công việc gì không phải việc quan thì Trạng chẳng hề sai phái đến.

Trong nhà nuôi hai đứa nữ-tì, một đứa là Trạch, một đứa là Đuợm, đều độ 13, 14 tuổi, con Đuợm hầu Trạng, con Trạch hầu Lý Phu-nhân (vợ Trạng).

Một hôm Lý Phu-nhân và con Trạch đều tự nhiên vô bệnh mà mất, Trạng rất là thương cảm, nhưng cũng chỉ lấy câu số hệ khuây dần mà thôi.

Tháng ngày thăm-thoát, đã được nửa năm, con Đuợm đi chợ Hoài-dương (tương truyền chợ ấy người âm, người dương mua bán lân-lộn, người bán hàng phải để chậu nước, hễ bán được tiền thả vào chìm thì lấy, nỗi thì không lấy tức là chợ Giảu bấy giờ, thuộc huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh) con Đuợm đương mua ăn, bỗng trông thấy con Trạch, vội-vàng chạy đến hỏi thăm tin-tức Lý Phu-nhân.

Con Trạch nói: «Phu-nhân hiện nay đang phải giam ở ngục dưới âm, khảo đánh rất khổ, chẳng biết phạm tội gì».

Con Đuợm về thưa chuyện với Trạng, Trạng hẹn đến phiên chợ sau sẽ cùng đi để thăm hỏi.

Phiên chợ sau con Trạch cũng lại lên mua bán, Trạng hỏi: «Mày có cách nào dẫn ta xuống thăm Phu-nhân được không?»

Con Trạch liền cởi áo ma-y đưa cho Trạng mặc mà dặn rằng: «Ông cứ mặc cái áo này rồi con xin dẫn lối».

Trạng liền mặc áo ấy đi theo con Trạch, đi một lúc đến nơi, thấy lâu-dài cung-diện, linh-tráng, ngựa xe,

y như một chõ kinh-kỳ trên dương-thể vậy, con Trạch dẫn Trạng đến chõ nơi ngực thất, trót thấy một cái gông sơn son treo trước cửa, Trạng hỏi người ngực tốt: « Gông này để làm gì? »

Người ngực tốt nói: « Đè dộ 100 ngày nữa lên trần bắt ông Trạng Mạc Đĩnh-Chi về trị tội ».

Trạng giật mình hỏi: « Vậy chờ ông Trạng ấy tội gì? »

— Điều đó phải hỏi quan, chờ tôi đây không biết ». Nói xong mở cửa ngực cho Trạng Đĩnh-Chi vào.

Trạng vào trông thấy Lý Phu-nhân cõi đeo gông, tay chân đều mang xiềng xích, mặt mũi âu-sầu, thân thể gầy-yếu, rất là thê-thảm, nhưng cứ làm lơ không hỏi han gì cả, đi thẳng đến trước công-đường quan Giám-ngục, vái chào một cách rất cung kính mà hỏi rằng: « Thưa ngài, vừa rồi tôi thấy cái gông sơn son treo ở cửa ngực, bảo để chờ bắt Trạng Mạc Đĩnh-Chi, vậy chẳng hay Trạng Đĩnh-Chi có tội gì, xin ngài chỉ phán cho tôi được biết ».

Quan Giám-ngục nhìn Trạng Đĩnh-Chi mà hỏi: « Nhà ngươi có thân-thích gì với Trạng Mạc Đĩnh-Chi không? »

— Thưa không, tôi chỉ biết tên đó mà thôi, tôi nghe ông ấy là một người thanh-liêm lầm, không hề có hiếp-tròc lừa dối ai bao giờ, sao mà phải tội đến thế?

— Không phải Trạng Mạc Đĩnh-Chi làm nên tội, nguyên có ông tồ chín đời ông ấy cùng tung quá lấy trộm một quả chuông chùa về tiêu, thành ra con cháu mỗi đời phải một người chịu tội bãi bỏ vạc dầu, đến Trạng Đĩnh-Chi này mới được 9 đời, còn 91 đời nữa là một trăm đời thì mới hết tội.

— Thưa ngài, thế thì có cách gì để chuộc lại tội ấy được không?

— Cứ một, đền thành trăm mới có thể chuộc được.

— Thưa ngài, phải đền như thế nào?

— Phải xây ngọn tháp chín tầng, dựng cầu chín díp, làm toà chùa trăm gian, mà cứ mỗi gian chùa, phải tô ba pho tượng bầy ở đó, và mỗi tầng tháp phải đúc mộ

quả chuông treo lên trên, rồi làm chạy tụng kinh sám hối 49 đêm ngày, mới chuộc được tội ấy».

Trạng Đĩnh-Chi nghe xong vái trào quan Giám-ngục rồi ra về định làm y như lời quan Giám-ngục đã nói, nhưng ngặt vì kỳ hạn một trăm ngày gần đến, làm không kịp, bèn nghĩ ra một cách, làm toàn bằng đồ minh khí (đồ mã) để thay vào. Đến kỳ, quả nhiên có Quỷ-sứ lên bắt Trạng Đĩnh-Chi; Quỷ-sứ đến thấy Trạng Đĩnh-Chi đang ngồi tụng kinh sám hối, chung quanh mình nào chùa tháp, nào cầu quán bầy biện ngỗn ngang, Quỷ-sứ sợ không dám bắt, về tâu với Diêm-vương.

Diêm-vương đòi hỏi quan Giám-ngục xem ai mách bảo dương-gian mà Đĩnh-Chi biết. Quan Giám-ngục tra ra mới biết là vì con Trạch đi chợ Hoài-Âm dẫn Trạng Đĩnh-Chi xuống hỏi lóng việc Âm-phủ, bèn tâu Diêm-vương trị tội con Trạch.

Diêm-vương phán: «Việc âm-phủ bí-mật mà để cho dương-gian nghe lóng được, thì cái lối sơ-phòng đó lại mình, còn như con Trạch vì chủ tò tường, cũng không nên trách». Bèn phán truyền tha cho Lý Phuhnân và con Trạch được thoát li địa-ngục, và sai âm-binh lắp đường di chợ, không cho âm dương giao-thông buôn bán, để phòng sự tiết lậu thiên cơ. Lý Phuhnân và con Trạch đã được khỏi tội, mừng rõ báo mộng cho Trạng, Trạng Đĩnh-Chi càng tin việc u-minh, bèn khỏi công mua gỗ, đá, gạch, ngôi dựng chùa, xây tháp, bắc cầu, và tò tượng, đúc chuông, theo y như lời quan Giám-ngục mách bảo khi xưa, hơn một năm mới hoàn thành mọi việc, chùa, tháp và cầu ấy bây giờ vẫn còn dấu tích ở làng Giâu, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh. Tục-ngữ nói: «Cầu chín dịp, chùa trăm gian» chính là tích ấy. Còn tháp chín tầng, (Nghe nói, năm xưa vua Minh-mịnh ra Bắc-tuần, thấy tháp cao hơn cột cờ Hà-nội, nên bắt dỡ đi, nay chỉ còn có 4 tầng. Nhưng xét kỹ ra, thì là bão đỗ từ chỗ tháp ra đến cầu (chợ Giâu) hơn mấy trăm thước, bây giờ vẫn còn gạch, đá rải-rác lặt xuống phẳng bằng mặt đất).

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ :

Tục-ngữ : « Đời cha ăn mặn, đời con khát nước ». Lại có câu : « Của phật mất một đền mươi ». Xem như hồi chuyện này, thì việc báo ứng cũng ghê-gớm thực.

Tô chín đời cụ Trạng Mạc Đĩnh-Chi, cứ chiếu như hồi thứ nhất, thì chúng là khi còn ở bên Tầu, thế mà báo ứng theo dõi mãi đến con cháu đã sang Nam, và trong khoảng chín đời, nào Mạc-Ngu, Mạc-Lỗ trù danh ở Quang-đông, Mạc Liễn-Tích phát khoa ở Nam-thố, lại đến như Trạng Đĩnh-Chi đây thì văn-chương đức-vọng càng lừng-lẫy lắm, mà cũng chưa đủ thuộc tội cho tộ-tông.

Ta thường nói : « Tôi như tội ăn trộm chuông chùa », như thế thực là nặng tội. Nếu không có chùa trăm gian, cầu chín díp, tháp chín tầng của Trạng Đĩnh-Chi xây dựng, có lẽ con cháu nhà Mạc đến nay cũng còn chưa hết tội kia chăng ? Ôi ! sinh khoảng mấy-mươi đời sau, bàn việc mấy mươi đời trước, thực không khác gì đáy bể mò kim ; việc này biết đâu chả phải là một việc huyền, song tại người quân-tử mới nên cho là huyền, chờ những kẻ tiểu-nhân xuyên dù cũng nên lấy đấy làm gương vậy.

HỘI THÚ TỰ

*Tuổi bẩy mươi, cáo lão về quan;
Đò sáu đồng, trở người làm phúc.*

Trạng Đĩnh-Chi xây dựng xong chùa, cầu và tháp; tháng ngày thấm-thoát, tuổi đã bẩy mươi. Bấy giờ vào khoảng năm Khai-hựu thứ 10, đời vua Trần Hiển-tôn (1339), thiên-hạ thái-bình, quốc-gia nhàn-hạ; Trạng Đĩnh-Chi bèn dâng sớ xin về hưu-trí.

Vua Hiển-tôn nghĩ Trạng là bậc quốc-lão nguyên-huân, lại là thầy dạy học, không muốn để xa cách bên mình. Nhưng Đĩnh-Chi cố xin, vua bất-đắc-dĩ phải chuẩn-sớ, rồi gia tặng Hầu-lưóc, thưởng tử rất nhiều. Lại sai Trung-sứ tiên về đến tận làng, các quan văn, vũ trong triều đến tiễn hành, ai cũng tốn tình ái-mộ.

Trạng Đĩnh-Chi về làng, dựng am ở dưới núi Phượng-hoàng (thuộc huyện Chí-linh) ngày ngày uống rượu ngâm thơ tiêu-khiền. Thơ của Trạng Đĩnh-Chi di-truyền lại rất nhiều, toàn là văn tuyệt bút, tiếc rằng biên tập không được khắp, chỉ có ít bài chép trong bộ «Hoàng-việt văn-tuyển». Xin biên dịch ra như sau này:

1º — Cảm hứng cảnh ban chiều.

空翠浮烟色春藍發水紋
Không thủy phù yên sắc; Xuân lam phát thủy văn.

牆烏啼落照野雁送歸雲
Tường ô đê lạc chiếu; Giā nhạn tống qui vân.

漁火前灣見樵歌隔岸聞
Ngư hỏa tiên loan hiện; Tiều ca cách ngạn văn.

旅顏愁冷落借酒作微醺
Lữ nhan sầu lạnh lạc., Tá tửu tác vi huân.

DIỄN NÔM LÀ :

*Trời biếc mây tan khói,
Xuân xanh nước gọn lạn,
Quạ kêu khi nắng xế,
Nhạn liệng lúc mây tan,
Ngư-hoả rong dầu bến,
Tiều-phu hát cành ngàn :
Lạnh-lùng khi lữ thitr,
Mượn chén duỗi con hàn.*

2º — Tức cảnh buổi sáng sớm.

蝴蝶 醒 残 夢 滄 浪 聞 棹 歌
Hò điệp tinh tàn mộng; Thương-lương văn trạo ca,
張帆闊宿霧罷棹破晴波
Trương phàm khai túc vỹ; Bãi trạo phá tinh ba.
水八九江閣山歸三楚多
Thủy nhập cửu giang khoát; Sơn qui tam sở đa.
濂溪何處是我欲訪烟蘿
Liêm-khé hà sứ thị. Ngā dục phuởng yên la.

DIỄN NÔM LÀ :

*Hòn mơ tan giấc buróm,
Giọng hát lắng sông Thương :
Buồm kéo chân mây vén,
Trèo khua mặt sóng tuông,
Cửu-giang sông lòng nước;
Tam-sở núi chen dường,
Đâu lối Liêm-khé nhỉ ?
Tim xuân muôn hỏi dường.*

Trạng Đĩnh-Chi về hưu được ba năm, Triều-dình thường sai quan thăm hỏi, đến năm Thiệu-phong thứ sáu đời vua Trần Dụ-tôn (1347), thì Trạng tự nhiên vô binh mà mất, thọ 73 tuổi, trải ba triều vua, làm tướng hơn 30 năm, công trạng rất nhiều, nhất là hồi sang sứ Tầu, ưng đối văn-chương lại càng làm vẻ-vang cho bản-quốc.

Vua Dụ-tôn được tin Trạng Đĩnh-Chi tạ thế, lấy làm thương tiếc vô cùng, sai các quan về dụ tế, lại truy tặng làm Phúc-thần, cấp 500 quan tiền cho dân sở-lại dựng đền thờ. Đến ấy bảy giờ vẫn còn, ở làng Lũng-dòng, tỉnh Hải-dương, tục gọi là đền Quan Trạng. Hiện nay sắc phong Tông Thành-hoàng ở xứ Cao-bằng.

Trạng Đĩnh-Chi sinh được 2 trai, trưởng là Mạc-Khản, thứ là Mạc-Trực, đều thi đỗ Hương-cống, làm quan đến chức Viên-ngoại-lang, đời vua Trần Dụ-tôn.

Cháu là Mạc-Bích, Mạc-Thúy và Mạc-Viễn, đều có quyền-thể. Sau nhà Trần mất, nước ta thuộc về nhà Minh, nước Tàu sang cai-trị, có ý thu dụng con cháu các bậc danh-thần Nam-triều trước, ba ông đều được làm đến chức Bố-chánh ty.

Đến đời cháu thứ tư Trạng Đĩnh-Chi, gặp buổi Lê, Minh giao chiến, đời nhà sang ở làng Ma-khé, huyện Thanh-hà, làm nghề canh-nông, nhân lập dinh cơ ở đó.

Cháu năm đời là Mạc Đĩnh-Quí, con là Mạc Đĩnh-Phú (cháu sáu đời) lại đem nhau sang ở làng Cao-dô, huyện Bình-hà, tỉnh Hải-dương.

Bấy giờ mấy năm mất mùa luôn, dân tình đói kém, lưu tán bốn phương. Cha con Đĩnh-Quí nhà ở gần sông, nhân thấy những nhà duyên giang làm thuê làm mướn đi sớm về tối, đò-giang cách-trở, nhiều nỗi khó-khăn. Cha con bèn bàn nhau làm nghề trở đò ngang, cứ mỗi chuyến mỗi người lấy sáu đồng tiền kẽm, gấp ai co-nhõ thì bắt cứ nửa đêm, gà gáy, có tiền hay không có tiền cũng đều chở sang ngay. Từ đấy dân-gian hành-khách đều được tiện-nghi, ai cũng khen là nhân đức, đặt tên bến đò ấy là đò «sáu đồng».

Không bao lâu, Đĩnh-Quí mất, Đĩnh-Phú vẫn giữ nghề trở đò. Bấy giờ vợ chồng đều đã ngoại 40 tuổi, mới sinh được hai con gái là Thị-Công và Thị-Dung, đều đã trưởng thành, già chồng ở xã Cao-dô. Song vợ chồng chỉ phiền về nỗi chưa có con gai kế-tự.

Một đêm về mùa đông, sương muối gió bắc, mọi người đều rét cứng cả chân tay, nhà nhà đóng cửa, không ai dám ngó ra ngoài. Vợ chồng Đinh-Phú đang đốt lửa sưởi với nhau, bỗng nghe văng-văng có tiếng gọi đò ở bến bên kia sông.

Đinh-Phú vội-vàng vác chèo xuồng thuyền chở sang đón khách, không hề phàn-nàn nữa lời làm sao cả, khi sang đến bến thì thấy một ông lão ăn mày, trạc độ 70 tuổi, tay chống gậy, vai khoác bị, đứng run lập-cập ở bờ sông. Đinh-Phú động lòng thương cảm, vội-vàng giặt xuồng thuyền mà nói rằng: « Tôi mãi sưởi, cụ gọi không nghe tiếng, để cụ phải chờ đợi sương-sa lạnh-léo thế này, thực là tội nghiệp ! » Miệng nói tay chèo, thoát chốc đã đến bến; Đinh-Phú cầm thuyền giắt ông lão lên, đưa vào trong nhà để ngồi bên đống lửa sưởi, bảo vợ lấy cơm nguội rang nóng mời ông lão ăn.

Ông lão ăn xong mới nói rằng: « Tôi nghe người đồn nhà anh nhân đức lắm, chưa biết thực hư thế nào, nay xem ra thì quả thực không sai, anh cố gắng lên, xẽ được hưởng thụ nhiều hồng phúc ». Nói xong ra cửa rồi thấy mất. Vợ chồng Đinh-Phú lấy làm kinh dị.

Sau Đinh-Phú dặn thêm một chiếc thuyền nữa, tối tối dặn vợ cầm thuyền bến bên này, còn mình thì cầm thuyền bến bên kia, để phòng khi có khách qua lại sẽ sẵn thuyền chở ngay, khỏi phải đợi chờ rét mướt. Vợ cũng vui lòng nghe.

Cách ít lâu, một đêm vợ Đinh-Phú đang nằm trong mui thuyền, bỗng thấy ông lão ăn mày hôm trước, bước xuống thuyền gọi bảo rằng: « Vợ chồng nhà chị quả là người hết dạ làm lành, và tôi-tiên đòi trước tu nhân tích đức rất nhiều, ta đã dâng sớ tâu với Thương-de, nay mai sẽ cho Tứ-quí Hoàng-de xuống đầu thai ! » Vợ Đinh-Phú chưa kịp thưa lại thì bỗng gió lay chèo, giật mình tỉnh ra thì là giấc mộng. Hôm sau nói chuyện với Đinh-Phú, vợ chồng đều bán tín bán nghi.

Không bao lâu quả nhiên vợ Đinh-Phú có thai đủ 14 tháng thì sinh Mạc Đăng-Dung, sau lại sinh luôn ba người con trai nữa là: Đăng-Doanh, Phúc-Hải và Phúc-Nguyên.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Theo phong-tục phượng Á-đông ta, thì nhân loại không gì khổ bằng « vô hậu » không gì hay bằng « hữu hậu » cũng không gì vê-vang xứng-xướng bằng « Xương quyết hậu ». Song phàm những nhà con cháu đời sau thịnh vượng, đều là nhờ âm-đức của ông cha, âm-đức chẳng cứ có tiếng-tăm lèng-lẹt, làm công-cuộc lớn-lao, mà cốt ở một lòng thành, thủy chung như nhất, khó nhọc chẳng từ, là lòng thành, đã sẵn lòng thành thì việc làm đâu nhỏ-mọn, mà ân-trách rất dồi-dào, tức như nhà Mạc đây, ông cha chở đè mà con cháu làm vua, thi không cứ gì cứu muôn mịnh sinh-nhân, xây chín dợt phủ-dồ, mới là âm-đức ! Phượng chi nghèo mà chẳng tham tiền, rét mà không tiếc sáu, vợ chồng một dạ, chả cũng khó lắm sao !

Sử chép nhà Lê ở Lam-sơn bấy đời không biết giận ai, không biết mắng ai, đến vua Lê Thái-tông được thiêng-hạ.

Vậy thì nhà Mạc đây, ông tông bấy đời là Trạng Đinh-Chi có văn-tự, có liêm-đức, đến đời Dĩnh-Quí, Dĩnh-Phú lại có âm-công là việc chở đò ngang ấy, con cháu được nuture, chả cũng đáng ru ! Vả lại nhà Mạc là dòng-dời nhà Chu, nhân hậu truyền gia, biết đâu từ mấy đời xưa lại chả còn nhiều âm-công nữa.

Cứ như sử chép thì 4 vị Hoàng-đế đây: là cha, con, ông, cháu, chớ không phải anh em, đây nói cùng là con Mạc Đinh-Phú mà tui quí Hoàng-đế đầu thai, chưa biết đăng nào phải. Song hồi này biên dịch ở trong gia-phả họ Mạc; gia-phả so với quốc-sử có lẽ tưởng hơn. Vậy xin kính chắt cùng các bậc cao-minh quân-tử.

HỒI THÚ NĂM

*Theo thầy học vũ, thần cho đất;
Đánh giặc có công, vua truyền ngôi.*

Mạc Đăng-Dung là con trưởng Mạc Đĩnh-Phú, tức là cháu bầy đời Trạng Mạc Đĩnh-Chi, thuở bé đã có chí khác thường, có sức khoẻ lạ, nhà nghèo thường đi đánh vật thi lấy giải để về chi độ.

Bấy giờ có Lê Tiên-sinh mở trường dạy học ở làng Cồ-trai, Mạc Đăng-Dung đến nhập môn, Lê Tiên-sinh thấy tướng mạo tuấn-tú, chí-khi hiên ngang bèn gả con gái cho; lại nuôi cả ba em cho ăn học.

Một hôm Lê Tiên-sinh ra đồng coi gặt, gặp một ông thầy Địa-lý ngồi trên đồng cỏ bãi Sao-sa, tay chỉ chỏ, miệng lầm-nhầm đọc bốn câu kệ rằng:

« *Trong giếng cạn này,*
 « *Có huyệt rất tốt,*
 « *Phát qui tám đời,*
 « *Chưa ai được sốt!* »

Lê Tiên-sinh nghe tiếng, đến nơi vái chào rồi hỏi xin. Thầy Địa-lý cười nói rằng: « Họ Lê nhà thầy phúc đức được mấy mà dám xin ngôi đất này! »

Lê Tiên-sinh đứng lặng hồi lâu rồi nói rằng: « Thưa cụ, tôi có con rể tên là Mạc Đăng-Dung, diện-mạo khôi-ngô, học-hành thông-thái mà vũ nghệ cũng giỏi, ông cha ngày xưa ăn ở phúc đức lăm, chẳng hay có thể hưởng-thụ được ngôi đất này không? »

Thầy Địa-lý ngâm-nghĩ một lúc, rồi ưng thuận cho, hẹn đúng một tháng nữa sẽ lại đến. Nói rồi đứng dậy đi. Lê Tiên-sinh cũng chào rồi trở về, vừa đi được mấy bước đường, ngẩn lại đã không thấy thầy Địa-lý đâu nữa, lấy làm kinh dị, nghĩ bụng có lẽ thầy Địa đó là tiên là thần chăng. Bèn về nói chuyện với Đăng-Dung và dặn nên y ước.

Đăng-Dung mừng-rõ tạ ơn, rồi cùng ba em về Cao-dời thăm mẹ. Khi ấy Đinh-Phú mất đã đoạn tang, Đăng-Dung đem việc thầy Địa-lý cho đất, thưa với mẹ rồi bốc mộ cha đem quàn táng tại bãi Sao-sa, làng Cồ-trai, để trò thầy Địa-lý.

Hứng hẹn một tháng, quả nhiên thầy Địa-lý mình mặc áo nâu, tay chống gậy chúc, có một tên hề-dồng đeo túi tróc-long theo hầu, lững-thững từ đàng xa đi đến.

Bấy giờ Đăng-Dung và ba em đã đứng chực cả ở bãi Sao-sa, thấy thầy Địa-lý đến, đều xụp lạy nghinh-tiếp.

Thầy Địa-lý khen rằng: «Anh em nhà ngươi có lòng thành-tín, nên trời mượn tay ta để đất cho đây, vây mau-mau khiêng tiều đến đây, để ta điểm huyệt».

Đăng-Dung bèn cùng ba em khai chõ quàn khiêng tiều đến.

Thầy Địa-lý điểm huyệt tại giữa giếng cạn bãi Sao-sa, lấy núi Đồ-son làm án, lấy đáy bể làm minh-đường; phong phần đầu đáy rồi dặn rằng: «Sau khi đã phát phúc sẽ đem tiền phát triền cho kẻ khó, hẹn trong một ngày, phát được bao nhiêu tiền là hưởng phúc được bấy nhiêu năm».

Anh em Đăng-Dung vâng lời, lạy tạ. Bỗng nhưng cơn mưa gió kéo đến ào-ào, hai thầy trò thầy Địa-lý biến đâu không thấy nữa. Bấy giờ mới biết là thần hiện lên để cho đất, anh em cùng nhau trông lện trời lạy tạ rồi trở về.

Được ba tháng, chõ giếng cạn bãi Sao-sa ấy, đột thành một cái gò thật lớn, cỏ-cây mọc bùm-tùm dướm-dà xanh tốt, chim-chóc kéo đến đậu rất đông, không bao lâu thành một khu muros lớn, ai cũng cho là điểm lạ. (Khi nhà Mạc được nước, tôn ngôi mộ ấy làm Chính-đạo lăng, lập tẩm-miếu ở bên lăng, bấy giờ lăng vẫn còn ở xã Cồ-trai, mà tẩm-miếu thì đã hủy).

Mạc Đăng-Dung từ khi được đất thần chõ, vũ lược văn tài, càng thêm tấn tới. Năm đầu niên-hiệu Quang-thiệu đời vua Lê Chiêu-tôn (1516), thi đỗ đệ nhất Bô-lục-sĩ, lũy thăng đến chức Tiết-chẽ-chư-quân Chỉ-huy-sứ,

phong chức Phò-mã Vũ-xuyên-bá, kết duyên cùng Công-chúa Lê Ngọc-Minh.

Bấy giờ vua nhà Lê đã đến hồi suy, bên ngoài thì giặc Trần-Cảo quấy nhiễu, bên trong thì bọn lloạn-quan là Phạm-Điền xui-siêm. Vua Chiêu-tôn là người nhu-nhược thường phạt không minh, vô cõi giết Thiết-sơn-bá Trần-Chân là một viên tướng giỏi, khiến cho bọn Nguyễn-Kính và Nguyễn-Áng là bộ-tướng của Trần-Chân đem quân phá kinh thành để báo thù cho chủ tướng. Vua Chiêu-tôn phải chạy sang lánh nạn ở Gia-lâm, cho vời Nguyễn Hoằng-Dụ ở Thanh-hoá ra đánh giặc, Nguyễn Hoằng-Dụ không ra, Vua không biết trông cậy vào ai, mới sai người sang Hải-dương vời Mạc Đăng-Dung nhập vệ.

Mạc Đăng-Dung phụng mệnh đến Gia-lâm, vua trao cho binh quyền để đánh giặc Nguyễn-Kính; Đăng-Dung phụng xa-giá về đóng ở Bồ-dề rồi cho người mật dụ bọn Nguyễn-Kính về hàng, nhưng bọn ấy không nghe.

Khi ấy lại có Trịnh-Tuy và Nguyễn-Sư làm phản thông với bọn Nguyễn-Kính, lập Lê-Du (Tôn-thất nhà Lê) lên làm vua, đóng ở Từ-liêm, thế giặc càng ngày càng mạnh.

Không bao lâu, Đăng-Dung dùng kế trừ được bọn Lê-Du, dù được bọn Nguyễn-Kính qui hàng, giặc Trần-Cảo nghe tin cũng chạy trốn; Đăng-Dung bèn phụng xa-giá về Thăng-long.

Đăng-Dung đã dẹp tan giặc-giã, uy danh lừng-lẫy, các quan triều đều kính phục; thiên-hạ đang trông ngóng thái-bình. Nhưng vua Chiêu-tôn nghe bọn Nội-thị là Phạm-Hiển, Phạm-Chú gièm pha, có bụng ngờ Đăng-Dung, bèn mật chiêu Trịnh-Tuy làm ngoại-ứng để chực trừ đi, sau biết việc không thành, đang đêm bỏ thành chạy lên Sơn-tây. Sáng hôm sau Đăng-Dung mới biết vua Lê xuất ngoại, liền đem bách quan đi đón về.

Vua sai nội-thị trả lời rằng: « Chán việc đời muốn đi tu ». Nhất định không trở về. Đăng-Dung bất-dắc-dĩ bàn với bách quan lập Hoàng-đệ là Thung lên làm vua, tức

là Cung-Hoàng, đồi niên-hiệu là Thống-Nguyên, việc xong, Đặng-Dung lại lĩnh quân đi đánh Trịnh-Tuy ở Thanh-hoa.

Năm Đinh-hợi niên-hiệu Thống-nguyên thứ năm (1527), Đặng-Dung dẹp yên giặc Trịnh-Tuy, về triều báo tiệp, vua thân xuất bách quan ra đón và thiết yến tại Tập-hiền-viện để thưởng công.

Đang khi ấy, bỗng có giấy ở biên-quan báo: Vua nhà Minh sai sứ sang bàn việc cương-giới có ý muốn lấy đó làm cớ, để khởi sự chiến-tranh.

Vua Cung-Hoàng cả lo, biết rằng vận Lê đến lúc suy, mình không có thề đảm-đang nỗi, bèn hạ chiếu truyền ngôi cho Phò-mã Vũ-xuyên-hầu Mạc Đặng-Dung. Đặng-Dung cố từ hai ba lần, vua nhất định không nghe, bắt-dắt-dĩ phải phụng mịnh.

Tháng tam năm ấy, Đặng-Dung thụ thiện-chiếu của vua Cung-Hoàng lên ngôis Hoàng-dế, đồi niên-hiệu là Minh-dức, gọi xã Cao-dai là Phú-hương, xã Cồ-trai là Quý-hương, lấy chỗ nền nhà cũ của cụ Trạng Đinh-Chi ở làng Lũng-dòng làm chính-diện, lập tôn-miếu ở Cồ-trai để thờ tổ khảo họ nhà Mạc và tiền-nhân của Lê Tiên-sinh, tôn Lê Tiên-sinh làm Quốc-trượng Thái-sư; lại lập riêng tôn-miếu thờ các tiên-dế triều nhà Lê, dựng giao-miếu và xâ-tắc.

Truy-tôn Thủy-tổ Trạng-nguyên Hiền-Tích làm Hồng-phúc Đại-vương.

Thất-đại tổ Trạng-nguyên Đinh-Chi làm Huệ-việt linh-thánh Đại-vương.

Tổ là Đinh-Qúi lâm Tôn-phúc Đại-vương.

Khảo là Đinh-Phú làm Chính-đạo Đại-vương.

Các tiên-tử đều truy-tôn làm Hoàng-hậu.

Đại xá thiên-hạ, phong sắc bách thần, lục dụng các con cháu nhà Lê và các công-thần triều trước.

Một mặt sai điều binh khiền tướng, tu chỉnh vũ, bị từ biên-quan trở về,

Một mặt sai sứ ra biên-quan tiếp sứ nhà Minh để bàn việc cương-giới. Quan nhà Minh thám thính biết trong nước đã có người, và đã phòng bị, không thể làm gì nổi, nên dâng sớ về tâu với Minh để phong sắc cho Mạc Đăng-Dung nối nhà Lê làm vua nước An-nam.

Vua Minh-Đức xếp-dặt công việc đâu đấy rồi, mới sai sứ đem tiền đi phát trân, theo như lời thầy Địa-lý dặn, chỉ phát trong một ngày và chỉ cho mỗi người một đồng. Sứ mới phát được 68 đồng, bỗng trời đồ mưa to đến tối không có ai đến lĩnh trân nữa, về tâu, vua Minh-Đức biết là chỉ hưởng quốc được bấy nhiêu năm, thực là bởi thiên số vậy.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÁ :

Coi đây đủ biết nhà Mạc được nước, âm có thần phù, dương có nhân chợ, thực là danh chính ngôn thuận, há phải như ai hồ mi để lấy thiên-hạ, thế mà đời sau cho là thoán nghịch, sao không xem kỹ hối này.

Và lại nếu bấy giờ vua Lê Cung-Hoàng không thiện vị cho Mạc Đăng-Dung thì chắc rằng nhà Minh đã lại sang xâm lấn nước Nam ta rồi, thì lại bắc thuộc hối nữa, ví như bình nhập cao-hoang khó mà chừa khôi.

HỒI THÚ SÁU

*Kén nhân-tài, vua Mạc mở khoa,
Ngán thế-sự, ông Trinh dạy học.*

Vua Minh-Đức trị vì được ba năm (1527-1529) theo chính sách của nhà Trần, truyền ngôi cho em thứ hai là Mạc Đăng-Doanh, lui về ở Cồ-trai dưỡng lão.

Mạc Đăng-Doanh lên ngôi, đổi niên hiệu là Đại-Chính. Bấy giờ các cựu thần nhà Lê và con cháu các quan nhà Lê, dẫu có sinh chiểu, nhưng phần nhiều người thủ tiết, nên trong triều trừ ra hoàng-thân, còn văn quan phụ chính có ít, thường một người kiêm nhiếp 2, 3 việc; Vua Đại-Chính lấy làm lo, một hôm lâm triều, phán hỏi bách quan.

Hoàng-đệ Mạc Phúc-Hải xuất ban tâu rằng: « Tôi nghe nhân-tài là nguyên-khí của nhà nước, khoa-mục là đường phẳng của lục trù, nay muốn được nhiều nhân-tài để giúp việc triều-dinh, xin Bệ-hạ mở khoa thi kén nhân-tài theo như các tiên-triều, tất những bậc anh-tài tuấn-tú sẽ tranh nhau đua súc thi tài mà triều-dinh không lo thiếu người dùng vậy. »

Vua khen phải, liền hạ chiếu, tháng chín năm ấy mở khoa thi hương và tháng ba năm sau thi hội, từ sau cứ theo lệ ba năm một lần thi sĩ, như thịnh-diễn của Lý, Trần, Lê ngày trước, giao cho Hoàng-đệ Mạc Phúc-Hải giám-dốc việc khoa-cử.

Một ngày nghe có chiếu rồng bốn bề nức lòng chiếm bảng Trạng-nguyên. Bấy giờ ở làng Trung-am huyện Vĩnh-lại tỉnh Hải-duong, có một tay đại danh-sĩ tên là Nguyễn Bỉnh-Khiêm, húy là Văn-Đạt, ông cụ tam-dại húy là Văn-Tĩnh, bắt đầu lập dương-cơ ở Trung-am.

Chỗ dương-cơ ấy nước quanh núi bọc, coi rất hữu-tình, tương truyền là được kiều đất của Cao-Biền (1).

(1) Dời bắc thuộc nhà Đường, có Cao-Biền sang làm An-nam Đô-hộ-sứ, Cao-Biền rất tinh nghèo, địa-ly, phàm những đất qui của nước ta đều lập thành kiều, có đất nào to thì yểm-riết di hết.

cụ thân-sinh ông Bỉnh-Khiêm, húy là Văn-Định, hiệu là Cồ-Xuyên, có văn-tài, được sung chức Đại-học-sĩ triều nhà Lê.

Bà thân-sinh ra ông người họ Nhữ, quê ở xã Yên-tử, huyện Tiên-minh, con gái quan Thượng-thư Nhữ Văn-Lan. Bà bẩm tinh thông-minh, học thông kinh sử, tinh lý số, biết xem tướng; đang thời vua Lê Thánh-tôn thịnh-trị, bà đã suy tinh biết hơn 40 năm nữa nhà Lê suy, sẽ có họ khác nối ngôi; có chí muốn tạo thời (nghĩa là muốn kén lấy người chồng có tướng sinh con đáng vì thiền-tử để dựng lại thời thế) bởi thế mãi đến 20 tuổi còn kén chồng, đến khi bà gặp ông Văn-Định, thấy có tướng sinh qui-tử, mới chịu lấy, bấy giờ đã gần 30 tuổi.

Một hôm bà Nhữ-thị ngồi chơi trên bến đò Tuyết-giang, thấy một người hành-khách qua sông, có tướng đế-vương, trong bụng phàn-nàn tiếc cho mình không được gặp trước khi chưa lấy chồng. Sau hỏi ra mới biết người hành-khách ấy tên là Mạc Đăng-Dung, ngày sau quả nối ngôi nhà Lê, tức là vua Minh-Đức nhà Mạc vậy. Năm Tân-hợi đời vua Lê Thánh-tôn niên-hiệu Hồng-Đức thứ 21 (1491) bà Nhữ-thị mới sinh ra ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm, tướng mạo khôi-ngô, đầy tuổi-tỏi đã biết nói. Một hôm ông cụ ẵm ra chơi ngõ, Bỉnh-Khiêm bỗng nói: « Ô, Mặt trời mọc phương đông! »

Bà-cụ nghe có ý mừng. Năm lên bốn tuổi, bà cụ dạy học kinh truyện chính văn, Bỉnh-Khiêm đọc qua thì thuộc lòng ngay.

Một buổi bà cụ về chơi nhà mình, ông cụ kéo dây dùa với con, ngâm một câu rắng: « Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung! » đương ngâm dở thì Bỉnh-Khiêm đọc nổi ngay rắng: «... Vịn tay tiên thốt thốt rung! » Ông cụ cả mừng; khi bà cụ về, thuật chuyện cho nghe, bà cụ giận mà rắng: « Nguyệt là tượng bầy tôi, sao ông lại dạy con câu ấy? » ông cụ thẹn, xin lỗi mãi, nhưng bà cụ vẫn lấy làm đẽ tâm, không bao lâu, xin về quê mình ở.

Bình-Khiêm khi đã lên sáu tuổi, ông cụ đem xuống bến đò Hán, gặp người khách biết xem tướng, bảo rằng: « Cậu bé này có tướng đế-vương! » Sau xem kỹ, lại nói rằng: « Tiếc nét da hơi thô, chỉ đỡ được Trạng-nghuyên, và làm đến Tề-tướng mà thôi ».

Bấy giờ có quan Bảng-nhân Lương Đắc-Bảng, mở trường dạy học trò, ông cụ bèn cho Bình-Khiêm đến nhập-môn. Quan Bảng người làng Hội-trào huyện Hoằng-hoá, tỉnh Thanh-hoá, đỗ Bảng-nhân triều nhà Lê, khi phụng mịnh sang sứ Tàu, gặp được người cùng họ là ông Lương Nhữ-Hốt ⁽¹⁾ trao cho bộ « Thái-ất thần-kinh 太乙神經 », quan Bảng Lương đem về khảo cứu đã tinh-vi, nhưng chưa hề truyền thụ cho ai.

Khi Bình-Khiêm đến học, được ít lâu, văn-chương lừng-lẫy, nỗi tiếng Thần-đồng, quan Bảng Lương bèn đem bộ sách ấy dạy riêng, không bao lâu Bình-Khiêm cũng tinh thông về đường lý-học.

Khi ấy vào khoảng năm Quang-thiệu về đời vua Lê Chiêu-tôn (1516), trong nước rối loạn, giặc-giã tung-hoành, không bao lâu nhà Mạc thay nhà Lê, bốn phương dẫu tiệm bình, nhưng lòng người vẫn còn ngong-ngóng, Bình-Khiêm thấy thế, ngán đời, không muốn ra thi cử, đi ẩn dạy học-trò, nhân cảm hứng ngâm một bài thơ rằng:

泰和宇宙不虞周
Thái-hoa vũ trụ bất Ngu, Chu,
互戰交爭笑兩讐
Hỗ chiến giao tranh tiếu lưỡng thù,
川血山骸隨處有
Xuyên huyết sơn hài tùy xú hưu,
淵魚叢雀爲誰歟
Uyên ngư tùng tước vị thùy khu,
重興已卜渡江馬
Trùng hưng dī bốc độ giang mã,

(1) Lương Nhữ-Hốt là Thượng-thư nhà Minh, hồi nước ta thuộc nhà Minh, đã sang làm Bố-chính sứ Giao-châu.

後患應防八室驅
Hậu hoạn ưng phòng nhập thất khu,
世事倒顛休說著
Thế sự đảo diên hưu thuyết trước,
醉吟潭畔任閒遊
Túy ngâm trạch bạn nhậm nhàn du,

DỊCH NỘM LÀ :

*Thái-hoa nào phải buỗi Ngu, Chu,
Chinh-chiến kia ai những mặt thù;
Xương núi, máu sông từng chỗ khắp,
Sẻ rừng, cá vực vị ai khua,
Ngựa về qua bến còn khi gấp,
Xe lèn vào nhà sơ vạ sau;
Thế sự đảo-diên thói chẳng nói,
Bờ chàm say, hát lại ngao-du.*

Khi ấy nhà Mạc mới được nước, mà ý thơ đã biết nhà Lê sẽ có hồi trung hưng. «Độ giang mã» là chỉ vua Lê, «Nhập thất khu» là ám chỉ vào chúa Trịnh. Xem hai câu kết bài thơ ấy đủ biết Bỉnh-Khiêm có ý ngán đời.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Cô ngữ nói: «Hữu ưng vận chi quân, tất hữu ưng mệnh chi thần», đang lúc vận nhà Lê suy, giặc-giã đầy-rẫy, dân-sự lầm-than; vua Minh-Đức nhà Mạc ưng kỳ thi-thiện, trị loạn cứu dân, há lại không có một vị nhân thần có tài tế thế để phụ tá hay sao! cho nên Nguyễn Bỉnh-Khiêm đã là bậc có tài tế thế, thì dẫu ngán đời mà không chán được đời, không muốn thi mà rồi cũng phải thi, mới biết thiên số bao giờ cũng có quyền hơn nhân-lực vậy.

Bỉnh-Khiêm nhờ có mẹ hiền đức nên con thành, tục truyền bà cụ sau khi bỏ ông cụ, lại lên Sơn-tây lấy chồng khác, sinh ra Phùng Khắc-Khoan tức là Trạng-Bùng, lời ấy có lẽ là ngoa truyền, chó bà Nhữ-thị đã là một bậc nǚ-lưu minh-triết; có chí tạo thời, đã biết nhân định không thắng thiên, không gặp được vua Minh-Đức khi chưa lấy chồng, thì có khi nào còn mơ lường vu-vơ mà cải tiết một người liệt-nữ. Người đời lấy sự «Một mẹ sinh được hai con Trạng» làm vinh hạnh cho bà Nhữ-thị, nhưng quả thê thi còn gì là giá trị của bà. Xem như hồi dưới Bỉnh-Khiêm vì có mẹ già và nhà nghèo mà phải đi thi, thì rõ rằng bà Nhữ-thị dẫu có về & quê mình mà vẫn không cải giá vậy. Vả ông Văn-Đinh là người có học-hạnh, chồng ấy mới có vợ ấy, mẹ ấy mới có con ấy, thực là một sự vê-vang của gia-dinh họ Nguyễn, của lịch-sử nhà Mạc, ta chó-nên đạo thính đỗ thuyết mà làm giảm giá-cô-nhân.

HỘI THÚ BÂY

*Nghe lời khuyên, ông Trình ứng thi,
Được đắt qui, Giáp-Hải bầm sinh.*

Nguyễn Bỉnh-Khiêm chán đời ngồi dạy học ở Trung-am, một hôm nghe có chiếu vua nhà Mạc mở khoa thi trong bụng ngần-ngù tự nghĩ rằng: «Tổ tiên nhà ta đời đời ăn lộc nhà Lê, ta ra làm quan với nhà Mạc chả cũng không phải đạo lắm ru! Song ta suy tính số trời đã định cho nhà Mạc hưởng quốc sáu, bảy mươi năm, vận nhà Lê còn lâu mới trung hưng được, mà ta nhà nghèo lại có mẹ già, năm nay ta đã ngoài 40 tuổi, chờ khi được lộc dưỡng thì mẹ ta đã chẳng còn, được trung mắt hiểu biết làm thế nào?» Đang khi nghĩ-ngợi, bỗng có bạn thân đến chơi; Bỉnh-Khiêm thuật ý kiến cho bạn nghe.

Bạn khuyên rằng: «Đạo thần tử vẫn phải giữ trọn đường trung hiếu, mà chí hào-kiệt cũng nên tùy thế tựu công-danh, phương chi lại còn có mẹ già sao cho được thoả lòng cặp kiếm. Vả nhà Mạc thụ thiện nhà Lê, có đủ minh chứng, từ khi đắc vị, một lòng nhân hậu đối với tiên-triều, trọng dâng người hiền, sửa-sang chính-trị, cũng khá gọi là một đời thịnh vượng. Hiện đây Triều-dinh thiếu người, dân tâm ngao-ngán, ngô-huynh có tài tế-thế, không ra thi thiên-hạ làm sao? Sinh-linh thế nào? Cứ như thiền ý của ngu-hữu này, nên ra thi là phải!» Bỉnh-Khiêm nghe nói vẫn còn lưỡng-lự.

Bạn lại nói: «Đại trượng phu sinh ở đời, phải nên lấy giúp đời làm trách-nhiệm, không nên nệ tiết nhỏ mà bỏ mất việc to, Bỉnh-Khiêm thấy bạn cố khuyên lời lẽ chính-đáng, bèn quyết định ra thi.

Năm Đại-Chinh thứ nhất (1530), Bỉnh-Khiêm thi Hương đỗ Giải-nghuyên. Năm sau thi Hội vào kỳ đệ-tam-trường, được tin mẹ yếu phải cáo về, năm thứ sáu khoa Ất-vi lại vào thi đỗ Hội-nghuyên; Đinh đồi

đỗ Trạng-nguyên, từ thi Hương đến thi Đình kỳ nào cũng đỗ đầu, bấy giờ Trạng Bỉnh-Khiêm đã 44 tuổi. Vua Đại-Chinh cả mừng, đặc cách cất làm Tả Thi-lang.

Đồng thời với Trạng Bỉnh-Khiêm có ông Giáp-Hải ở làng Công-luận, huyện Văn-giang, là con người dàn bà bán nước. Nguyên nhà người dàn bà ấy ở cạnh đường, một hôm có người khách vào hàng nghỉ, khi đi bỏ quên túi bạc, bà ấy nhặt được cất đi. Cách hơn một tháng người khách đến hỏi, bà ấy đưa giả đủ cả túi, người khách mừng rỡ lạ ơn, rồi xin biếu lại một nửa.

Bà ấy nói: «Nếu tôi có phải là tham của, thì cả túi bạc, sao không lấy, mà lại nhận một nửa làm gì! Tôi chỉ vì không ưa dùng của không phải mồ hôi nước mắt nên mới nghèo thế này. Vậy khi nào tôi dám nhận của ông!»

Người khách biết là một người trọng nghĩa khinh tài, bèn hỏi rằng: «Tôi là thầy Địa-lý chính-tông bên Tầu đây, phần mộ tiền-nhân nhà bà ở đâu, chỗ cho tôi xem, tôi xin tìm giúp một ngôi đất cứu bần, chờ có lẽ nào cứ chịu nghèo mãi!»

Bà ấy nói: «Tôi nghèo thực, nhưng cũng không lấy thế làm khổ, và tôi bán hàng nước ở đây, bán tẩm không phải là cầu lợi, chẳng qua muốn giúp đỡ những người xa-xôi cơ nhỡ mà thôi! Tôi chỉ có một thân một mình, không có chồng con anh em nào cả, nay đã ngoại 40 tuổi, dù được đất quí mà phát đạt thì có làm gì?»

— Đành rằng thế, nhưng được chỗ đất tốt, há chẳng đủ yên hài-cốt của các bậc tiền-nhân hay sao! Vả sự phát phúc ở mạch đất xui nên, cứ gì dàn ông dàn bà người già người trẻ! Tôi thấy bà là người cao-nghĩa, nên muốn trả nghĩa một chút, xin bà chờ nên từ!»

Bà ấy thấy người khách ân-cần, không nỡ phụ bụng, bèn đưa đến chỗ ngôi mộ ông thân-sinh.

Người khách lập tức tìm đất cải-tàng và dặn rằng: «Sau này có gặp ai hoạn-nạn đến đây, bà nên săn lòng cứu giúp, thì sẽ có diềm hay».

Bà ấy nói: «Việc cứu người vốn là bản tâm của tôi!» Người khách bèn từ tạ rồi đi.

Cách nửa năm, có một người quê ở Bát-tràng, nhà nghèo đi làm mướn, về qua dãy trời đã tối, lại gặp cơn mưa, quần áo ướt-át, rét run cầm-cáp, chạy vào hàng xin ngủ tạm một đêm. Bà ấy thương tình đốt lửa cho sưởi và dọn cơm cho ăn.

Bấy giờ về mùa đông, khí trời rét-mướt, đêm hôm ấy lại mưa to gió lớn, một gian lều cỏ, lạnh toát như đồng, nhà bà ấy chỉ có một cái chõng và một chiếc chiếu, người kia không có cái đắp không sao chịu nổi rét, củi cũng hết, không còn gì đốt sưởi, người ấy cứ ngồi thu hình rên-rỉ bên đồng tro tàn, bà ấy cũng rét, không thể nào nhường chiếu được, cầm lòng chẳng dám, bất-dắc-dĩ phải làm kế nằm chung.

Lửa gần rơm, cá gặp nước, một cơn mưa gió, lai-láng sóng tình! Không ngờ người ấy hàn thấp ngộ phong, bỗng phút chốc hồn về chín suối.

Bà ấy kinh-hoảng, sợ người phát-giác, không còn biết gì là rét-mướt, đang đêm phải đem người ấy ra vùi ở trên bãi, rồi từ đấy thụ thai.

Cách hai tháng sau, người thầy khách lại đến hỏi rằng:

«Từ khi táng ngôi mộ ấy đến giờ, bà đã cứu được người nào chưa?» Bà ấy quá thận kẽ hết chân tình cho người thầy khách nghe.

Người thầy khách bảo bà ấy đưa ra xem chõ mai táng người kia, ngắm-nghĩa một lúc rồi bảo rằng: « Ngôi đất này thực là thiêng táng, bà có lòng nhân hay cứu người, nên trời đã đèn ơn, có thai thì tất sinh con trai mà sau tất đỗ Trạng-nguyên làm đến Tề-tướng ». Nói xong đưa ra 3 nén bạc mà rằng: « Ngày trước bà không chịu nhận tiền biếu, là bà không cần của, nhưng nay mai thêm một vị quý-tử, tất phải tiêu dùng phí-tòn, vậy gọi là một chút làm quà cho quan Trạng, xin bà收受! » Bà ấy cảm tạ nhận tiền rồi, thầy khách mời cáo biệt, từ đấy không thấy lại nữa.

Đông qua xuân tới, hạ đổi thu thay, đã đủ chín tháng mười ngày, quả nhiên bà ấy sinh con trai, diện mạo khôi-ngoô, cốt cách thanh-kỳ, đó lúc là ông Giáp-Hải.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Ta thường nói: « Được đất sinh người » nhưng được đất cũng bởi tại có người, người có phúc mới mong được đất. Trong truyện này, nhà Mạc có âm công chở đò giúp người mà được đất thần cho.

Giáp-mẫu có âm đức bán nước cứu người mà được đất thiên tài, rồi ra con làm Vua; con đỗ Trạng, quả nhiên đúng như câu tục-ngữ: « Cha mẹ hiền-lành để đức cho con! »

Truyện này phần nhiều nói về việc địa-lý báo-úng, dẫu không khỏi thiệp u phong-thủy, song « Phong thủy bất khả vô, âm chất lưỡng tương phù 風水不可無陰陽兩相符 » Nghĩa là: Phong-thủy với âm-chất, hai đằng cùng phải có, tướng cũng không có phương hại gì với « Triết-học » buổi ngày nay, chỉ mong rằng các nhà tin phong-thủy phải nêu tiên tích để rồi sẽ hậu tần long, chờ thấy đời xưa được đất sinh người, mà chỉ mơ tướng sự phong-thủy.

HỒI THÚ TÂM

*Dỗ Trạng-nghuyên, Giáp-Hải nhận mẹ,
Hặc lòng-thần, Trạng-Trình cáo quan.*

Giáp-Hải năm lén bốn tuổi, diện mạo càng quang-nhuận khác thường. Một hôm rã chơi bờ sông, xẩy có người lái buôn ở làng Sinh-kẽ, huyện Phượng-nhõn, chèo thuyền qua bến, trông thấy Giáp-Hải đang đứng nhìn dòng nước chảy, bèn ghé thuyền cắp xuống trôi đi.

Chiều hôm, bà mẹ không thấy con về, vội-vàng chạy ra bến sục tìm, chẳng thấy đâu cả, chắc là lăn xuống sông chết đuối mà nước chói đi mất, kêu khóc chán rỗi dành chịu trôi về.

Người lái buôn từ khi đem được Giáp-Hải về, vợ chồng yêu quý như vàng, ban đầu Giáp-Hải còn nhớ mẹ cứ đòi về, dần-dần quen, sau quên hẳn đi, cứ tưởng vợ chồng người lái ấy là bố mẹ.

Năm sau người lái tìm thầy cho học, Giáp-Hải học rất thông-minh, nói tiếng Thần-dồng, không bao lâu văn-chương hơn cả một trường, tiếng tăm lừng-lẫy.

Năm 20 tuổi thi đỗ Á-nghuyên, thi hội luôn 2 khoa chỉ vào đến đệ-nhi-trường, Giáp-Hải trở về càng hết sức dùi-mài. Đến khoa Mậu-tuất niên hiệu Đại-Chính nhà Mạc năm thứ 9 (1538) mới đỗ Trạng-nghuyên. Bấy giờ Giáp-Hải đã 32 tuổi.

Nhà người lái buôn vốn giàu có mà hiếm con trai, khi được tin Giáp-Hải đỗ Trạng sắp Vinh-quí mừng-rỡ vô cùng, nói với quan sở-tại bắt cả huyện phải cắt phu đến phục dịch và nghinh tiếp Trạng về, thứ nhất là dân phu trong làng, phải phục dịch một cách rất khó-nhọc.

Trong bọn dân phu có người biết nguyên-Ủy Trạng Giáp-Hải, mới nói vung với nhau rằng: « Không biết chủ lái kia vớ được người ở xứ nào đem về nhận làm con, mà đến bây giờ làm khổ dân ta thế này! »

Trạng Giáp-Hải nghe thoảng được những lời ta-thán ấy, trong bụng nghi-ngờ, không biết cớ làm sao. Việc Vinh-quí xong đâu đấy, bèn lưu tâm quan-sát, sau xét xem các ngôi tồ mộ, thì không có ngôi nào đáng phát Trạng-nguyên, lại hỏi dò sự ăn ở của nhà lái buôn ấy và tồ-tông ngày trước, cũng chỉ bình thường buôn bán làm ăn, chó không có điều gì là đại ám-đức cả.

Một hôm Trạng Giáp-Hải đang ngồi một mình nghĩ -ngợi, mỏi lưng tựa ghế, bỗng thiu-thiu, chợt thấy một người ngoại 40 tuổi, quần nâu áo vải, vái chào mà thưa rằng: «Bầm quan Trạng; tôi là đầy tờ Ông cụ lái ngày trước, khi ông cụ lái làm sự bí mật, chỉ có mình tôi biết, đáng lẽ tôi không dám tiết-lậu việc kin của chủ, nhưng mấy bữa nay thấy ngài lo buồn giàn-giọc về nỗi tông-tích của ngài, và ông cụ lái dẫu không sinh ra ngài, nhưng cũng có công nuôi, nay ngài đã nhờ ơn nuôi nấng được đến thế này, thì có khi nào ngài lại phụ ơn, mà ông cụ lái còn cứ giấu-giếm không bao rõ, để ngài có mẹ mà không được nuôi-nấng, có tồ tiên mà không được phụng thờ, chả cũng khỉ nhẫn tâm lầm ru! Tôi vì công-lý nên phải đến đây bầy tỏ, ngài chính là con bà cụ ở làng Công-luận huyện Văn-giang, ông cụ lái dỗ ngài về nuôi từ năm lên bốn tuổi, chó không phải là ông cụ lái sinh hạ ra ngài ». Giáp-Hải nghe nói giật mình tinh dậy thì là một giấc chiêm-bao, trong bụng rất là cảm-dộng.

Hôm sau thân hành đến làng Công-luận thăm dò, thấy một bà lão trạc ngoại 70 tuổi, bán hàng nước bên cạnh đường, tình cảnh coi rất thương tâm. Giáp-Hải sai người vào hỏi bà lão có chồng con gì không, bà lão nói: «Khi xưa có sinh được một đứa con trai, năm lên bốn tuổi chơi với trẻ ở bờ sông rồi không biết lạc đi đâu mất».

Giáp-Hải biết là mẹ nhưng chưa dám nhận ngay, lại sai người hỏi rằng: «Bà cụ già-cá, con cái không có, nương tựa vào ai được, nay quan Trạng muốn đem về nuôi làm phúc, vậy có bằng lòng không? »

Bà lão mừng rõ nói: « Nếu quan lớn có lòng thương nhữn thề, thì còn phải nói gì! » Giáp-Hải bèn đem về nuôi, có ý để dò cho đích-xác.

Chân Giáp-Hải có mụn nốt ruồi đỏ, một hôm bà lão trông thấy, cứ nhìn trông-trọc mãi, người nhà quở là vô lẽ thì bà lão nói rằng: « Đứa con trai tôi ngày trước cũng có mụn nốt ruồi đỏ ở chân như thế, nay tôi trông thấy chân quan lớn thì lại nhớ đến con tôi ». Nói đến đây bỗng khóc oà lên.

Giáp-Hải biết chắc là mẹ chẳng còn sai, bèn đứng dậy đỡ bà lão lên giường, rồi quỳ xuống khóc mà nói rằng: « Con mẹ đây, con bất hiếu này có mẹ mà không biết, thực là tội-lỗi muôn vàn, may sao trời xui khiến mẹ con được gặp nhau, xin mẹ từ nay an tâm cho con được hết lòng phụng dưỡng ». Nói xong rồi hỏi hết đầu đuôi nồng nỗi, bà cụ liền kể hết cho nghe, từ đấy mẹ con nhận nhau, ông cụ lái tự biết mình, xin lỗi mãi, nhưng Trạng Giáp-Hải vẫn một lòng hiếu kính, mẹ đẻ bối nuôi, phụng sự như nhau, ai cũng khen là biết đạo.

Không bao lâu Trạng Giáp-Hải phụng mệnh đi Chủ-khảo trường thi hương Sơn-nam, ra đầu bài hiêm-hóc, học trò toàn phá trường, lại phải ra đầu bài khác. Sau xét được người thủ xướng phá trường, khép án xử-tử, người ấy kêu nhà độc định, xin nộp nghìn quan tiền chuộc tội, Trạng Giáp-Hải nhất định không nghe.

Được ít lâu, con Trạng Giáp-Hải là Giáp-Phong đã đỗ Tiến-sĩ, tự nhiên vô bệnh mất, Trạng Giáp-Hải thương tiếc, tìm phù-thủy đánh đồng thiếp đi tìm. Khi xuống đến Diêm-cung, thấy Giáp-Phong đang ngồi đánh cờ với một ông quan, ngẩn ra nhìn mà không nói gì cả. Ông quan kia hỏi thì Giáp-Phong nói: « Trước tôi có trợ ở nhà ông ấy 20 năm, vì ông ấy giết oan một người học trò nên tôi không ở nữa? » Trạng Giáp-Hải nghe nói giật mình tỉnh dậy, biết là tiền oan nghiệp chướng, bèn cho gọi người nhà tên học trò bị giết đến, cho tiền về làm chay.

Sau Trạng Giáp-Hải làm đến Lại-bộ Thượng-thư Sách-quốc-công, cùng với Trạng Bỉnh-Khiêm có thịnh-danh ở triều nhà Mạc.

Vua Đại-Chinh nhà Mạc ở ngòi được 10 năm thì truyền cho em là Phúc-Hải, đổi niên-hiệu là Quảng-Hoà. Bấy giờ trong triều nhiều kẻ lộng-thần, Trạng Bỉnh-Khiêm dâng sớ hặc chém 18 người, toàn là bậc quyền-quí, sớ tâu vào vua không hỏi đến. Bỉnh-Khiêm thấy triều chính không được như trước đã có lòng chán, lại nhân con rể là Phạm-Giao cũng vào đảng lộng-thần ấy, Trạng Bỉnh-Khiêm can bảo không được, sợ vạ lây đến mình, bèn dâng sớ xin chí-sĩ ba lần, vua Quảng-Hoà mới chuần. Gia-phong là Đông-các Đại-học-sĩ Trinh-toàn-hầu; bấy giờ Trạng Bỉnh-Khiêm đã ngoại 50 tuổi, làm tướng cả thê 8 năm, bàn bạc nhiều việc rất bồ ích, khi về hưu, trên từ vua, dưới đến các quan, đều đem lòng ái mộ, từ đó Triều-đình có việc gì quan trọng, vua lại sai sứ về hỏi tận nhà.

Trạng Bỉnh-Khiêm đã về nhà, lập một cái am ở bên hữu làng, gọi là Bạch-vân-am, nhân tự hiệu là Bạch-vân cù-sĩ. Lại dựng 2 cái cầu là Nghinh-phong và Trường-xuân để làm nơi nghỉ mát, và một cái quán ở bên sông Tuyết-giang, gọi là quán Trung-tân; có soạn bài văn bia đại ý nói người ta phải giữ-gìn tinh thiêng (Xem hồi thứ 13). Lại sửa-sang các đình chùa trong làng và trồng cây các vè đường đê, mở một phiên chợ ngày 28 tết cho người làng và chung quanh buôn bán. Trạng Bỉnh-Khiêm thường hay chơi với các nhà sư, cứ gặp khi nhàn-hạ và khi trời mát-mẻ, lại thả thuyền đi chơi bể, hoặc ra cửa Úc-môn xem đánh cá, lại thường hay lên chơi các nơi danh-sơn như: núi Đồ-son, núi Ngọa-vân, núi Kinh-chủ và núi Yên-tử, đạp đá vin cày, chơi chùa ngắm cảnh, gặp chỗ nào cây cao bóng mát, chim kêu vượn hót, đá phẳng suối trong, lại nghỉ-ngơi ngắm-nghĩa, có khi tối ngày mới trở về.

Bỉnh-Khiêm đã về nhà, nhưng vua Quảng-Hoà thường vẫn cho quan về thăm hỏi luòn-luôn, ban cho

những đồ ngọc-ngà, gốm-vóc chẳng thiếu thứ gì, cũng có khi ngụ giá về chơi nhà hay là có việc gì quan trọng lại vội vào kinh bàn-bạc. Bỉnh-Khiêm cũng hết lòng trung quân ái quốc, có mịnh chiệu là đi ngay không hề chậm trễ, phàm trong triều hỏi-hạn điều gì, dãi bầy lợi hại không hề giấu-giếm, tùy cơ ứng biến, nghị luận cao minh. Vua muốn khởi phục nhưng Bỉnh-Khiêm nhất định từ chối không chịu ra, ai cũng khen là người cao-thượng.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Tiền-nho ta thường nói: « Có một vị nhàn-quản nhất đại hưng vương, tái lại có bầy tài nhất đại hưng vương », câu đó dẫu là một bài lý luận thường, song thực là một lời chí lý. Cứ xem như nhà Mạc đây thì đủ biết. Vua Mạc đã ứng thiên thuận nhân mà hưng vương thì lại có Trạng Trình, Trạng Giáp dán thế đĩnh sinh ra phụ tá, Trạng Trình tận trung với vua, Trạng Giáp có hiếu với mẹ, thực là một bậc thượng lưu nhân vật trong nước Nam ta. Trong một triều vua được luôn cả hai bậc đại trung, đại hiếu dực bằng long-dần, chủ cũng là thịnh-sự có vẻ vang cho lịch sử lầm ru. Thế mà cựu sử cứ đẽ khuyết lược về sự tích Mạc triều, mà lại khắc trách đến cả nhàn-tài Mạc triều nữa, thế chả là quá khắc lầm ru.

HỘI THÚ CHÍN

*Lê-Hồ thi dỗ, sang sứ Tàu,
Trạng Trình lập miru, dù Nguyễn-Quyện.*

Nguyễn Bỉnh-Khiêm đã về hưu trí, mọi việc trong triều vua Quảng-Hoà không hay xét đoán, thường khi sai quan đi đến nhà hỏi hay là chiêu Trạng về kinh bàn-bạc. nhưng cũng chẳng qua chỉ những việc lớn mà thôi. Bấy giờ lại lầm việc ngoại giao, các quan triều phần nhiều là vĩ-tướng, ít mưu mô, vua muốn quảng cầu nhân-tài để phụ chính.

Năm Tân-sửu lại gặp khoa thi hội, vua thân lâm sách sĩ, lấy được Lê Nhữ-Hồ đỗ Tiến-sĩ, liền sai sang sứ nhà Minh.

Nhữ-Hồ người làng Tiên-châu huyện Tiên-lữ (bây giờ thuộc tỉnh Hưng-yên), có sức khoẻ lại có văn tài, tương truyền ăn khoẻ nhất nước Nam (Xem ở truyện Nam-hải dị-nhàn). Khi đỗ Tiến-sĩ tuổi đã 30, được sung chức Tả Thị-lang, phụng mệnh sang sứ nhà Minh, dâng tuế công. Lúc ấy người ở cùng huyện về làng An-chiếu là anh hàng thịt có khầu-tài, Nhữ-Hồ cho theo làm tùy-phái.

Đến Yên-kinh, người Tàu nghe Nhữ-Hồ ăn khoẻ, làm một mâm cỗ 18 tầng khoản dãi, Nhữ-Hồ bắc thang trèo lên ăn, cứ ăn hết một tầng lại thu bát ném xuống rồi lên ăn từng trên, khi đến từng trên cùng, thấy có 4 cái đầu người, Nhữ-Hồ lấy hai chiếc dưa xâu vào hai mắt giơ lên, người ngoài trông thấy đều ngårngh đi không dám nhìn. Nhữ-Hồ gọi Tuỳ-phái bảo rằng: «Ta chưa được ăn những vị lạ mấy khi, nay Hoàng-đế àn ban cho ta chắc là món ăn ngon, nhà người lấy dấm đem đây cho ta». Vì những đầu ấy không phải là đầu người, chính là đầu cá «Nhân-ngư» trông chẳng khác đầu người. Quan Tàu đặt món ấy để thử xem Nhữ-Hồ có dám ăn không, chả ngờ Nhữ-Hồ đã biết trước, giàm ngay đầu cá vào dấm mà ăn.

Có khi quan Tầu thủ Nhu-Hồ, bưng hai mắt lại, sai người giắt di chỗ khác, hai ba ngày lại đem đến chỗ cũ, hỏi đố nói được là chỗ nào thì tha cho.

Nhu-Hồ hiểu biết nói ngay là chỗ ăn yến hòm trước, quan Tầu phục là thông tuệ.

Bấy giờ bên Tầu đại hạn luôn mấy tháng không mưa, vua Tầu truyền các sứ-thần đảo vũ. Nhu-Hồ biết trước trời chưa có thề mưa được bèn tâu rằng: « An-nam là nước nhỏ, tôi dám dám đảo trước, xin kính nhường sứ-thần các nước lớn, nếu không ứng, tôi sẽ xin hiệu lực thứ sau ». Vua Tầu bèn sai sứ-thần các nước cất phiến làm lê đảo vũ, không thấy linh ứng, mới lại triệu đến sứ nước Nam.

Nhu-Hồ lại tâu rằng: « Hạ-thần có người Tuỳ-phái học được di-pháp của Gia-Cát Vũ-hầu, hô phong hoán vũ, linh tiệp như thần, xin Bệ-hạ cho vời người ấy ». Vua Tầu bèn truyền cho người Tuỳ-phái sứ nước Nam được vào bệ kiển, người Tuỳ-phái ấy chính là anh hàng thịt, tâu với vua Tầu xin chọn ngày làm phép, rồi đi xem các rể si và cỏ gà, thấy đều đốm trắng, biết rằng đã sắp đến kỳ mưa, liền trở về tâu xin lập đàn đảo vũ.

Đảo xong quả nhiên mưa như chút (xem ở truyện Trạng Lợn). Vua Tầu và các quan đều mừng-rõ bảo nhau rằng: « Đầy tờ còn giỏi thế chả là thầy thì giỏi đến đâu! » Từ đấy biệt dãi thầy trò Nhu-Hồ hơn cả các sứ-thần các nước.

Vua Tầu muốn lưu Nhu-Hồ dạy Hoàng-tử, Nhu-Hồ ý không muốn ở nhưng không dám từ chối, tâu xin dựng một cái lầu và sắm đủ các đồ giáo-cụ, hẽ Hoàng-tử hơi có lỗi là chừng trị một cách rất nghiêm-khắc, Hoàng-hậu có tình thương con, tâu cho sứ nước Nam về.

Nhu-Hồ đã về nước, có công được thăng chức Thượng-thư và được phong làm Xuân-giang-hầu.

Trong khi Nhu-Hồ đi sứ về, vua Quảng-Hoà (ở ngôi 6 năm) đã truyền vị cho em là Mạc Phúc-Nguyên, đổi niên hiệu là Vĩnh-Định (1547), (sau lại đổi là Cảnh-lịch, rồi lại đổi là Quang-Bảo).

Bấy giờ có Thủ-quốc-công là Nguyễn-Thiến, người làng Canh-hoạch, trước đã làm quan với nhà Mạc, sau nghe tin nhà Lê lại khởi, bèn đem hai con trai là Nguyễn-Miễn và Nguyễn-Quyện vào Thanh-hoa theo vua Lê. Nguyễn Bỉnh-Khiêm trước có chơi thân với Nguyễn-Thiến, mới gửi cho Nguyễn-Thiến một bài thơ có câu rằng:

顧我存孤惟義在
Cố ngã tồn cô duy nghĩa tại,
知君處變豈心甘
Tri quân xử biến khởi tâm cam.

LẠI CÓ CÂU RĂNG:

氣運一週離復合
Khí vận nhất chu ly phục hợp,
長江豈有限東南
Trường giang khởi hưu hạn đông nam.

DIỄN NÔM LÀ:

Ta giữ kẻ cõi vì chút nghĩa,
Ông đương khi biến há cam lòng!
Khi vận xoay vẫn ly, lại hợp;
Sông dài há có hạn Nam, Đông.

Nguyễn-Thiến được thơ trong lòng áy-náy, chưa biết nghĩ thế nào. Khi ấy con là Nguyễn-Quyện đang làm tướng nhà Lê, đánh nhau với quân nhà Mạc ở đàng trong, trận nào quân nhà Mạc cũng thua.

Vua Vĩnh-Định lấy làm lo, sai sứ hỏi Bỉnh-Khiêm, Bỉnh-Khiêm tâu rằng: « Nguyễn-Quyện có văn võ toàn tài, nay làm tướng nhà Lê, thực là một cái lo lớn cho Triều-dình ta đó, nhưng cha hắn với hạ-thần là bạn thân, hắn lại là học-trò hạ-thần ngày trước, hiện nay hắn đang đóng quân ở Thiên-trường, chính đang buồm hiem-nghi do-dự, đề hạ-thần sẽ dùng mưu bắt hắn rồi dụ hắn về với Triều-dình ». Vua Vĩnh-Định cả mừng, giục Bỉnh-Khiêm mau-mau lập kế.

Bỉnh-Khiêm bèn giả cách thả thuyền xuống chơi mạn Thiên-trường, mật sai hơn trăm tráng-sĩ phục sẵn ở bên sông, nhất diện đưa thư hẹn Nguyễn-Quyện đến thuyền nói chuyện.

Nguyễn-Quyện tiếp được sự mịnh, lập tức ra thuyền bái kiến; Binh-Khiêm sai đặt tiệc khoản dãi, thay trò nói chuyện rất vui-vẻ. Đang khi ấy, bỗng có tiếng súng nổ, phục binh nồi lên vây bọc quanh thuyền. Nguyễn-Quyện ngạc nhiên chưa biết là toán quân nào, đang chực đứng dậy.

Binh-Khiêm liền giữ lại mà bảo rằng: «Anh cứ ngồi yên, thay sẽ nói cho mà nghe: Thầy suy tính thế vận còn vài ba mươi năm nữa nhà Lê mới trung hưng được, nay dẫu mới nồi cũng chưa làm gì được, nếu cứ khua người đồng loại giết hại lẫn nhau, xương thành đống, máu đầy sông, chỉ tồi thêm thương tâm thảm mục. Vả cha con thay trò mình, đều chịu ơn của Mạc-triều, ta cũng phải nén liệu lượng. Nay thay phụng minh Triều-dinh đến đây phân biệt lợi hại thuận nghịch cho anh rõ, ý anh nghĩ thế nào?»

Nguyễn-Quyện cúi đầu ngâm-nghĩ hồi lâu, lấy làm cảm kích, bèn tình nguyện trở về với Mạc-triều. Binh-Khiêm liền đem Nguyễn-Quyện về kinh vào bệ kiến, vua Vĩnh-Định cả mừng, phong Quyện làm An-viễn Tướng-quân. Việc binh-cách từ đấy mới được sáo thư, sau Nguyễn-Quyện giúp vua Mạc lập được rất nhiều chiến công. Nhà Mạc lại vững được hơn ba mươi năm, là cũng nhờ mưu của Binh-Khiêm vậy.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÁ:

Sứ-thần nước Ta kiến trọng với nước Tàu, phần nhiều nhờ có tài ứng biến, Lê Nhữ-Hồ đây thực là có tài ứng-biển, mà anh hàng thịt đi tuỳ-phái đó, cũng không phải là không tài. Việc này hơi giống như truyện «Trạng-Lợn», có lẽ anh hàng thịt đó là Trạng-Lợn chăng? truyện xưa tích cũ, khẩu thuyết tục truyền, thực không biết thế nào là đích, song cũng đủ chứng rằng nhân-tài nước ta đời nào cũng có, khiến người ngoại quốc phải kính phục mà không dám coi thường vậy.

Binh-Khiêm dùng kế dụ học-trò, tựa hồ không phải là chính đạo, song vì sinh-linh mà thử việc tranh-chiến, vì Triều-dinh mà thu người trung-sĩ, vì học-trò mà phân biệt lợi hại thuận nghịch, thì cũng không phải là bất chính, mà chính là quân-tử hành quyền đó. Binh-Khiêm là một nhà triết học, lý học và đạo học ở nước ta, về việc quyền biến rất thông đạt, rất tinh tường, không hề sai lầm chút ty hào, mà việc dụ Nguyễn-Quyện này chính là nhất đoan trong sự hành quyền vậy.

HỒI THÚ MUỜI

Núi Sầm-son, Lê-thị trung hung :

Năm Quang-bảo, nhán-tài bối xuất.

Nguyễn-Quyện đã về với nhà Mạc, quân Lê ở Thiên-trường đều tan-tác, người thi theo chủ tướng cũng về với nhà Mạc, kẻ thi trốn về làng cũ cày cấy làm ăn, việc chiến-tranh ở ngoài Bắc từ đó sáo thư, song thế lực nhà Lê ở dâng trong cứ một ngày một thịnh.

Nguyên khi vua Minh-Đức thụ thiệu nhà Lê, các quan cựu-thần của nhà Lê phần nhiều trốn tránh không chịu ra làm quan.

Thuở ấy có ông Nguyễn-Kim (tức là vua Chiêu-tông nhà Nguyễn ta) là quan lữu-vệ Điện-tiền tướng-quân triều nhà Lê, cũng lánh sang Ai-lao, ngụ ở xứ Sầm-châu (thuộc Trấn-ninh phủ), cho người đi tìm con cháu vua Lê để đồ sự khôi-phục.

Năm Quý-tị (tức năm thứ 3 hiệu Đại-Chính nhà Mạc, lịch tây 1532), tìm được con út vua Lê Chiêu-tông tên là Duy-Ninh (tức Chúa Chồm) lập làm vua, tức là vua Trang-tông, kỷ niên-hiệu là Nguyên-Hoà, vua tôi nương-náu ở Sầm-châu, chiêu binh tập mǎ mưu sự phục quốc.

Mãi đến năm Canh-ti (tức năm thứ 6 hiệu Đại-Chính lịch tây 1535), ông Nguyễn-Kim mới đem quân về đánh Nghệ-an, năm Nhâm-dần (tức năm thứ 3 hiệu Quảng-Hoà, lịch tây 1543), Lê Trang-tông lại đem quân ra đánh Thanh-hoá, không bao lâu nhà Lê thu phục được Tây-dô, thì ông Nguyễn-Kim mất, con rể là Trịnh-Kiểm thay lĩnh binh quyền.

Năm Mậu-thân (tức năm thứ nhất hiệu Cảnh-Lịch, lịch tây 1548) Lê Trang-tông mất, ở ngôi được 5 năm. Trịnh-Kiểm lập Thái-tử là Duy-Huyền lên làm vua, tức là Lê Trung-tông, đổi niên-hiệu là Thuận-Bình, bấy giờ chính vào khoảng niên-hiệu Cảnh-Lịch nhà Mạc, mà Nguyễn-Quyện đã bỏ Lê về Mạc vậy.

Từ khi nhà Mạc được Nguyễn - Quyện về hàng, khỏi được việc chiến-tranh ngoài Bắc, lại tu trình chính-trị, phán súc thái bình, về việc khoa-cử càng lưu tâm, trong ba khoa thi hội Bính-thìn, Kỷ-vị và Nhâm-tuất thủ trúng được rất nhiều danh-sĩ.

Khoa Bính-thìn tức là năm đầu hiệu Quang-Bảo (1554), Phạm-Trấn đỗ Trạng-nguyễn, Đỗ-Uông đỗ Bảng-nhồn, Nguyễn Xuân-Quang đỗ Thám-hoa. Phạm-Trấn người làng Lam-cầu; Đỗ-Uông người làng Đoàn-lâm, đều thuộc huyện Gia-phúc (bây giờ là Gia-lộc) tỉnh Hải-dương, sự-tích ở truyện « Nam-hải dị-nhân » đã chép rõ hai người sau đều làm quan đến chức Thừa-chinh-ty; khi nhà Mạc mất, Đỗ-Uông về Lê làm đến chức Hộ-bộ Thưong-thư, Phạm-Trấn thì đi ẩn. Lúc hai người còn là học-trò, một hôm ngồi uống rượu với nhau, cùng nhau làm bài túc lán, Đỗ-Uông đọc trước rằng:

Hữu hoàng dụng hoàng,	有	黃	用	黃
Vô hoàng dụng hoả,	無	黃	用	火
Sở dụng hàm nghi,	所	用	咸	宜
Vô thi bất khả.	無	施	不	可

NGHĨA LÀ :

Có vàng dùng vàng,
Không vàng dùng lửa,
Đã dùng đều nên,
Làm gì chẳng khác.

Phạm-Trấn đọc nổi rằng:

Tửu hoàng tắc ầm,	酒	黃	則	飲
Tửu hoả tắc tuyệt,	酒	火	則	絕
Hữu vi thử ngôn,	有	逆	此	言
Thiên địa nhật nguyệt.	天	地	日	月

NGHĨA LÀ :

Rượu vàng thời uống,
Rượu lửa thời thoi,
Nếu sai lời ấy,
Trời đất xét soi.

Thức giả nghe hai bài tán ấy mà biết chí hai người khác nhau xa vây.

Nguyễn Xuân-Quang người làng Đột-lĩnh, huyện Chí-linh, thiên tư rất độn mà chăm học, lại nhớ lâu, ở nhà đọc sách suốt đêm, tiếng đọc ồm-oảm, ai nghe cũng chán tai. Nhà có vườn cau, thường khi ngồi đọc sách ở dưới gốc, đọc khuya ngủ gật, vập đầu vào gốc cau thì lại tỉnh dậy học đến sáng.

Người chí thấy em dụng tâm học khổ-sở như thế thì cười mà bảo rằng: « Đất sỏi bao giờ có trách vàng mà em chịu khó thế? » Vì làng ấy xưa nay chưa có ai đỗ bao giờ. Xuân-Quang thấy chí nói thế thì càng cố học, khoa ấy thi đỗ, khi về vinh-quí ăn mừng, đặt riêng một mâm cỗ mời chí, có một con trạch to, chí biết là riễu mình, liền cười mà bảo rằng: « Không có câu nói tức ấy thì sao em được có ngày nay! » Sau Xuân-Quang làm quan đến Đông-các Đại-học-sĩ.

Khoa Kỷ-vị năm thứ 4 hiệu Quang-Bảo (1557), Nguyễn Doãn-Khâm và Đồng Công-Hăng đỗ Tiến-sĩ.

Nguyễn Doãn-Khâm người làng Kiệt-dặc, huyện Chí-linh, tính chất-phác thực-thà; thuở nhỏ đi cầy ruộng. Một hôm quan Thìra-ty Hải-duong đi qua, vồng lọng linh-tráng chật đường; Doãn-Khâm hỏi bạn-diền rằng: « Người ấy là ai, làm gì mà được vẻ vang như thế? »

Bạn-diền nói là quan sở tại.

Doãn-Khâm lại hỏi: « Bởi sao mà được làm quan?

— Bởi học hay chữ thi đỗ thì được làm quan!

— Thế thì tôi trở về đi học, chả đi cầy nữa! ».

Bạn-diền đều cười là dở hơi.

Từ đấy Doãn-Khâm quyết về đi học, học một biết mười, không bao lâu nổi tiếng hay chữ vùng Hải-duong, đến khoa ấy thi đỗ Tiến-sĩ đệ nhị giáp (tức là Hoàng-giáp).

Tục truyền Doãn-Khâm tay dài quá gối, có sức khoẻ, đánh vật giỏi, khi đã làm quan Đô Ngự-sử; nhân ngày tết về chơi nhà, đi qua làng Giao-tắt, huyện Gia-lâm, thấy trong làng đang mở cuộc đánh vật, có người lực-sĩ

giữ giải nhất, đã được 3 ngày không ai phá nỗi. Doãn-Khâm dừng xe vào xin phá giải. Người lực-sĩ tức lầm, chủ ý chực vật chết, không ngờ vừa giơ tay một lượt, đã bị Doãn-Khâm sốc nách ném ra ngoài chỗ bao lan, rồi nói to lên rằng: «Ta là Đô Ngự-sử Nguyễn Doãn-Khâm đây, đã biết tay ta chúa?» Nói xong lên xe đi. Người làng cầm giải chạy đưa theo, Doãn-Khâm không nhận, dặn đem về cho người lực-sĩ kia.

Sau Doãn-Khâm làm quan đến Thượng-thư, trước Nghiêm-sơn-hầu. Khi nhà Mạc mất, thì ẩn cư trong núi Huyền-đinh, vua Lê chiếu mãi không chịu ra, lấy búa đập vỡ đầu gối rồi cáo binh ở nhà; hơn 80 tuổi mới mất.

Đồng Công-Hãng người làng Triều-dương, huyện Chí-linh, tục quen gọi là ông Triều, học rất thông-minh, có tiếng Thần-đồng. Bấy giờ dinh Thừa-ty tỉnh Hải-dương gần ngay xã Triều-dương. Một hôm Công-Hãng đến cửa dinh đánh trống, các quan tướng có việc quan, hội đồng ra cả công đường, thấy Công-Hãng đứng đấy, liền hỏi có việc gì mà đánh trống.

Công-Hãng thưa rằng: «Tôi học-trò nghèo muôn đến xin tiền, sợ khó thấu được đến tai quan, nên đánh trống để các quan ra cho dễ xin, chứ không có việc gì cả!»

Các quan nói: «Đã là học-trò, thì ta ra cho một bài thơ, nếu làm được hay ta sẽ cho tiền, bằng không thì đánh đòn».

Công-Hãng cười nói rằng: «Các quan ra một bài tôi không bõ làm, xin ra độ 100 bài để làm nhân thề».

Bà ông quan Thừa-ty bèn chia lượt nhau ra bài, ra bài nào Công-Hãng làm xong ngay bài ấy, mà bài nào cũng hay tuyệt, các quan ra không kịp, biết là bậc đại-tài, bèn cho năm quan tiền và một thúng gạo, sai lính đem theo đến tận nhà.

Công-Hãng nhà nghèo, làm rẽ một nhà giàu ở trong lũng, bõ vợ tiếp-dai rất tử-tế, Công-Hãng cũng tự phụ tài-mình không kém, khoa nào đi thi cũng xin bõ vợ làm thịt trâu săn và dặn người nhà chặt tre làm cán cờ, để phòng lúc vinh-quí. Ngày đâu một khoa Công-Hãng vào kỳ đệ-nhất, kiêm trị ngũ kinh, bỗng quên

mất nghĩa bài kinh Thi, bực mình cắp quyền ra về, có một cụ đồ ngồi bên cạnh bảo rằng: «Đoạn kinh Thi ấy tôi nhớ nghĩa, thầy cứ ở lại mà làm, tôi bảo giúp!» Công-Hăng cười nói: «Có đâu người định đồ đầu thiên-hạ, mà lại đi xin chữ bao giờ!» Bèn giả cách đánh giây mực vào quyền rồi cáo xin ra. Khoa sau lúc đi thi lại xin bố vợ làm thịt trâu, bố vợ cười bảo rằng: «Trâu thì ta không tiếc, nhưng nếu không đồ thi người ta cười cho, chi bằng khi trúng cử sẽ hay!» Công-Hăng đoan rằng thế nào cũng đồ, nếu không làm thịt trâu thì nhất định không đi thi. Bố vợ bất-dắc-dĩ lại phải làm thịt trâu.

Khi vào trường, Công-Hăng giương-ngôn rằng: «Đồ các quan Trường ra đầu bài gì khiến cho Hăng này quên nghĩa như khoa trước!». Khoa ấy quả nhiên đồ Hội-nghuyên. Khi vào Đình-đối, các quan ghét Công-Hăng có tính kiêu-ngạo, bèn truất xuống đệ nhị giáp (tức là Hoàng-giáp) bởi thế Công-Hăng không được đồ Trạng-nghuyên.

Công-Hăng vừa thẹn vừa tức, hòm vinh-quí đi đất về nhà. Em Công-Hăng là Đắc-Tài, đã đồ Tú-tài, song học còn mõ-mãng. Một hôm vợ Đắc-Tài cùng với Công-Hăng Phu-nhân cùng ngồi một chiếu, ông cụ thân-sinh ra Công-Hăng trông thấy, bảo vợ Đắc-Tài rằng: «Mày là vợ một người Tú-tài sao dám đồng toạ với vợ quan Hoàng-giáp!».

Vợ Đắc-Tài thẹn bực, về bảo chồng: «Nếu không thi đồ Tiến-sĩ thì không làm vợ nữa». Đắc-Tài bị vợ nói khích bèn đến hỏi Công-Hăng xem mình có thể đồ được Tiến-sĩ không. Công-Hăng cười bảo rằng: «Tiến-sĩ mấy người được như anh, còn như chú cả đấy, chú cố đi cũng chẳng khó gì. Đắc-Tài bèn đóng cửa xem sách, ba năm không nhìn đến vợ con, quả nhiên khoa sau cũng đồ Tiến-sĩ, hai anh em sau đều làm đến chức Đô Ngự-sử. Ai cũng bảo Đắc-Tài nhở câu nói của vợ mà làm nên.

Khoa Nhâm-tuất năm thứ 7 hiệu Quang-Bảo (1560),

Phạm Duy-Quyết dỗ Trạng-nghuyên, Nguyễn Khắc-Kính, Nguyễn-Phong dỗ Tiến-sĩ.

Phạm Duy-Quyết người làng Sác-khê, Nguyễn Khắc-Kính người làng Thanh-đôi. Khi Khắc-Kính chưa dỗ, ngồi dạy học ở làng, thì Duy-Quyết mới lên tám tuổi, bà cụ thân-sinh ra Duy-Quyết đến nói cho con học và hỏi nhập môn phải biện lẽ gì? Khắc-Kính bảo tùy tâm, bà cụ về làm thịt trâu đem đến. Khắc-Kính hỏi: « Sao bà làm lẽ hậu quá thế? »

Bà cụ nói: « Nhập môn là lẽ trọng, nên tôi không dám tiếc trâu cầy! quý hòi thầy thương cho con tôi học được là hơn! » Khắc-Kính hỏi tên người con, bà cụ nói chưa có tên, nhờ thầy đặt tên cho, mà lại nói họ chồng là Phạm, đời nào cũng đệm chữ Duy, chữ tên theo bộ Ngọc, Khắc-Kính bèn đặt là: « Phạm Duy-Quyết 范維玦», rồi lại hối rằng: « Trước ta năm mồng khoa ta dỗ thì người dỗ đầu là Phạm Duy-Quyết, ta tìm mãi không có tên như thế, nay ta đặt tên cho thằng bé này trong khi không nghĩ đến, có lẽ thằng bé này đáng bậc Trạng-nghuyên chăng? Bây giờ hẵn mới lên tám tuổi, mới đến nhờ ta dạy vở lòng, thì đến bao giờ cho hẵn đi thi được, mà ta mộng thấy đồng khoa với hẵn, quả vậy thì ta biết chờ đến đời nào! »

Từ đấy Khắc-Kính hết sức dạy bảo Duy-Quyết mong cho chéong thành tài, đề minh cũng có phần hi-vọng. Duy-Quyết thiên tư rất thông minh, học một biết mười, mới trong ba năm đã xuất sắc khác thường, Khắc-Kính thấy thế mừng thầm, chắc là sẽ như nhời mộng triệu. Khoa ấy hai thầy trò cùng đi thi, cùng dỗ lương lai cùng vào Hội. Khắc-Kính khi ấy đã ngoài 60 tuổi, nhưng vẫn hăng-hái có chí tranh khôi. Lúc vào Đình đỗ, bảo Duy-Quyết rằng: « Trạng-nghuyên khoa này anh phải dề nhường thầy! » Duy-Quyết vâng-vâng, dạ-dạ.

Đến khi viết bài, Khắc-Kính tự nhiên đau bụng, đến quá trưa vẫn chưa xong quyển. Khắc-Kính có ý hối, bèn khấn trời không dám tranh Trạng-nguyên với Duy-Quyết nữa, khấn xong thì khỏi, bèn lao-thảo viết cho kín quyển rồi ra. Hôm xướng danh, Duy-Quyết đỗ Trạng-nguyên, Khắc-Kính đỗ Hoàng-giáp, mới biết việc khoa-cử cũng là tiền định vậy.

Đời truyền: Phạm Duy-Quyết là học-trò yêu của ông Trần Thanh-lâm (ông người ở Quan-sơn, đỗ Tiến-sĩ khoa Tân-sửu đời vua Quảng-Hoà), ông tinh địa-lý, đề cho Duy-Quyết một ngôi mộ cầu khoa, táng xong, Duy-Quyết lại mời thầy Tầu phúc lại, thầy Tầu lập hướng khác, ông không biết, vẫn truyền ngôn rằng Duy-Quyết thế nào cũng đỗ Trạng-nguyên, ngờ đâu khoa ấy hỏng, ông thấy không ứng nghiệm, đến xem lại ngôi mộ, thấy sai hướng, lấy làm lạ, hỏi Duy-Quyết thủ thực, ông bèn soay hướng lại, và nói: « Hướng này mà không đỗ Trạng thì đốt sách của ta đi! » Quả nhiên khoa sau Duy-Quyết đỗ Trạng-nguyên, ai cũng phục ông là thánh địa-lý.

Khắc-Kính thi đỗ trở về được hơn năm thì mất. Duy-Quyết làm đến Lại-bộ Thị-lang, phụng-mình sang sứ nhà Minh hội khám ải-quan, được tiến phong Sắc-khê hầu-tước.

Nguyễn-Phong người làng Kiệt-dặc, huyện Chi-linh, lén bốn tuổi đã hiểu nghĩa sách, 14 tuổi thi Hương đỗ nhât cử, đến năm đỗ Tiến-sĩ mới 21 tuổi, làm quan đến chức Lê-bộ Thị-lang. Nhà Mạc mất, Nguyễn-Phong cùng với Nghiêm-son-hầu Nguyễn Doãn-Khâm là người cùng làng ăn cù trong núi Huyền-đinh, học-trò là bọn Nguyễn Công-Thực (Thượng-thư nhà Lê) tiến với vua Lê, vua sai sứ về đón, Nguyễn-Phong bất-dắc-dĩ phải ra, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, sau về tri-sĩ, được tặng phong Toàn-quận-công, 83 tuổi mới mất.

Khi Nguyễn-Phong tri-sĩ, đào một cái hồ ở sau vườon, giữa hồ đắp núi trồng cây thả cá và dựng một cái am

nhỏ ở cạnh núi để làm cảnh, có vịnh một bài thơ rằng:

一 湖 山 水 一 卦 龍
Nhất hồ sơn thủy nhất ti am,
草 木 魚 龍 一 二 三
Thảo mộc ngư long nhất nhị tam,
天 下 有 天 天 不 老
Thiên hạ hữu thiên thiên bất lão,
憲 前 尚 記 讀 河 南
Song tiền thương ký độc Hà-nam.

DỊCH NÔM LÀ:

*Một vũng non sông một tóp nhà,
Cỏ, cây, rồng, cá một hai ba,
Đời trời lại có trời riêng nữa,
Sách cũ ngồi buồn lại giờ ra.*

Văn-chương Nguyễn-Phong biệt có tài, xuất khẩu thành chương, không phải nghĩ ngợi, ý túc đối-dào, cú điệu thanh thoát, cùng với Đồng Công-Hăng có thịnh danh đời nhà Mạc, người bấy giờ thường có câu nói rằng: « Ông Triều ông Đọc học làm chi ». (Triều túc là Đồng Công-Hăng, Đọc túc là Nguyễn-Phong).

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÁ :

Nhân-tài nước ta tương truyền thịnh nhất đời Hồng-Đức, song cứ xem như hồi này thì đời Quang-Bảo có kém gì đời Hồng-Đức, thế mà trong Quốc-sử chỉ thấy nói Hồng-Đức, không thấy nói Quang-Bảo, há chang lấy lẽ Lê là chính thống, một điều hay cũng chép; Mạc là tiếm thiết, dẫu hay mấy cũng bỏ hay sao. Ôi! Ngôi trời lộc nước, được vận là vua, khí núi tinh sông, có người úy quí, nếu bão nhân tài ở đời Lê mới đáng quí, ở đời Mạc không đáng quí, thì có lẽ kỳ-làn phượng-hoàng chỉ đáng quí ở đời Ngũ-đế mà đến đời Tam-viরong thì coi là ác thù và phàm-điều hay sao. Ta là người Nam, sinh trưởng ở nước Nam, phàm nhân-tài trong nước đều là bậc đáng quí của ta, không nên lấy yêu ghét mà thiên ti.

HỒI THÚ MUỜI MỘT

*Trịnh, Nguyễn thông sứ với Trạng-Trình,
Binh-Khiêm di biểu dâng vua Mạc.*

Năm cuối niên-hiệu Quang-Bảo (1561), vua Trung-tôn nhà Lê mất, không có con trai nối, Trịnh-Kiêm thừa cơ muốn tự lập, song còn ngần-ngại chưa dám quyết. Mật sai sứ đem lẽ-vật ra Hải-dương hỏi Trạng Binh-Khiêm, Binh-Khiêm không muốn bảo rõ, nhân lúc ấy có mấy người nông-phu đi làm ruộng vừa về đến sân, Binh-Khiêm gọi bảo rằng: « Năm nay mất mùa thóc giống không tốt, các anh nên tìm giống thóc cũ mà gieo mạ! » Nói xong đứng dậy ra chơi chùa, Trịnh-sứ cũng theo ra.

Binh-Khiêm vào chùa gọi nhà sư bảo rằng: « Ta nghe nhà chùa cứ hay can-thiệp đến việc ngoài, cái đó rất không nên, làm người tu-hành chỉ nên biết cúng Phật ăn oản mà thôi ». Trịnh-sứ hiểu ý về bồm chùa Trịnh.

Trịnh-Kiêm mới tìm người cháu huyền-tôn ông Lê-Trù (anh vua Lê-Thái-tô) là Duy-Bang lập làm vua, tức là vua Anh-tôn, đồi niên-hiệu là Thiên-Hựu.

Bấy giờ con ông Nguyễn-Kim là Nguyễn-Hoàng (tức là đức Thái-tô Gia-dụ Hoàng-đế triều Nguyễn ta), bị anh rể là Trịnh-Kiêm ghen-ghét, lập mưu ám hại, ngài lấy làm lo, cũng sai sứ lên về Hải-dương hỏi Trạng Binh-Khiêm.

Binh-Khiêm chối không biết, chống gậy ra vườn chơi, Sứ-giả cũng theo ra vườn. Vườn có một rãy núi non bộ, đá đất lởm-chởm, cây cổ bùm-tum, hình thế thiên-nhiên coi rất đẹp. Binh-Khiêm cầm gậy chỏ vào đàn kiến đang bò trên sườn núi, mềm-mềm đọc câu rằng: « Hoành sơn nhất đái, vạn dại dung thân ». Nghĩa là: Đèo ngang một rãy, dung thân muôn dời. Nói xong chống gậy trở vào, sai làm rượu dãi Nguyễn-sứ rồi tiễn về, không bảo điều gì cả.

Sứ về tâu Nguyễn-chúa, ngài hiểu ý, bèn nhờ chỉ là

Ngọc-Bảo (con gái Cụ Nguyễn-Kim, vợ Trịnh-Kiêm) nói với Chúa Trịnh xin cho vào trấn-thủ đất Thuận-hoá, (tức là rãy đèo ngang). Chúa Trịnh thấy xứ ấy xa-xôi hiểm-trở, vừa mới mỏ-mang, thô-dân toàn là mường moi, thuỷ-thổ còn lam-chướng, biết không phải là nơi đất lành, bèn bỗng lòng cho đi trấn thủ, có ý mượn ma thiêng nước độc để hại Nguyễn-chúa cho khỏi lo sau.

Không ngờ Nguyễn-chúa tới trấn, chiêu lập nhân dân, mỏ-mang bờ-cõi, người Bắc theo vào, người Minh theo sang, không bao lâu thành một nơi phồn tụ nhất phương Nam, nỗi đời trấn-thủ, mọi xứ yên vui; sau Trịnh dẫu hối cũng không sao cướp lại được cái công-nghiệp vững bền ấy nữa. Liệt thánh bần-triều, dựng nên cơ sở ở Trung-kỳ, thực là nhờ một lời nói của Binh-Khiêm vậy.

Một hôm Binh-Khiêm cùng học-trò là Bùi Thời-Cử bồi dịch, xem đến việc bần-triều, được quẻ Kiền động hào Sơ-cửu, bút đoán rằng:

Bắc đắc Kiền thuận quái,	卜	得	乾	純	卦
Sơ-cửu ngộ tiêm-long,	初	九	遇	潛	龍
Ngã bát thế chi hậu,	我	八	世	之	後
Binh qua khởi trùng trùng,	兵	戈	起	重	重
Ngưu giang tụ Bảo-giang,	牛	江	聚	寶	江
Đại-nhân cư chính trung.	大	人	居	正	中

DIỄN NÔM LÀ:

Bói gieo được quẻ Kiền-nguyễn,
 Động hào Sơ-cửu rồng còn nâu hơi,
 Sau ta đây nữa tâm đời,
 Nỗi con binh cách, khắp nơi chiến trường.
 Ngưu-giang hợp với Bảo-giang,
 Đại nhân chính vị bốn phương một nhà.

Quả nhiên triều Nguyễn ta đến đức Duệ-lòn là đời thứ tam (kể từ đức Thái-tồ Nguyễn-Hoàng trở xuống), trong có giặc Tây-sơn nổi loạn, ngoài có quân Chúa

Trịnh tranh cường, đức Duệ-lòn phải bỏ Phú-xuân-kinh chạy vào Gia-dịnh, đến đời đức Cao-hoàng (Gia-Long) mới lại trung-hưng nhất-thống thiên-hạ, y như quẻ bói của Trạng Bỉnh-Khiêm.

Đang khi Trịnh, Nguyễn thông sứ với Bỉnh-Khiêm thì vận nhà Mạc bấy giờ đã hơi suy-nhược. Cuối năm Quang-Bảo, Khiêm-vương Mạc Kinh-Điền (em vua Vĩnh-Định) đánh nhau với quân nhà Lê bị thua ở cửa bắc Thần-phù, quân Lê thừa thắng kéo qua đường rừng lên Sơn-tây rồi xuống đánh Bắc-ninh (ngày trước là Kinh-bắc), dân tình nháo-nhác lo sợ, Bỉnh-Khiêm hiến kế hư thực, nhân tâm mới yên.

Không bao lâu vua Vĩnh-Định (ở ngôi 15 năm), truyền ngôi cho cháu là Mạc Mậu-Hợp (con trưởng vua Minh-Đức), đổi niên hiệu là Thuần-Phúc (sau lại đổi là Sùng Khang, Duyên-Thành, Đoan-Thái, Hưng-Trị, Hồng-Ninh), Bỉnh-Khiêm bấy giờ đã 87 tuổi.

Tháng tám năm Ất-dậu hiệu Sùng-Khang thứ năm (1586), Bỉnh-Khiêm yếu nặng, biết mình số tận không thể ở lâu cõi đời được nữa, bèn thảo biếu dâng về triều, đại lược nói rằng:

Hạ-thần chịu ơn tri-ngộ của liệt thánh, dỗ đến Trạng-nghuyên, quan đến Tề-tướng, áo vải làm nén đến thế là cùng, dẫu trọn đời tận tụy cũng chưa đủ đền ơn, song trăng có tròn khuyết, nước có đầy vời, người không có thế đời đá ở đời mãi được.... Hạ-thần nay hơi tàn thoai-thóp, mệnh ở sớm chiều, trước khi gần nhắm mắt xin có lời từ tạ quân-vương, và xin bầy tỏ mấy lời sau trước: «Hạ-thần suy tính độ số thi vận quốc-triều ta đã gần suy, vận nhà Lê đã đến hồi tái tạo, ý trời đã định, súc người khó tránh, song nhân-giả có thể hồi thiên ý, xin Bệ-hạ hết lòng tu nhân phát chính, lấy dân làm gốc, lấy nước làm trọng, trong sửa sang văn-trị, ngoài chuyên cần vũ-công, để giữ lấy cơ-nghiệp của các Tiên-dế, thì hạ-thần dẫu chết cũng được thoả lòng, vân vân...»

Vua Thuần-Phúc được biếu rất là cảm động, sai sứ về thăm bình và hỏi việc tương lai. Khi ấy Bỉnh-Khiêm đã gần tắt hơi, thấy sứ đến lại gượng bảo rằng: « Sứ về tâu vua, ngày sau có biến cõi gì, đất Cao-bằng dẫu nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng phúc được mấy đời nữa ». Nói xong thì mất, bấy giờ là ngày 28 tháng 11 năm Ất-dậu, thọ 95 tuổi, táng tại bãi làng Trung-am.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Đời thường ngờ Trạng-Trình làm tôi nhà Mạc, mà lại vì Trịnh, Nguyễn bầy mưu, hình như một người bất trung. Đó thực chưa xét rõ tâm tích của cõi-nhân vậy. Cụ Trạng-Trình là một nhà tinh lý-học, số vận đều biết trước, sao được mà chẳng bảo người chưa biết; cụ lại là một bậc đạo-đức, thấy sinh linh lầm than, sao được mà chẳng cứu dân. Vả trong khi đối với sứ-thần hai chúa, cụ chỉ là theo cái lý số tất nhiên, lấy ý từ mà bầy tỏ đó thôi; sao gọi là bầy mưu được. Đầu biết sự phải bảo ý là cụ bất-dắc-dĩ, chứ không phải là bất trung, xem như di biếu của cụ dâng Mạc-triều, thì tấm lòng trung nghĩa đến chết vẫn còn.

Quả nhiên nhà Mạc sau khi thất bại, nhờ được di ngôn của cụ mà di duyên được ngọt trăm năm nữa ở Cao-bằng, thì cụ thực là bậc Thành-nước ta vậy, ta là người sau xem việc đời trước, nên lấy ý hội, chờ nên khinh nghi cõi-nhân.

HỒI THÚ MƯỜI HAI

*Nhớ ơn thầy, học-trò tết mộ,
Thương tôi hiền, vua Mạc dựng bia.*

Khi Trạng Bỉnh-Khiêm mất, có những học-trò giỏi là bạn ông Phùng Khắc-Khoan, Lương Hữu-Khánh, Trương Thời-Cử, Đinh Thời-Trung và Nguyễn-Dư đều đến奠 tang.

Phùng Khắc-Khoan người làng Phùng-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây, đỗ Trạng-nghuyên triều Hậu-Lê, ta thường gọi là Trạng-Bùng. Khi Khắc-Khoan còn đang thụ nghiệp Bỉnh-Khiêm, trọ ở nhà bên cạnh, một đêm Bỉnh-Khiêm đến gõ cửa gọi bảo rằng: « Gà đã gáy rồi, trời đã gần sáng, sao không dậy, còn ngủ mãi ư! » Khắc-Khoan hiểu ý, đi vào Thanh-hoa theo giúp vua Lê, sau thành một bậc trung-hưng công-thần đời Hậu-Lê.

Trước khi Khắc-Khoan sắp sửa đi, vào hầu Bỉnh-Khiêm để thỉnh-giáo, Bỉnh-Khiêm không bảo gì cả, lúc trở ra, Bỉnh-Khiêm cuộn chiếu ném theo, (ý bảo Khắc-Khoan về giúp vua Lê đánh vua Mạc, khi đã đắc thắng nên thừa thế tràng khu như thế, cuộn chiếu vậy).

Lương Hữu-Khánh là con trai quan Bảng-nhẫn Lương Đắc-Bảng, khi quan Bảng yếu nặng, dặn Bỉnh-Khiêm phải trông coi, Bỉnh-Khiêm đem Hữu-Khánh về nuôi và dạy dỗ trả nghĩa thầy, sau Hữu-Khánh thi đỗ Tiến-sĩ triều Hậu-Lê, cũng lại là trung-hưng công-thần, đều là nhờ ơn Bỉnh-Khiêm tác-thành vậy.

Trương Thời-Cử và Đinh Thời-Trung cũng đều đỗ Tiến-sĩ đời Hậu-Lê.

Nguyễn-Dư ẩn-cư, không làm quan, có làm ra bộ sách « Truyện kỳ man lục 傳奇錄 ». Bỉnh-Khiêm lại có một người học-trò họ Bùi, quê ở làng Trung-hàng, huyện An-dương, bây giờ thuộc tỉnh Kiến-an rất thông hiểu việc quan-lại, Bỉnh-Khiêm thường bảo: « Anh ngày sau tất nhiên phát-đạt. »

Không ngờ Bùi-sinh đến năm ngoại 50 tuổi mà chưa làm nên sự nghiệp gì. Thường nói vụng với các học-trò rằng: « Thầy ta vốn minh đạt tiên-tri, nhưng cũng có việc nói không trùng, nghiệm như việc ta thì đủ biết ».

Bỉnh-Khiêm nghe thấy cười thầm mà không nói nồng gì.

Một hôm cho gọi Bùi-sinh đến bảo rằng: « Vận đạt của anh đã tới, anh cứ mượn lấy 10 chiếc thuyền, chực sẵn ngoài cửa bể Vạn-ninh, đến ngày giờ ấy gặp vật gì chôi thì cứ vớt mà đem về, đó là tiền trình phát đạt của anh dó ». Bùi-sinh vâng lời nhưng trong bụng vẫn không tin.

Đúng kỳ hẹn, quả nhiên thấy có vật chôi ở giữa giòng, Bùi-sinh đem thuyền đón vớt, thì là một bà lão tóc bạc phơ-phơ, mặc đồ mảnh-phụ, bám vào một khúc gỗ, quần áo ướt-át, chừng mới bị chôi đắm chưa bao lâu. Bên đem về nhà nuôi, phụng dưỡng như mẹ già vậy.

Được mấy hôm, quan Tông-dốc Quang-đóng sai sứ đem thư nói với triều-dịnh ta rằng: « Bên Trung-hoa có Thái Phu-nhân di chơi bể, bị đắm thuyền, xem tình tượng giật về phương Nam, xin Nam-riều vì tình lân-bang ra lệnh tìm giúp, ai tìm được xin hậu tạ ». Nhà vua được thư, yết bảng cho dân-gian duyên hải đều biết.

Bùi-sinh xem bảng, lập tức đem bà lão vào triều, sứ Tâu cả mừng, đưa rất nhiều vàng bạc gấm vóc tạ ơn, lại xin nhà vua phong quan tước cho Bùi-sinh.

Sau Bùi-sinh làm đến Thượng-thư Thao-quận-công, phú-quí vinh-hoa y như lời Bỉnh-Khiêm nói.

Khi ấy các học-trò đã nhiều người thành đạt, được tin thầy tạ thế, ai cũng động lòng cảm thương, xa gần lớn nhỏ đều về hộ tang, cùng nhau tôn Bỉnh-Khiêm làm Tuyết-giang phủ-tử, giết trâu tế mộ, Đinh Thời-Trung soạn văn-tế, đại lược như sau này:

嗚呼嶺頭雲暗前宮之草木改觀
Ô hô, lindh đầu vân ám, tiền cung chi thảo mộc cải quan;

靡水波澄吾道之淵源如故
Am thủy ba chừng, ngô đạo chi uyên nguyên như cũ.

靜思細密之絲毫景仰雍容之
Tinh tư tết mệt chi ti hảo; Cảnh ngưỡng ung dung chi

術 輔 緯 惟 先 生 東 海 鍾 英 南
 côn phủ. Diển duy tiên-sinh: Đông hải trung anh; Nam
 山毓秀聰明耳目洪鈞賦予不
 sơn dực tú. Thông minh nhì mục, hồng quân phú dũ bất
 爲貪廣闊胸襟大道蘊藏原
 vi bần; Quang khoát hung khâm đại đạo uẩn tàng nguyên
 自富萬言遍誦學力冠歐蘇七步
 tự phú. Vạn ngôn biến tung; học lực quán Âu, Tô; Thất bộ
 成章詩才兼李杜亦造其極於
 thành chương, thi tài kiêm Lý, Đỗ. Diệc thảo kỳ cực ư
 正大光明不苟其藝於詞章
 chinh đại quang minh, bất cầu kỳ nghệ ư từ chương
 訓詁義究詩書六籍撐船窮
 huấn hổ, Nghĩa cùu thi thư lục tịch, xanh thuyền cùng
 朱子之津涯理明太乙一經燃
 Chu-tử chi tân nhai; Lý minh Thái-át nhất kinh, nhiên
 黎照楊雄之臘脯經天緯地
 Lê chiếu Dương-hùng chi tạng phủ. Kinh thiên vĩ địa,
 周家宰心思藏徃知來邵堯夫
 Chu chủng-tê tâm tư; Tàng vâng tri lai, Thiệu Nghiêu-Phu
 門戶道之儲滿腹經綸文之用
 môn hộ, đạo chi trữ mản phúc kinh luân; Văn chi dụng
 淨身錦繡蟹聲名於周雍魯泮
 hồn thân cầm tú. Phi thanh danh ư Chu ung Lỗ phán,
 心雄驥足長途奪高標於唐
 tâm hùng kỵ túc trường đờ; Đoạt cao tiêu ư Đường
 榜宋科志銳錦衣白晝章成
 bảng Tống khoa, chí nhuệ cầm y bạch trú. Chương thành
 未盡燭條三榜出已呈雲色五
 vị tận trúc diều tam; Bảng xuất dì trình vân sắc ngũ.
 級先跨於禹門之浪五場士子總
 cấp tiên khoa ư. Vũ môn chi lăng, ngũ trường sỹ-tử tổng

知名譽示勝於理學之笙兩國
 tri danh; Dụ vinh dâng ư lý học chi thuyên, lưỡng quốc
 英雄無對手出乎其類如鳥之鳳
 anh hùng vô đối tbù. Xuất hò kỳ loại, như điêu chi phượng
 凰獸之麒麟煥乎有文在地之
 hoàng, thú chi kỳ-lân; Hoán hò hưu văn, tại địa chi
 山川在天之星宿體無不周用
 sơn xuyên, tại thiên chi tinh tú. Thè vô bát chu; Dụng
 無不具聖人之統自先生而傳
 vô bát cụ, thánh nhân chi thống, tự tiên-sinh nhi truyền;
 聖人之域惟先生而做想已粹
 Thánh nhân chi vực, duy tiên-sinh nhi tő. Tưởng dì túy
 手其道門已通鄒魯宮牆胡然
 hò kỳ đạo, môn dì thông Châu Lỗ cung tường; Hò nhiên
 天也不辰世豈乏唐虞宇宙孟
 thiên dà bát thời, thê khởi pháp Đường, Ngu vû trụ. Mạnh
 大賢生於戰國干戈顏亞聖生
 đại hiền sinh ư Chiến-quốc can qua; Nhan á thánh sinh
 於春秋風雨諸葛不生於炎漢盛
 ư Xuân-thu phong vũ. Gia-Cát bát sinh ư Viêm-hán thịnh
 屬許子都值其強元夷虜事非
 thời; Húra-tử khước trị kỳ cường Nguyên di lõ. Sự phi
 褒已先生得不從權天寔爲
 hoạch dĩ, tiên sinh đắc bát tòng quyền; Thiên thực vi
 之先生自聽其受尺尋自己周知
 chi, tiên-sinh tự thỉnh kỳ thụ. Sích tần tự kỷ chu tri;
 輕重于心權度桀終于暴肯
 khinh trọng vu tâm quyền độ. Kiệt chung vu bạo, khẳng
 留五就之車梁不可行卽卷三
 lưu ngũ tựu chi xa; Lương bát khả hành, túc quyền tam
 來之袖何事非君何樂非道一兼
 lai chi tụ. Hà sự phi quân, hà lạc phi đạo, nhất kiêm

之任之清亦獲於己亦樂於人
chi nhậm chi thanh; Diệc hoạch ư kỷ, diệc lạc ư nhân,
兩得其名其壽節惟堅不墜丹
lưỡng đắc kỳ, danh kỳ thọ. Tiết duy kiên bất truy đan
心志益壯寧知白首容與喬彭
tâm; Chi ích tráng ninh tri bạch thủ. Dung dự Kiều, Bành
歲月正垂周袞於東郊卷懷
tuế nguyệt, chính thùy Chu cồn ư Đông-giao; Quyền hoài
堯舜君民誰促魯麟於西狩嗟
Nghiêu, Thuần quán dân, thùy súc Lỗ lân ư Tây thú. Ta
辰運之不齊悵盈虛之有數武侯
thời vận chi bất tè; Trương doanh hư chi hữu số. Vũ-hầu
星隕伯圖難望續劉夫子鳳衰
tinh vắn, bá đồ nan vọng tục Lưu; Phu-tử phượng suy,
王道誰將變魯感先生者山
vương đạo thùy tương biến Lỗ. Cảm tiên-sinh giả sơn
河皆變色水含血淚渡波思先生
hà gai biển sắc, thủy hàm huyết lê ba ba; Tư tiên-sinh
者虫蟻亦傷心蜘蛛結愁絲縷縷
giả trùng nghì diệc thương tâm, thù kêt sầu ti lù lù.
已矣哉雲煙冷淡山上閒祠花
Dì hì tai! vân yên lạnh đạm, sơn thượng nhàn từ; Hoa
草參差村頭敝宇一畧市之日期
thảo sâm si, thôn đầu tệ vū. Nhất phiên thị chí nhật kỳ
依舊市上行人喧鬧慨先生
y cựu, thi thượng hành nhân huyên náo, khái tiên-sinh
之音響已不可聞一佛寺之基址
chi âm hưởng, dī bất khả văn; Nhất phật tự chí cơ chỉ
如新寺中遺像莊嚴謝先生
như tân, tự trung di tượng trang nghiêm, nhạ tiên-sinh
之容儀如有所覩石碑先生所
chi dung nghi, như hưu sở đồ. Thạch bi tiên-sinh sở

謂也慕先生而卽求其跡則字痕
 chép giā, mộ tiēn-sinh nhi túc cǎu kỵ tích, tǎc tự ngân
 深淺苔蔓石面一殘碑榕樹
 thâm thiền, dài man thạch diện nhát tàn bi; Dung thụ
 先生所種也慕先生而欲求其
 tiēn-sinh sở chủng giā, mộ tiēn-sinh nhi dục cǎu kỵ
 真則條葉蕭疏雪浸枝頭單老
 chén, tǎc diều diệp tiêu sơ, tuyết tầm chi đầu đan lão
 樹寒江乃先生所居也望先生
 thụ. Hán-giang nài tiēn-sinh sở cư giā, vọng tiēn-sinh
 於江之表者只見江之波江之
 ư giang chi biếu giả, chỉ kiến giang chi ba giang chi
 潮白雲乃先生自名也望先生
 chào; Bạch vân nài tiēn-sinh tự danh giā, vọng tiēn-sinh
 於雲之上者只見雲之散雲之聚
 ư vân chi thượng giả, chỉ kiến vân chi tán vân chi tụ.
 然而豈惟雲哉先生其秋陽
 Nhiên nhi khởi duy vân tai, tiēn-sinh kỵ thu-dương,
 豈惟江哉先生其江漢先生
 khởi duy giang tai, tiēn-sinh kỵ giang-hán, tiēn-sinh
 之名常自在卽秋陽之長照
 chi danh thường tự tại, túc thu-dương chi trường chiếu,
 江漢之長流豈惟樹哉先生
 giang hán chi trường lưu; Khởi duy thụ tai, tiēn-sinh
 其林藪豈惟石哉先生其泰山
 kỵ lâm tâu, khởi duy thạch tai, tiēn-sinh kỵ thái-sơn,
 先生之道宛然存卽林藪之常
 tiēn-sinh chi đạo uyễn nhiên tồn, túc lâm tâu chi thường
 聚泰山之常固想此日大村
 vịnh, thái-sơn chi thường cố. Trường thử nhật đại thôn
 雾暗分半辰空副有天第今
 vân ám, phân bán thời không phó hữu thiên; Đệ kim

朝 木 本 水 源 動 念 處 無 能 圓
 chiêu mộc bản thủy nguyên, động niệm sú vô nǎng hòi
 首 謹 告
 thủ. Cẩn cốc.

DỊCH NÔM LÀ :

Than ôi!

*Mây mù đĩnh núi,
 Cỏ cây viròn cũ phai mầu ;
 Nữ róc lặng mặt ao,
 Nguồn gốc đạo ta nhì cũ.
 Lặng nhớ ti hào ;
 Ngửa trông cõn phủ.
 Kinh nhớ tiên-sinh :
 Bề Đông-hải chung anh ;
 Núi Nam-sơn dục tú,
 Mắt tai xuốt sáng,
 Trời xanh phú giữ vẫn không nghèo ;
 Bụng dạ mờ-mang,
 Đạo lớn uần tàng nguyên săn có.
 Muôn thiên đọc khắp,
 Học tài chẳng kém Âu, Tô ;
 Bầy bước nên thơ ;
 Văn lực không nhường Lý, Đỗ.
 Đạo dã nền chính-dại quang-minh ;
 Nghèo chẳng những từ-chương huấn-hỗ.
 Sáu bộ Thi, Thư xuốt nghĩa,
 Bơi thuyền đến bến thày Chu ;
 Một kinh Thái-ất thuộc lòng,
 Đốt lửa soi gan Dương-tử.
 Ngang trời, đọc đất,
 Cũng lòng Chu-tể tâm tư ;
 Suy trước biết sau,
 Học lối Nghiêu-phu môn hộ.
 Đạo chira chan một bụng kinh luân ;
 Văn tó diêm xuốt mình cầm tú.
 Thành giá nức tràng Ung cung Phán,*

Đường dài vỏ kỵ ruồi-rong ;

*Công-danh tranh khoa Tống bảng Đường,
Ao gầm ban ngày rực-rỡ.*

*Duốc ngọc chưa tàn ba ngọn,
Văn đã viết xong,*

*Bảng vàng rồng mờ năm mây :
Tên đã treo đó.*

*Ba dọt Vũ-môn bay nhảy,
Năm trường sỹ-tử cũng tri danh ;*

*Một mình lý học tinh thông,
Hai nước anh hùng không đối thủ.*

*Văn chương rực-rỡ,
Như núi sông ở dưới đất, ngôi sao ở trên trời ;*

*Phẩm loại tốt vời,
Như phượng-hoàng trong loài chim, kỳ-lân trong
giống thú.*

*Thê không gì là chẳng chu ;
Dụng không gì là chẳng đủ.*

*Đạo thông Thánh-nhân, tự tiên-sinh mà truyền ra ;
Bờ cõi Thánh-nhân, duy tiên-sinh là thấu đáo.*

*Những tưởng đạo ngày càng sáng,
Cửa đã thông Châu, Lỗ cung-tưởng ;*

*Hay đâu sinh chẳng gấp thời,
Dùi nào phải Đường Ngu vũ-trụ.*

*Mạnh dại-hiền gấp buỗi Chiển-quốc can qua ;
Nhân á-thánh sinh thời Xuân-thu phong vũ.
Sự bất đặc đĩ, tiên-sinh cũng phải lòng quyền ;
Trời thực sui nén, tiên-sinh há không thịnh thu.*

*Thước tầm đo đắn,
Sự đã phân minh ;*

*Nặng nhẹ cân lường,
Lẽ thường lở rõ.*

Chúa Kiết vẫn là kẻ bạo,
 Gác xe chẳng ngại năm lần;
 Nước Lương không có thể làm,
 Cuốn áo đã chừng ba đợ.
 Thờ ai chả là vua, vui gì chả là đạo.
 Một mình vừa nhiệm, vừa thanh;
 Đã có ích cho mình, cũng có lợi cho người.
 Đôi bè được danh, được thọ.
 Tiết bỉn vẫn giữ tấm dan trung;
 Chỉ vũng chẳng đợi khi bạch thủ.
 Ngày tháng Kiều, Bành còn rộng rãi,
 Áo nhà Chu còn rủ chốn đồng giao,
 Quân dân Nghiêu, Thuấn vẫn mong nhở,
 Lân nước Lỗ đã gặp ngày tây thú.
 Thương thay thời vận không lường;
 Ngán nỗi đầy voi có số.
 Ông Vũ-Hầu đến kỳ tình lạc,
 Còn mong gì nghiệp Bá nồi nhà Lưu,
 Đức Phu-tử lời lúc phượng suy,
 Không có thể đạo Vương phù nước Lỗ.
 Cảm tiên-sinh núi sông đều biến sắc,
 Nước chiều màn-mát đòi phen.
 Nhớ tiên-sinh sâu kiến cũng đau lòng,
 Tơ nhện vẫn vương khôn gỡ.
 Đến trên non lạnh lẽo khói mây;
 Nhà đầu xóm ủ ê hoa cỏ.
 Chợ nọ kỳ phiên vẫn họp,
 Khách buồn huyền-náo, mà tiên-sinh âm hưởng vẫn
 không;
 chùa kia cơ-chỉ vẫn còn,
 Toà phật trang nghiêm, tưởng tiên-sinh dung nghi
 còn đó.
 Bia đá của tiên-sinh dựng,
 Nhớ tiên-sinh muốn lim dusk cũ, thì nét chữ mờ mịt,
 rệu chen mặt đá, đã thành ra một chiếc tàn bi;
 Cây đa của tiên-sinh trồng,

Nhờ tiên-sinh muôn ngắm cảnh xưa, thì cảnh lá lơ-thor, tuyết đủ dầu cây, đã hoá hồn một chòm cõi thụ.

Hàn-giang là chỗ tiên-sinh ở,
Trong tiên-sinh ở trên sông ấy, chỉ thấy khi nước xuồng khi nước lên;

Bạch-vân là chỗ tiên-sinh chơi,
Trong tiên-sinh ở trên mây kia, chỉ thấy đám mây tan, đám mây tụ.

Nhưng tiên-sinh há nhũng như mây, tiên-sinh là bóng thu-duong, tiên-sinh há nhũng như sông, tiên-sinh là sông Giang-hán,
Tiếng tiên-sinh không bao giờ mất, tức là bóng thu-duong sáng mãi, nước Giang-hán chảy tràn;

Mà tiên-sinh há nhũng như cây, tiên-sinh là khu rừng lớn, tiên-sinh há nhũng như đá, tiên-sinh là núi Thái-sơn,

Đạo tiên-sinh muôn thuở vẫn còn, tức là khu rừng lớn tốt tươi, núi Thái-sơn vững cố.

Tưởng ngày đó bóng mây vàng núi,
Đau lòng thay là lúc chia phôi;

Nghĩ buổi nay nguồn nước gốc cây,
Ngảnh mặt lại càng thêm cảm mộ.

Cáo cốc!

Tế xong, ai nấy đều khóc-lóc rất thảm-thiết. Khi ấy vua Thuần-Phúc nhà Mạc cũng sai Khiêm-vương làm Khiêm-sai đem bách quan về dụ-lễ, truy phong Bình-Khiêm làm Thái-phó Trình-quốc-công (bởi thế ta thường gọi là Trạng-Trình); Chính-thất ngài là Dương-thị (quê ở Hù-giang, con gái quan Thị-lang Dương Đức-Lan) trắc thiết là Nguyên-thị, đều phong làm Nhất-phẩm Phu-nhân; Con trai trưởng là Hàn-giang sứ-sĩ, được ấm thụ Trung-trinh Đại-phu, sau làm đến chức Hiển-phó, bốn con thứ có quân-công đều được phong tước Hầu.

Nguyễn Bỉnh-Khiêm mất rồi, vua Thuần-Phúc thương tiếc vô cùng, tháng giêng năm sau (1587) vua phát cho sở-tại ba nghìn quan tiền lập đền thờ và cấp một trăm mẫu lụy-diền. Đền ấy làm ngay tại trước cửa dinh ngài, vua thân ché văn bia, đề-là: «*Mạc triều Trạng-nguyễn Tề-tướng từ 墓朝狀元宰相祠*», năm nào cũng có sai quan về chi tế. (đến năm đầu hiệu Vĩnh-Hựu đời Hậu-Lê (1735) người làng lại tu bồ đẹp hơn trước, cứ xuân, thu hai kỳ cả tồng đến tế. Có văn bia của Ôn-dinh-hầu soạn từ đời Lê Cảnh-Ilung thứ năm (1745) dựng ở phía bên đông đền, đến nay vẫn còn).

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Đọc bài văn-tế của ông Bình-Thời-Trung, thì cụ Trạng-Trinh thực là hực Gia-Cát-Khổng-Minh nước Nam ta, chàng những học-trò nhở nghĩa, nhà nước ghi công, trong một lúc bấy giờ, mà đến đời sau cũng vẫn nên kỷ-niệm. Thè mà ngày nay quốc-dân ta đối với ngày hai mươi tám tháng mười một, trừ ra mấy làng sở-tại, còn khắp nước không ai biếu chút cảm tình gì đến, chả đáng tiếc ru! mong rằng quốc-dân ta đến ngày ấy cũng nên mở hội kỷ-niệm.

HỒI THÚ MUỜI BA

*Sấm ông Trịnh linh thông mọi việc,
Thơ Bạch-vân truyền tụng đời sau.*

Trạng-Trinh rất tinh lý số, phàm sự thuộc về nguyên, hội, khí, vận, đều trước trăm đời cũng đều suy tính được, hiện có các lời sấm ký người ta truyền tụng, không lời nào sai. Các việc thường-thường cũng đều có sấm-văn, mà cũng đều linh-nghiệm, đại khái như những việc này :

1. — Trong năm Minh-mịnh Bản-triều thứ 14 (1833) ở Hải-dương có giặc, tự xưng là con cháu Trạng-Trinh. Nhân bấy giờ có câu sấm rằng : « Gia-Long nhị đại, Vĩnh-lại vi vương 嘉隆二代永賴爲王 ». Nghĩa là : Đời thứ hai Gia-Long, người ở Vĩnh-lại làm vua. Vĩnh-lại tức là huyện Trạng-Trinh, Triều-đình chiếu cho quan Tổng-dốc Hải-dương là ông Nguyễn Công-Trứ về làng Trung-am khám xét và hủy dền thờ Trạng-Trinh ở nền cũ Bạch-vân, ông Trứ phụng mệnh đem quân đến phá dền, thấy có bia dựng trước cửa đền khắc mấy chữ rằng : « Hủy ngũ từ giả bất đắc dự ư tư văn 謕我祠者不得預於斯文 » Nghĩa là : Phá dền thờ của ta ấy, không được dự vào hàng tư-văn. Ông Trứ cũng coi là thường, cứ sai quân vào phá. Khi giỗ đến thường lương dền chính, lại thấy có mấy chữ khắc rằng : « Minh-mịnh thập tứ, thăng Trứ phá dền, phá dền thì lại làm dền, nào ai cướp nước tranh quyền gì ai ». Ông Trứ có ý sợ, truyền quân thôi không phá nữa, rồi về kinh tâu vua Thánh-tông xin làm trả dền. Sau bắt được tên giặc ấy, tra ra quả không phải là con cháu Trạng-Trinh, còn câu sấm « Vĩnh-lại vi vương » thì chưa rõ ứng vào việc gì.

2. — Mộ Trạng-Trinh táng ở làng Trung-am, bên mộ có bia đá khắc mấy chữ rằng : « Bố con thăng Khả, đánh ngũ bia tao, phạt cõi tiền tam quản », dân làng bấy giờ đều không hiểu ý, sau lâu ngày cát bồi lấp bia không

còn trông thấy chữ, đến đời Thiệu-trị có hai bồ con người đánh chuột tên là Khủ, đào đất bắt chuột đánh-dò bia, dân làng đến xem thấy chữ khắc rành-rành, đều kinh phục, bèn bắt phạt bồ con tên Khả ba quan tiền, và bắt phải dựng bia lại y như cũ. Nhưng nó chỉ có quan tâm, thì chữ tam quán nói lái là quan tâm, dân phải nhận vậy.

3. — Trạng-Trinh làm một ngôi mộ bình-dương, đào hai huyệt, huyệt bên tả chôn tiều có cốt, huyệt bên hữu đè tiều không, cũng không đắp nấm. Trong năm Thiệu-trị thứ tư (1844), có thầy địa-lý chính-tông bên Tầu sang làm đất, xem đến ngôi đất ấy muốn đè, có người nói đã có ngôi mộ của cụ Trạng-Trinh đè ở bên tả. Thầy địa cười mà rằng: «Nghe nói Trạng-Trinh thánh địa-lý, mà điểm huyệt còn lầm...» Rồi chở vào huyệt bên hữu mà rằng: «Huyệt này không đè, lại đè huyệt kia, thực là không có mắt!» Bên bảo nhà chủ khai huyệt bên hữu, đào được mấy thước, thấy có tiều, mở ra xem thì không thấy cốt, chỉ thấy một viên gạch có khắc mấy chữ rằng: «Thứ địa tam bách niên tiền, mạch hành vu tả, tam bách niên hậu, mạch hành vu hữu, hà vị thánh nhân vô mục 此地三百年前脉行于左三百年後脉行于右何謂聖人無目». Nghĩa là: Đất này 300 năm trước, mạch kết bên tả, 300 năm sau mạch kết bên hữu, sao bảo thánh nhân không mắt. Thầy địa cả sợ nói: «Thế thời thật là thánh».

4. — Trạng-Trinh tính đến đời thứ bảy thì con cháu sa-sút, khi sắp lâm chung có viết một bức thư để vào trong ống tre dày nắp kín, dặn con cháu đến đời thứ bảy, giờ ấy, ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, sẽ đem trinh quan Huyện sở-tại, không được mở ra xem. Con cháu vâng lời, đến cháu bảy đời, nhăm đúng năm, tháng, ngày, giờ đem ống di-thư lên trinh quan. Quan Huyện đang nằm trong tư-thất, nghe nói có di-thư của cụ Trạng-Trinh, vội vàng ra tiếp. Vừa ra khỏi thi cá sà nhà dơi vào chính giữa chỗ nằm! Quan Huyện lấy làm may quá.

Khi tiếp thư mở ra đọc, chỉ thấy có mấy chữ rằng: « Ngã cứu nhĩ thương lương chi ách, nhĩ cứu ngã thất thế chi bần 我 救爾上樑之厄爾救我七世之貧 ». Nghĩa là: Ta cứu người cái ách sà dơi, người nên cứu cháu bầy đời của ta. Quan Huyện cảm phục vô cùng, từ đấy chu cấp cho người cháu thứ bầy đời của Trạng-Trinh rất là tử-tế.

Trạng-Trinh là bậc lý-học kiêm văn-học, sinh gặp buổi nam bắc giao tranh, binh dao độn-dịp, lo thời thương tục, hình ra văn thơ, xuất khẩu thành chương, tự nhiên mà không điêu-trác, cũng thường không cứ luật, giản mà đủ ý, nhạt mà có vị, ai xem cũng dễ hiểu. Trạng-Trinh có soạn bộ « Bạch-vân thi-tập » có đến hơn 1000 bài, tiếc rằng sách đó lâu ngày thất-lạc, đến nay khẩu truyền không còn được mấy, đây xin sao lục mấy bài quốc-âm (!).

I

Vụng khéo nào ai cũng có thi,
Khó khăn phải lụy đến thê-nhi,
Được thời thân-thích chen chân lại,
Thất thế hương-lư ngảnh mặt đi.
Thót có tanh-tao ruồi mới tới,
Gang không mật mõi kiến bò chi,
Đời này những trọng người nhiều của,
Răng đến tay không ai kẻ vì.

II

Giầu, khó, hèn, hay chǐn phận mình,
Mấy đường gai-góc biếng đua tranh.
Com ăn chẳng quản mùi sa, bạc,
Áo mặc nè chi tắm rách, lành,
Ôm gối mong nhiều người ăn-dật,
Bạn lòng lại tưởng cái công danh,
Cho nên nắn-ná trong lều cỏ,
Hóng mát ngồi xem buổi thái bình.

(1) Mấy bài thơ này là theo bản sao của Đông-giữ lưu-lâu, không khỏi có lầm-lẫn, nhưng cũng không dám tự ý đổi, xin cứ chép theo nguyên cảo để kính-chất, cùng đọc giả.

III

*Dừng-dừng mọi sự gác bên ngoài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai,
Mùi trải thế-gian nhiều mặn nhạt,
Đường qua danh lợi lầm chóng gai,
Mấy người phú quý hay yên phận,
Hết kẻ anh-hùng những cây tài,
Dù thấy hậu sinh thời dễ sợ,
Sững kia chẳng mọc, mọc bên tai.*

IV

*Đạo đức hiền hay mến khó-khăn,
Quyền mòn chốn ấy biếng chen chân,
Hứng thừa phong nguyệt chè ba chén,
Thú săn thanh nhàn rì rò mây tuần,
Quét sạch cửa nho chờ khách đến,
Vun trồng cây đức để con ăn,
Được thua phú quý đều thiên mệnh,
Chen chúc làm chi cho nhọc-nhăn.*

V

*Mảng chê người ngắn cây ta dài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai;
Mùi nồng có bùi không có ngọt,
Thức kia càng thăm lại càng phai,
Dù hay phản sóm nên yên phận,
Dẫu có tài hơn chờ cây tài,
Quân-tử gãm hay nơi xuất xứ,
Hắn là hơn hết cả hoà hai.*

Khi Trạng-Trinh làm quan ở kinh, các Công-tử ở nhà ham chơi không chịu học, Trạng gửi thư quở trách rằng:

父 在 不 遠 遊 惟 疾 父 之 憂 聖 賢 所
Phụ tại bất viễn giu, duy tật phụ chí ưu, thánh hiền sở
垂 訓 斯 言 豈 我 誣 尔 既 生 爲 人
thùy huấn, tư ngôn khởi ngã vu, nhì ký sinh vi nhân,

胡不業爲儒 芥羽事圖鷄 金鈴走韓
 hò bát nghiệp vi nho, giới vú sự đấu kê, kim linh tầu hàn
 留夜覓錢樹兒晨鑿花街撻師友
 lư, dã mịch tiền thụ nhí, thản kích hoa nhai cầu, sú hưu
 不親炙詩書友憇警生子既如此
 bát thân trá, thi thư phản khau thù, sinh tử ký như thử,
 於我復何求且進一杯酒聊寫萬古愁
 ư ngã phục hà cầu, thả tiễn nhất bô tửu, liêu tả vạn cõi sầu.

DIỄN NÔM LÀ :

*Cha còn không chơi xa,
 Con yêu lo cho cha;
 Lời Thành, Hiền dạy lại,
 Thực là không dối ta;
 Mày đã sinh làm người,
 Sao chẳng lo nghiệp nhà;
 Đã thích trò đuổi chó,
 Lại ham cuộc chơi gà;
 Ngày chơi nghè nhảy đá,
 Tối tìm thú trăng hoa;
 Thay bạn không chịu gần,
 Sách vở coi như là....
 Sinh phải con như thế,
 Mong cậy gì lúc già!
 Âu là mượn chén rượu,
 Tả bót nỗi lo xa.*

Bên nhà Trạng-Trinh có một cây thông to, khi Trạng Trinh về hưu, thường bàn-hoàn dưới gốc cây chơi mát, có vịnh một bài thơ rằng :

長松十丈昂且聳
 Tràng tùng thập trượng ngang thả tung,
 礦磊不與百卉共
 Khối lôi bất giữ bách hùy cộng,
 明堂制度方一新
 Minh đường chế độ phuơng nhất tân,

左 擋 右 柱 充 樑 棟
 Tả xanh hữu trụ sung lương đồng,
 若 言 醫 國 與 醫 民
 Nhược ngôn y quốc giữ y dân,
 神 荸 琥 珀 備 藥 瓢
 Thần linh hồ phách bị dược lồng,
 老 菜 部 伴 雙 鶴 棲
 Lão lai khước bạn song hạc thê,
 少 辰 曾 記 三 公 夢
 Thiếu thời tảng ký tam công mộng.
 自 娛 泉 石 風 獨 高
 Tự ngụ tuyễn thạch phong độc cao,
 長 傲 雪 霜 色 不 動
 Trường ngạo tuyết sương sắc bất động,
 用 之 則 行 舍 則 藏
 Dụng chi tắc hành xả tắc tàng,
 誰 云 材 大 難 爲 用
 Thùy vân tài đại nan vi dụng.

DIỄN NÔM LÀ:

*Thông kia chót vót cao trãi mэр thước,
 Ngay thẳng chẳng giống các cây khác;
 Kiểu mẫu minh-dường khi đổi thay,
 Cột dọc sà ngang tài chống vác.
 Về phần bồ đường cho quốc dân:
 Hồ phách; Thần-linh đủ tình dược;
 Thuở trẻ còn nhó mộng tam-công;
 Khi già vui cùng bạn song-hạc.
 Sắc tốt không nhuốm vẻ tuyết sương,
 Thới cao chỉ thích miền non nước.
 Dùng đến thì làm bồ thì thôi,
 Ai bảo đại-tài không dụng dược!*

Khoảng năm Cánh-Lịch, vua Mạc thân chinh Trịnh-Tùng, Trạng-Trình bấy giờ đã ngoại 60 tuổi, đi tòng chinh, có ngâm một bài thơ rằng:

指期誓復舊山河
Chỉ kỳ thệ phục cựu sơn hà,
慷慨登舟發浩歌
Kháng-khai dǎng chu phát hiếu ca.

棹擺水紋堆白雪
Trạo bāi thủy văn đọi bạch tuyết,
帆移月影颶寒波
Phàm di nguyệt ánh xúc hàn ba;
孤忠對越乾坤老
Cô trung đối việt kiền khôn lão,
四顧微茫草樹多
Tứ cõi vi mang thảo thụ đa;
冀得賊奴平定了
Ký đặc tặc nô bình định liễu,
重尋津館侶魚蝦
Trùng tìm tân-quán lữ ngư hà.

DIỄN NÔM LÀ :

*Quyết chí thu hồi lấy núi sông,
Ngâm câu hăng hái xuống thuyền băng ;
Trèo xưa ngọn nước giòn xương trắng,
Buồm đầy vùng trăng lượn sóng trong ;
Trung nghĩa một lòng trời đất rộng,
Nước non bốn mặt cỏ cây lồng ;
Chờ khi giặc-giã yên đâu đấy,
Tôm cá ao ta lại bạn cùng.*

Học-trò Trạng-Trình là Thạch Quận-công (Nguyễn-Quyện) trước đã đi theo Lê, Trạng-Trình dù về hàng

Mạc, sau có ý chán lại muốn đi. Trạng-Trình biết ý
muốn lưu lại, bèn đưa một bài thơ rằng:

道 非 身 外 堪 難 尋
Đạo phi thân ngoại khởi nan tìm,
况 又 相 期 意 氣 深
Huống hựu tương kỳ ý khí thâm;
君 父 綱 常 千 古 在
Quân phụ cương thường thiên cổ tại.
孝 忠 誓 不 負 初 心
Hiếu trung thệ bất phụ sơ tâm.

DIỄN NÔM LÀ:

*Đạo ở mình ta có khó gì,
Phương chi chí khi đã tương kỳ;
Nghìn năm quân phụ cương thường đó,
Trung hiếu một lòng chờ truyền di.*

Trạng-Trình có một ông bạn người làng Cao-xá, làm
quan Phủ-tá ở Khoái-châu, tương biệt đã lâu năm, Trạng-
Trình gửi một bài thơ rằng:

相 逢 亂 後 老 相 催
Tương phùng loạn hậu lão tương thời,
繼 繼 離 情 酒 數 杯
Khiền luyến ly tình tửu sò bối;
夜 靜 雲 庵 誰 是 伴
Đêm tĩnh vân am thùy thị bạn,
一 憂 明 月 照 寒 梅
Nhát song minh nguyệt chiếu hàn mai.

DIỄN NÔM LÀ:

*Sau khi loạn gặp đã già rồi,
Áy-nay tình xa rót chén mồi;
Bên vắng am thanh ai bạn đó?
Chùm mai trước cửa bóng trăng soi.*

Trong khi Trạng-Trình dưỡng nhàn tại Bạch-vân-am, có ngâm những bài này:

NGỤ HỨNG (寓 興)

突 兀 門 前 十 二 峯

Đột ngột mòn tiền thập nhị phong,

烟 花 敗 却 露 秋 容

Yên hoa liễm khuốc lộ thu dung;

倚 樓 一 望 知 山 意

Ỷ lâu nhất vọng tri san ý,

辰 送 青 來 千 萬 重

Thời tống thanh lai thiên vạn trùng.

DIỄN NÔM LÀ:

Trước cửa, mươi hai ngọn núi chõng,

Yên hoa giầu-giãi vẻ thu dung;

Tựa lầu trông núi hay cho núi,

Lấp-loáng mẫu xanh mây vạn trùng.

THU TỰ (秋 思)

昨 夜 金 風 一 隣 吹

Tạc giá kim phong nhất trận suy,

閒 亭 兀 坐 動 秋 思

Nhàn đình ngột toạ động thu ti;

雲 邊 雁 過 渾 無 數

Vân biên nhạn quá hồn vô số,

天 上 月 明 應 有 期

Thiên thượng nguyệt minh ưng hữu kỳ;

光 景 逐 人 年 似 矢

Quang cảnh trực nhân niên tự thi;

危 辰 憂 國 髮 成 絲

Nguy thời ưu quốc mǎn thành ty;

田 園 自 笑 歸 來 晚

Điền viễn tự tiếu qui lai vân,

松 菊 猶 存 是 故 知

Tùng cúc do tồn thị cõ tri.

DIỄN NÔM LÀ :

*Hiu-hắt đêm qua trận gió vàng,
Ngồi buồn như gọi tấm lòng thương;
Sáng soi mặt đất trăng bao dô,
Bay liêng bên mây nhạn mấy hàng;
Cánh giục, tuổi trời nhanh tựa đạn,
Lòng lo, mái tóc bạc như sương;
Cười mình vườn cũ quay về muộn,
Tùng cúc còn đây cảnh cố hương.*

NGÂU THÀNH (偶成)

竭誠誓欲報君王

Kiệt thành thệ dục báo quân vương.

誓許馳驅効寸長

Tạm hứa trì khu hiệu thốn trường;

肯作桔槔隨世態

Khẳng tác cát cao tùy thế thái,

休誇鉛粉鬪辰粧

Hưu khoa duyên phấn đấu thời trang;

一園春老嬌花醉

Nhất viên xuân lão kiều hoa túy,

三徑秋高晚菊香

Tam kính thu cao vân cúc hương;

爲報流鶯應歎舌

Vì báo lưu oanh ưng liễm thiệt,

莫穿好樹弄笙簧

Mạc xuyễn hảo thụ lộng sinh hoàng.

DIỄN NÔM LÀ :

*Hết lòng thè báo nghĩa quân-vương,
Rong-ruồi từng cho được hiệu trường;
Gần cuối không thèm theo thế-thái,
Phản son thói chẳng học thời trang:
Một vườn xuân tối hoa say nhị,
Ba lối thu về cúc lưng hương;
Nhắn bảo chim oanh khoan tiếng hót,
Trên cảnh âu sê bớt sênh-sang.*

TỰ THUẬT (自述)

萬里鯤溟早奮身
Vạn lý côn minh tảo phẫn thân,
 窮辰聊且戢修鱗
Cùng thời liêu thả chấp tu lân;
 昔聳金馬玉堂客
Tích liên kim mã ngọc đường khách,
 今伴青山碧水人
Kim bạn thanh san bích thủy nhân;
 醉裡琴棋長度日
Túy lý cầm kỳ trường đờn nhật,
 閑中花草足供春
Nhàn trung hoa thảo túc cung xuân;
 斜陽獨立都無事
Tà-dương độc lập đều vô sự,
 笑倚東風岸幘巾
Tiểu ý đông phong ngạn trích côn.

DIỄN NÔM LÀ:

Cả côn vùng vây bấy lâu nay,
 Gặp phải khi cùng sẽ chấp vây;
 Trước bạn ngựa vàng thèm ngọc áo,
 Nay vui nước biếc núi xanh này;
 Cầm kỳ khiến hứng cơn say tình,
 Cây cổ tiêu giao cảnh tháng ngày;
 Rồi việc thân tho khi bóng sẽ,
 Khăn đầu phát-phối gió động lay.

NGỤ Ý (寓意)

救溺扶危愧不才
Cứu nịch phù nguy qui bất tài,
 故園有約重歸來
Cố viên hữu ước trọng qui lai;
 潔身只恐聲名大
Khiết thân chỉ khùng thanh danh đại,

劇 醉 那 知 老 病 催
 Kịch túy na tri lão bịnh thôi ;
 山 帶 秋 容 青 轉 瘦
 San đới thu dung thanh truyền xấu ,
 江 涵 月 影 白 相 猜
 Giang hàm nguyệt ảnh bạch tương sai ;
 機 關 了 邶 都 燕 事
 Cơ quan liễu khước đô vô sự ,
 津 館 柴 門 盡 日 開
 Tân quán sài môn tận nhật khai .

DIỄN NÔM LÀ :

I

Cứu vớt không tài luống hồ người ,
 Hẹn-hò vui rồi cũn trở về thôi ;
 Sạch nhiều những sơ thanh-danh lớn ,
 Say mãi hay đâu lão bịnh rồi ;
 Núi lắn mầu thu xanh cũng nhạt ,
 Sông in vẻ nguyệt trắng hòa hai ;
 Việc đời xong đoạn không còn vướng ,
 Xuất buỗi lèu tranh mở cửa sài .

II

Cứu vớt cưới ta cũng vụng về ,
 Hẹn-hò ta lại trở về quê ;
 Tiếng tăm e bạn thân trong sạch ,
 Già yếu còn hay tinh bết nhẹ ;
 Xanh dãi mầu thu hình núi giặc ,
 Trắng pha sắc nước bóng trắng loe ;
 Việc đời xong đoạn không còn vướng ,
 Nhà bến thâu ngày cửa chẳng che .

Khi Trạng ở nhà, thàn-thích hương quan di lại hỏi han luôn. Trạng ứng tiếp rất mởi mèt, nhan ngâm một bài thơ tỏ ý rằng:

不 才 誤 被 衣 龍 裳
 Bất tài ngộ bị cồn long bao ,
 玩 暇 區 區 謾 自 勞
 Ngoạn kiệt khu khu mạn tự lao ,

寔 學 未 能 学 士 望

Thực học vị năng phu sī vọng,

虛 名 空 笑 取 辰 嘲

Hư danh không tiếu thủ thời trào;

人 染 簪 緣 同 年 友

Nhân vinh trâm phất đồng niên hữu,

我 愛 松 筠 晚 友 交

Ngā ái tùng quân vân tuế giao;

誰 是 誰 非 休 說 著

Thùy thí thùy phi hưu thuyết trước,

青 雲 爭 似 白 雲 高

Thanh vân tranh tự bạch vân cao.

DIỄN NÔM LÀ :

I

Chẳng tài ơn dội được thân vinh,

Săn-sóc làm chi những bạn mình;

Thực học đủ đâu cho kẻ trọng,

Hư danh càng tồ khiến người khinh;

Người vui trâm hốt đưa bè-bạn,

Ta thích tùng quân dưỡng tình-tình;

Phải trái mặc đời thôi chẳng nói,

Ai rằng mây trắng kém mây xanh.

II

Tài giỏi giật đâu cũng cồn, ba,

Làm chi săn-sóc bạn mình ra;

Học hay chưa đủ cho người trọng,

Tiếng hão càng thêm lầm kẻ pha;

Bạn đỡ người ưa xiêm áo đẹp,

Cảnh nhàn ta thích trúc thông già;

Chuyện đời phải trái bàn chi nữa,

Mây trắng, mây xanh thử đọ mà.

Khi Trạng-Trình làm xong quán Trung-tân (1) có
ngay hưng 4 bài thơ và soạn một bài văn khắc vào bia
đá, xin biên dịch như sau này:

(1) Xem hồi thứ 8.

BỐN BÀI THƠ:

I

滿 目 干 戈 苦 未 休
Mân mục can qua khồ vĩ huru,
暫 承 餘 暇 看 閑 遊
Tạm thừa dư hạ mịch nhàn giu;
樓 棲 燕 壁 多 髮 衍
Thê thê yến bích đa Khôn Diễn,
寂 寂 貝 山 幾 許 由
Tịch tịch Cơ-san ký Húra-do;
千 丈 光 摺 新 劍 氣
Thiên trượng quang giao tân kiếm khí,
三 春 暖 八 舊 書 樓
Tam xuân noān nhập cựu thư lâu;
老 來 未 艾 先 憂 志
Lão lai vị ngài tiên ưu chí,
得 價 窮 通 豈 我 憂
Đắc táng cùng thông khởi ngā ưu.

DIỄN NÔM LÀ:

*Can qua giải-giắc dến bao giờ,
Tim chốn an nhàn tạm nhởn-nhở ;
Yến-bích biết bao Khôn, Diễn dó,
Cơ-san nào thấy Húra-Do xira ;
Khi quang nghìn trượng mài thanh kiếm,
Hơi ấm ba xuân lọt gác thơ ;
Già cả còn lo thiên-hạ sự,
Cùng, thông, đắc táng cũng coi thừa ;*

II

虛 室 渾 無 半 黯 埃
Hu thất hồn vô bán. điêm ai,
柴 門 盡 日 傍 江 開
Sài môn tận nhật bang giang khai.

漁舟晚向漁村泊
Ngư chu vân hướng ngư thôn bắc,
野鼓香隨野客來
Giã tâu hương tùy giã khách lai;
亂世苟全知有幸
Loạn thế cầu toàn tri hưu hạnh,
危辰弘濟愧無才
Nguy thời hoảng tẽ quí vô tài;
乘閒郤借東風力
Thùa nhàn khước tá động phong lực,
留取春光八鬱杯
Lưu thủ xuân quang nhập thọ bối.

DIỄN NÔM LÀ:

Nhà không, không bợn chút trần ai,
Xuôi buồm bên sông mở cửa sài;
Cỏ nội hương thơm đưa khách nội,
Thuyền trại hôm đến đậu khe trại;
Yên thân buồm loạn là may lắm,
Giúp nước đời nay hẹn chẳng tài;
Mát mẻ gió đông khi rỗi việc,
Ngày xuân chuốc chén thọ, đầy vời.

III

一頃寒江是雪金
Nhất khoảnh hèn giang thị tuyết cảm,
江邊結屋伴行吟
Giang biên kết ốc bạn hành ngâm;
汲泉煮藥僧厨靜
Cấp tuyền chử dược tăng trù tĩnh,
掃地焚香道院深
Tảo địa phẩn hương đạo viện thâm;
松下風來知有徑
Tùng hạ phong lai tri hưu kính,

竹邊月到却無心
Trúc biên nguyệt đáo khuya vô tâm;
漁翁不遇桃源客
Ngư ông bất ngộ đao nguyên khách.
豈識興亡世古今
Khởi thức hưng vong thế cõi cảm.

DIỄN NÔM LÀ:

Hàn giang một giải tuyết pha vàng,
Dựng tóp lèu thơ tựa bến dương.
Cánh vắng suối trong đun nước thuốc,
Am sâu đất sạch thấp luân hương.
Đuôi tòng len-lỏi theo luồng gió,
Bến trúc thờ-or ngắm ả Thường,
Vì băng đào nguyên không gặp khách,
Cõi đời sao biết cuộc hưng, vương?

IV

數間江館俯江津
Số gian giang quán phủ giang tân,
水國微茫兩岸分
Thủy quốc vi mang lưỡng ngạn phân;
風穩帆歸塞浦月
Phong ồn phàm qui hàn phô nguyệt,
天晴龍見遠山雲
Thiên tinh long hiện viễn sơn vân;
漁村厨影斜陽照
Ngư thôn trù ảnh tà dương chiếu,
野寺鍾聲半夜聞
Giả tựi trung thanh bán giã vân;
點檢行年逾七十
Điêm kiêm hành niêng giu thất thập,
只緣衰散豈忘君
Chỉ duyên suy tán khởi vong quân.

DIỄN NÔM LÀ:

Nhà ở bên sông nganh xuồng sông,
 Hai bờ xa cách nước mênh mông;
 Gió im buồm chạy theo vầng nguyệt,
 Trời tạnh mây tuôn hiện vẻ rồng;
 Bóng lừa thuyền ngũ chen ác sê,
 Tiếng chuông chùa nội lắng đêm đông;
 Bầy mươi tinh tuổi ta già quách,
 Há phải rằng quên đức cữu trùng.

BÀI VĂN BIA

上帝降衷人具秉彝自拘氣稟
 Thượng đế giáng trung, nhân cụ binh dì, tự câu khí bẩm,
 從欲惟危沒沒汨汨營營規
 Tóng dục duy nguy, mót mót cốt cốt, doanh doanh qui
 規淫於邪僻遑知其非貴則驕生
 qui, dâm u tà tích, hoàng tri kỳ phi, quý tắc kiêu sinh,
 富與侈期堂廡之泰嵩悅璇題
 phú dũ sỉ kỳ, đường vū chi thái, hoạ thuế toàn đẽ,
 烹畚之奢薪臘糗飴醉濃飽鮮
 táo phū chí sa, tân lạp khứu di, túy nùng bão tiên,
 衣輕乘肥轉溝餓夫一金吝而
 ý khinh thừa phì, truyền câu ngā phu, nhất kim lận nhi,
 路宿行人一蓋不施惟利是視
 lộ túc hành nhân, nhất cái bắt thi, duy lợi thị thi;
 如狂如癡爲善之心裏攜而推
 như cuồng như si, vi thiện chi tâm, thực khoáng nhi suy,
 檀名中津義斯取斯中卽其善
 quán danh Trung-tân, nghĩa ti thủ ti, chung túc kỵ thiện,
 津卽其歸知止有定造次弗離
 tân tức kỵ qui, tri chí hữu định, tháo thứ phất ly,
 川嶺正途不惑他岐行已待人
 thàn lý chính đồ, bắt hoặc tha kỵ, hành kỵ dài nhán,

念茲在茲事父盡敬事君勿欺
 niêm ti tại ti, sự phụ tận kính, sự quân vặt khi,
 兄友弟恭夫唱婦隨交友止
 huynh hưu đệ cung, phu xướng phụ tùy, giao hưu chỉ
 信切切惱惱念此善道非我得
 tín, thiết thiết ti ti, niệm thủ thiện đạo, phi ngā đắc
 私人之有拔若己有之聖賢
 ti, nhân chi hưu kỵ, nhược kỵ hưu chí, thánh hiền
 何人欲企則希求造其極在推
 hà nhân, dục si tắc hy, cầu tháo kỵ cực, tại suy
 所爲古訓甚明誠爲我宜勿謂
 sở vi, cổ huấn thậm minh, thành vi ngā nghĩ, vật vi
 善小必謹於爲曰智曰愚一復
 thiện tiều, tất cần ư vi, viết trí viết ngu, nhất phục
 一迷有識君子力行審思顧此
 nhất mê, hưu thức quân-tử, lực hành thăm ti, cổ thử
 名義尙看斯碑
 danh nghĩa, thượng khán tư bì.

DIỄN NÔM LÀ:

Đức Thượng-dế săn lòng phú giũ,
 Người ta ai cũng dù di luân;
 Sau khi đã nhiễm tục tràn,
 Một lòng dục thăng, muôn phần lý vong.
 Thói tà tích hoang dâm lưu tệ,
 Còn biết đâu như thế là sắng;
 Sáng thì quen thói kiêu căng,
 Giàu thì xa-xỉ há rẳng một ai.
 Sứa sang những thường dài nhả rộng,
 Nào kể hoa trạm bóng vẽ vời;
 Đường dem chát chõ đồ xôi,
 Sáp dem làm cùi, dù mùi sa-hoa.

Ăn uống phi, tiêu pha lại quá,
 Nào khinh cừu, phi mà ruồi-rong ;
 Thấy ai đổi chết mặc lòng,
 Tiếc từ nứa chửi một đồng chảng cho.
 Đường gấp kẻ nằm co lạnh-léo,
 Rét mặc thây manh chiếu chảng dời ;
 Chỉ cầu lấy lợi mà thôi,
 Tâm lòng vì thiện mắng người biết suy.
 « Trung-tân » lấy nghĩa gì mà đặt ?
 Cũng là theo nghĩa thật suy ra ;
 « Trung » là lòng thiện người ta,
 « Tân » là chốn thiện ai là chảng noi.
 Người ta đã biết nơi sở chỉ,
 Dẫu trong khi tháo thứ chảng dời ;
 Bước đường ngay thẳng hắn-hoi,
 Không hề sai lạc ra ngoài « Trung-tân ».
 Hành kỷ thể, đãi nhân cũng thế,
 Nghĩ đòi con, bụng đè đòi con :
 Thủ cha hết đạo làm con,
 Thủ vua phải giữ cho tròn đạo tối.
 Anh phải thuận, em thời phải kính,
 Chồng xướng là vợ thính lòng ngay ;
 Bạn bè giao kết xưa nay.
 Lòng tin chờ có đổi thay tâm lòng.
 Ngãm thiện đạo lẽ hằng sau trước,
 Không phải mình ta được riêng tây ;
 Thấy người ai có điều hay,
 Cũng như mình có lòng này chờ ghen.
 Muốn theo kịp thánh hiền chả khó,
 Cốt suy ra lòng đó mà thôi ;
 Cố nhân dạy đã hết lời,
 Thực làm khuôn phép muôn đời cho ta.

*Chờ thấy thiện nhỏ mà khinh bở,
Cũng đừng coi ác nhỏ mà làm;
Kém hơn phân biệt rõ-ràng:
Một đảng là tri, một đảng là ngu.
Bạc quan-lử đã dứt kiến thức,
Càng thảm tú, hành lực mởi hay;
Danh kia cùng với nghĩa này,
Ai ơi! nênhận bia đây cho tướng.*

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Xem đây thi thơ từ của cụ Trạng-Trinh mười phần thực không còn được một, tập thơ Bạch-Vân nay chỉ thấy cái tên sách, có lẽ chỉ tại nghề in của ta xưa chưa được rộng khắp, lại chưa có chữ quốc-ngữ, thành ra bao nhiêu những văn nôm dấu có còn được ít nhiều cũng phần nhiều sai lắn, thực là đáng tiếc. Gặp được buổi này ta cũng nên phải bảo tồn.

HỎI THÚ MƯỜI BÔN

*Mất Thăng-long, vua Mạc thân chinh,
Thua Bồ-sơn, chúa Thao bị bắt.*

Nhà Mạc từ khi Trạng-Trình mất, việc lớn trong triều không ai quyết đoán, dẫu có Mạc Kinh-Điền, Mạc Đôn-Nhượng (con vua Đại-Chính) và bọn Mạc Ngọc-Liễn, Nguyễn-Quyện đều có bụng trung quân ái quốc, nhưng đều là vũ-tướng, chỉ biết việc hàng-trận mà thôi. Bấy giờ thế nhà Lê đã mạnh, lại có Trịnh-Tùng làm tướng, dùng binh qui-quyết, quân quân nhà Mạc bị thua luôn.

Năm Tân-mão hiệu Hồng-Ninh thứ hai nhà Mạc, tức năm thứ 17 hiệu Quang-Hưng nhà Hậu-Lê (1591), Trịnh-Tùng sai bọn Trịnh Văn-Hải và Nguyễn Thất-Lý đem quân trấn thủ các cửa bắc cùng các nơi hiểm-yếu, rồi dần hơn năm vạn binh chia làm năm đội ra cửa Thiên-quan (Ninh-bình), thanh ngôn ra khôi-phục Đông-dô (Thăng-long). Vua Thuần-Phúc nghe báo lập tức điều binh mã bốn vệ và năm phủ được hơn mươi vạn, sai Mạc Ngọc-Liễn và Nguyễn-Quyện lĩnh hai đạo binh làm tú, hữu-dực, và tự dẫn trung-quân đến đối trận với quân Trịnh-Tùng.

Trịnh-Tùng thấy quân nhà Mạc đến, thân đúc lường sĩ đánh báo thù, quân Trịnh đánh rất hăng, quân nhà Mạc thua chết hơn vạn, vua Thuần-Phúc vội thu quân về, Trịnh-Tùng đuổi sát đến Đông-dô, đóng ở phía cửa Nam, vua Thuần-Phúc cắt bọn Mạc Ngọc-Liễn, Nguyễn-Quyện, Bùi Văn-Khuê, Trần Bách-Niên ở lại giữ thành, rồi đem quân sang sông Nhị-hà đóng ở làng Thủ-khối. Trịnh-Tùng sai quân vây đánh các cửa thành, quân Mạc gùi không nổi, ba tầng luỹ đều bị phá, Nguyễn-Quyện bị bắt, Mạc Ngọc-Liễn và Bùi Văn-Khuê phải bỏ thành chạy. (Sau Văn-Khuê về hàng Trịnh-Tùng).

Trịnh-Tùng dẫu lấy được Thăng-long, nhưng quân-sĩ đều mỏi-mệt, mà thế nhà Mạc vẫn còn mạnh, biết giữ không nỗi, nên lại bỏ về Thanh-hoá, vua Thuần-Phúc lại về Thăng-long.

Năm sau (1592), Trịnh-Tùng kéo quân ra Bình-lục sang Thanh-oai, đóng ở bãi Tinh-thần (bấy giờ là xã Thanh-thần thuộc huyện Thanh-oai), rồi tiến lên sông Hát-giang gấp tướng nhà Mạc là Ngọc-Liễn, đánh cướp được hơn 70 chiếc chiến-thuyền, Ngọc-Liễn chạy về Đông-dô. Vua Thuần-Phúc nghe tin quân thua, bèn tự tướng đem 6 vạn quân thân đi đánh Trịnh-Tùng để báo thù, không ngờ Trịnh-Tùng rình đến đánh úp lấy Đông-dô, vua bèn chạy sang Hải-duong đóng ở Kim-thành, truyền ngôi cho con là Mạc-Toàn, rồi tự mình làm tướng đem quân đi đánh. Bấy giờ quan quân nhà Mạc bỏ về hàng với Trịnh-Tùng nhiều lắm, quân vua Thuần-Phúc không có hậu ứng, đến huyện Yên-dũng thì bị tướng của Trịnh-Tùng là Phạm-Khoái đánh rất dữ, Vua phải chạy vào một cái chùa ở huyện Phượng-nhơn, bị Nguyễn-Khoái bắt được đem về Thăng-long nộp Trịnh-Tùng. (Sau ngộ hại, ở ngôi cả thảy 30 năm).

Khi ấy Mạc-Toàn đang đóng ở Kim-thành, nghe tin vua cha bị thua ở Yên-dũng, vội-vàng đem binh đi tiếp ứng, đi đến núi Đồ-son, gặp quân Trịnh-Tùng, giáp công một trận rất hăng-hái, quân Mạc cả thua, Mạc-Toàn cùng ba em là Chúa-Anh, Chúa-Tấn, Chúa-Hoàng chạy vào rừng, còn một em út là Chúa-Thao (con thứ 18 vua Thuần-Phúc), năm ấy mới 14 tuổi, chạy không kịp, bị quân Trịnh bắt về nộp Trịnh-Tùng.

Trịnh-Tùng tra hỏi quân lính nhà Mạc, Chúa-Thao nhất định không nói, trong khi ứng đáp rất rắn-rỏi, Chúa-Trịnh thấy còn ít tuổi mà có can đảm, không nỡ giết, sai bỏ ngục để dù hàng.

Một hôm Chúa-Thao nói với ngục-quan cho ra chơi phố, gặp khi con gái thứ ba Chúa-Trịnh cũng cõi voi

chơi mát, trong thấy Chúa-Thao trẻ tuổi đẹp trai, gọi lại hỏi chuyện, Chúa-Thao ứng đáp một cách rất đàng yên, Quận-chúa rất bằng lòng, lại thấy nói là con vua nhà Mạc, bị thua trận phải bắt, càng đem lòng thương tiếc kính yêu. Khi trở về phủ đeo bệnh lương-tư, thuốc thang mãi không khỏi. Chúa-Trịnh thấy con mặt vô minh gầy, lấy làm thương xót, treo bảng ai chừa khỏi, thường một trăm lạng vàng. Bấy giờ có một mụ hầu, hầu thân Quận-chúa, nhân khi vắng-vé, hỏi rõ bệnh cẩn. Quận-chúa tì-tê kề hết chân-tinh là thương nhớ Chúa-Thao, nhưng sợ phép nhà không dám nói. Mụ hầu bèn lầu với Chúa-Trịnh, Chúa-Trịnh vẫn có ý muốn thử dụng Chúa-Thao mà chưa thè dù được, thấy nói Quận-chúa phải lòng thì mừng lắm, nhưng lại làm mặt giận-dữ không bằng lòng.

Một buổi, nhân đêm thanh vắng, Chúa-Trịnh đến thăm con, uốn hỏi hết lời, biết rằng Quận-chúa nhất định chung tình với Chúa-Thao, bèn họp các gia-tướng bàn định nên chăng, gia-tướng đều đã biết ý Chúa-Trịnh muốn dùng kế mỹ-nhan để dụ Chúa-Thao, nên ai cũng bàn nên gả. Chúa-Trịnh bèn sai chọn ngày làm lễ cho Chúa-Thao cùng Quận-chúa thành-hôn.

Chúa-Thao làm rể Chúa-Trịnh trong mười năm, đã sinh được 2 con trai, Chúa-Trịnh rất tin yêu, ban tú nhà cửa, ngựa xe đủ thứ.

Bấy giờ nhà Mạc ở Cao-bằng vẫn đánh nhau với quân Lê, Trịnh, Chúa-Trịnh vẫn chưa khôi ngòe. Chúa-Thao có ý khác, một đêm cho hai tên Xá, giả làm sứ của Mạc-Toàn cho về rước, Chúa-Thao bấm độn, biết là Chúa-Trịnh thử, liền từ rằng đã trót chịu hậu oán Chúa-Trịnh không muốn trở về. Từ đấy Chúa-Trịnh càng tin lòng, không còn đe phòng gì cả. Chúa-Thao được dịp ấy, bèn nhất định trốn về Cao-bằng để mưu phục quốc. Một hôm nói thác đi xem trại gà, đem theo một người con lớn đi.

Vừa qua sông Bồ-đề (Nhị-hà) thì Chúa-Trịnh biết, sai quân đuổi bắt, Chúa-Thao vừa tức vừa sợ, ngãnh mặt về Cao-bằng khóc lạy, rồi ôm con đàm đầu xuống sông, Quận-chúa nghe tin cũng ra sông đàm đầu chết theo, Chúa-Trịnh thương xót vô cùng, lập miếu thờ ở bên sông, gọi là miếu « Trung Tiết ».

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIÁ:

Về sự-lịch Chúa-Thao, nhiều người nói là lấy con gái vua Lê chớ không phải lấy con Chúa-Trịnh, nhưng xem lúc bấy giờ thi việc trong triều bắt cứ nhón nhỏ đều ở tay Chúa-Trịnh, vua Lê sao được gả con cho kẻ thù. Song dù con vua hay con chúa mặc lòng, chỉ đáng khen thay cho Chúa-Thao trọng nước mà khinh tình, biết nhục vinh mà không tham sinh tử. Còn như Quận-chúa trước lấy con mắt xanh mà chọn người tri-kỷ, sau theo giòng nước biếc cho chọn nghĩa cương thường, cũng khá khen là tiết-nữ vậy.

HỒI THÚ MUỜI LĂM

*Thành Lang-son, đồn binh cố thủ,
Đất Cao-bằng, lập cược đồ tồn.*

Tục truyền anh em ông Mạc-Toàn bại trận ở Đồ-sơn chạy vào lâm phận Đông-triều, rồi lại chạy sang My-thứ (lúc làng Mè thuộc Hải-dương), định lên đóng núi Yên-tử, nhưng tướng sĩ bấy giờ vừa từ trận vừa bỏ trốn, còn được độ hơn nghìn quân, các đường thủy bộ đều có quân Trịnh-Tùng đóng đông như nêm cối. Vua Mạc không biết làm thế nào mà đi thoát, bèn tìm thò-nhân ở đấy hỏi thăm đường.

Thò-nhân nói:

« Đây có một lối đến núi Yên-tử rất gần, song xưa nay không ai dám đi qua, lối ấy gọi là đường Mật-lộn, vì lối đi vào giữa hai khe núi mà quanh co khuất-khúc, lại có nhiều yêu ma quỉ quái, ai đến đó cũng phải lộn mệt lên mà chết, nên đặt tên thế, đây đi núi Yên-tử, trừ con đường ấy thì không còn có lối nào nữa ».

Vua Mạc nghe nói cũng lấy làm nguy-hiểm, song thế không đi không được, bèn nhất định đem quân đi. Đi được độ 3 dặm đường thì trời tối, vua Mạc truyền đóng quân lại nghỉ, vì đã đi luôn hai ngày một đêm, tướng-sĩ đều mệt, đêm ấy ai cũng ngủ thiếp, không còn biết sợ hãi gì.

Ước đến trống canh ba, vua Mạc mơ-mơ màng-màng thấy có người gọi bảo rằng: « Núi Yên-tử ở giữa đồng bằng, không có thành trì gì có thể đóng yên được. Ở Lang-son đã đắp sẵn thành để chờ đợi, nên mau mau đem quân lên đó mà đóng, kéo quân Trịnh biết mà chiếm mất. »

Vua Mạc tỉnh dậy trong bụng nghi ngờ, sáng hôm sau một mình cõi ngựa đi trước thăm đường, chợt thấy trên núi có một tòa cồ-miếu, liền xuống ngựa vào xem, thấy có một pho tượng diện-mạo y như người gấp tối hôm qua, dưới bệ đá có khắc mấy chữ « Lü-lien chan dung 呂仙真容 ».

Vua Mạc ngẫm-nghĩ hồi lâu, bụng bảo dạ: « Có lẽ Lạng-sơn quả có thành của Tiên-ông xây để giúp ta, nên ngài mới báo mộng cho ta biết ». Bèn lạy tạ rồi trở ra lên ngựa về trại, gọi ba con mặt báo việc ấy, rồi nhất định kéo quân lên đóng Lạng-sơn. Lại sợ quân Trịnh đuổi theo, cứ kéo đi lối riêng, vừa 10 ngày mới đến nơi, quả nhiên có thành xây rất kiên-cố, song chỉ có ba mặt, còn một mặt có một quả núi trấn ngang.

Vua Mạc lấy làm lạ, mới gọi thò-nhân hỏi xem thành có tự bao giờ.

Thò-nhân nói: « Xứ đây nguyên trước không có thành, mới có thành trong mươi bửa nay, mà là thành của tiên xây, nguyên đêm hôm ấy có một tiểu-phu ngủ ở gốc cây, canh khuya thấy có hàng nghìn vị tiên khuân gạch đá ở Quí-môn-quan (thuộc xã Chi-lăng châu Ôn) về xây thành, nghe thấy bảo nhau xây để giúp vua nhà Mạc, cách hồi lâu lại thấy Sơn-thần ở trong miếu, bảo các bộ-hạ đá làm gà gáy cho quân tiên phải chạy; khi ấy quân tiên mới xây được 3 mặt, thấy gà gáy thì tưởng gần sáng, vội vàng khiêng quả núi trấn vào mặt khuyết rồi trở về trời, người tiểu-phu nghe được rành-mạch và trông thấy rõ-ràng sự trạng là thế ».

Vua Mạc nghe nói cả mừng, sai quân lấy vàng bạc thường cho thò-nhân rồi vào đóng trong thành, treo bảng mộ quân, chẳng bao lâu được đến sáu bảy vạn quân, các tôn-thất nhà Mạc cùng văn vũ bách quan nghe biết kéo nhau về có đến hơn hai trăm người, thế nhà Mạc lại nồi to, bàn nhau về khôi phục Đông-dô.

Trịnh-Tùng nghe tin cả sợ, sai Trịnh Văn-Hải đem 5 vạn quân lên đánh, nhưng trận nào cũng bị thua. Năm sau (1593) Trịnh-Tùng thân đem đại quân lên đánh Lạng-sơn, bắt được Mạc Kinh-Chỉ (con Mạc Kinh-Điền) và tộc-đảng quan-quân hơn 60 người đem về Đông-dô, rồi lại sai Hoàng Đình-Ái, Nguyễn Hữu-Liên chia nhau hai mặt đánh thành Lạng-sơn, vua Mạc biết thế không giữ nồi, bèn cùng tôn-thất là Kinh - Cung (em Mạc Kinh-Chỉ)

và Đại-thần là Mạc Ngọc-Liễn đem gia-thuộc chạy sang Long-châu (Địa phận nước Tầu).

Năm Bính-thân (1597), em Kinh-Cung là Trang-vương Kinh-Chương và con Kinh-Cung là Uy-vương Kinh-Dụng chiếm giữ từ huyện Đông-triều cho đến đất Yên-quảng. Kinh-Cung cũng từ Long-châu trở về họp với con và em ở Yên-quảng, bàn nhau khôi phục thành Lạng-sơn. Khi ấy Kinh-Cung chợt nhớ lời di chúc của Trạng-Trình khi trước, đem nhau lên giữ đất Cao-băng, tự lập làm vua (bấy giờ Mạc-Toàn đã mất ở Long-châu), sai Trang-vương Kinh-Chương sang nói với vua nhà Minh, vua nhà Minh cho đưa thư sang ép nhà Lê phải để đất Cao-băng cho con cháu nhà Mạc ở. Nhà Lê bất-dắc-dĩ phải nhường đất Cao-băng cho nhà Mạc.

Nhà Mạc đã được đất Cao-băng làm nơi lập cước, bèn mộ quân-sĩ đắp thành quách, chứa lương thảo, làm cách cõi thủ. Các tướng-tá và tộc-dâng nhà Mạc chạy trốn trong hòn Lạng-sơn thất thủ, bấy giờ đâu đấy lại dần-dần về cả Cao-băng, thanh-thế nhà Mạc lại lừng-lẫy, từ đấy năm nào Kinh-Cung cũng đem quân khôi phục trung-châu, nhưng không lần nào đắc lợi, lại phải trở về.

Tục truyền khi nhà Mạc đóng ở Cao-băng, thường bị quân của Trịnh-Tùng cho lên dò thám tinh hình hư thực trong thành, Kinh-Cung bèn sai quân-sĩ lấy cành kiển nhuộm răng đỏ, để phân biệt với quân của Trịnh. phàm bắt được người nào răng trắng đều đem chém; sau chúa Trịnh biết, cũng cho quân mình nhuộm răng đỏ, Kinh-Cung lại sai quân lấy quả me trên rừng pha với phèn đen làm thuốc nhuộm răng đen; Chúa-Trịnh cũng lại bắt chước, Kinh-Cung không còn cách nào phân biệt được quân mình với quân Trịnh, nên hẽ sáp khởi binh xuống trung-châu là lại bị quân thám-tử của Chúa-Trịnh về báo trước, Chúa-Trịnh lại sai phòng-bị, trận nào Kinh-Cung cũng bị thua. Nước ta có tục nhuộm răng từ đời bấy giờ.

Năm Kỷ-hợi (1599), miền dưới có bọn Phan-Ngạn,

Ngô-Đinh-Nga và Bùi Văn-Khuê nồi loạn ở cửa bờ Đại-an, Chúa-Trịnh ở Thăng-long sợ từ diện thù địch, bèn rước vua Lê vào Thanh-hoá. Đảng họ Mạc khi ấy cũng còn nhiều người lẩn-lút ở trung-châu, thấy thành Thăng-long bỏ không, liền rước ngay bà Thủ-mẫu của vua Thuần-Phúc là Bùi-thị vào giữ thành, tôn lên làm Quốc-mẫu, rồi cho người lên Cao-bằng đón Kính-Cung về.

Không bao lâu, Phan-Ngan và Bùi-Khuê giết lẫn nhau, còn Ngô-Đinh-Nga thì về hàng nhà Mạc. Trịnh-Tùng ở Thanh-hoá được tin ấy, lập tức đem đại binh ra Bắc, đánh hâm thành Thăng-long, bà Quốc-mẫu ngô hại; Kính-Cung lại bỏ chạy về Cao-bằng.

Năm Ất-sửu (1625), Trịnh-Tùng sai cháu là Trịnh-Kiều đem quân lên đánh úp Cao-bằng, bắt được Kính-Cung, ép phải trả lại Cao-bằng, Kính-Cung nhất định không nghe. Trịnh-Kiều giải về Thăng-long, đến nửa đường thì Kính-Cung tự vẫn.

LỜI BÀN CỦA DUYỆT GIẢ:

Nước ta có câu phong-giao rằng: «Ở trên xứ Lạng có thành tiên xây» tức là sự tích hời truyện này, song đó còn là lời tục chuyền, vì tất cả hẳn là tiên xây. Trong khi biên-tập cuốn truyện này, soạn-giả đã chất vấn các người quen biết, cứ bức thư của ông bạn ở Lạng-son tra cứu về tích «thành-tiên» gửi về cho soạn-giả, thì đủ biết thành-tiên không phải có từ đời Mạc mà không phải là tiên xây. Ông nói có được tiếp một cụ Huyện người ở Lạng-son thuật chuyện rằng: trước cụ tri huyện Quảng-uyên (Cao-bằng), cách đây hơn 30 năm, có một lần đi quân-thứ đến đồn Phục-hoà (Cao-bằng), thấy một cái biền đồ có chữ khắc: «Đường Hàm-thông niên gian, Cao-Biền trúc tam thành dĩ phục Đường, 唐咸通年間, 高駢築三城以復唐». Nghĩa là: Khoảng năm Hàm-thông, Cao-Biền đắp ba thành để phục nhà Đường. Dưới chữ «Tam thành 三城» lại có chữ: «Phục-hoà 復和, Na-lữ 那侶, Lạng-son 蘭山», cụ có ý nhận thi thành Phục-hoà, thành Na-lữ và thành Lạng-son, ba thành ấy cách xây giống nhau, về phía cửa đông đều có sông vòng lấy thành, mà

đều xây bằng gạch to và dày. Vậy thì thành ấy có lẽ từ đời ông Cao-Biền sang làm Đô-hộ An-nam ta mà xây vậy. Ông lại lấy lẽ đoán luận rằng: Từ đời Cao-Biền đến nay hơn một nghìn năm, trải bao nhiêu giờ mà thành vẫn còn, thì chắc đó là một thành trấn biên, nên đời nào cũng tu bồ, cứ xem đoạn thành còn lại, chỗ thì gạch to và dày, chỗ thì gạch nhỏ và mỏng, có lẽ thứ gạch nhỏ và mỏng là gạch mới tu bồ sau này. Còn quả núi về phía tây-nam thành, thì chắc Cao-Biền là nhà tinh phong-thủy, cho chỗ ấy có « Long nháy thủ » nên mới xây giữ lấy quả núi và lập đền thờ Thành-hoàng để trấn áp linh khí nước Nam.

Đến như gọi là Tiên-thành thì cũng vì phía nam tinh-ly có chùm núi đá, trong động núi có đá như hình người, người ta cho là tiên-hình, đặt tên chùa ở đấy là chùa tiên, thành ở gần đấy cũng gọi là thành tiên. Ông lại biện lẽ « Quần tiên lấy gạch ở Quỷ-môn-quan về xây thành » cho là một điều không chắc hẳn, vì ông có tiếp một ông Tri-châu Ôn-châu nói chuyện: một lần ông Châu cho đào chỗ ấy, xuống độ 5 thước ta thì thấy nhiều gạch lấm, mà gạch y như gạch thành tiên, có lẽ trước kia người ta đã được nhiều lần nom thấy gạch ấy mà truyền ngon như vậy.

Cứ như bức thư của ông viện dẫn và luận biện, thì sự tiên xây thành để giúp nhà Mạc là không có, chẳng qua nhà Mạc nhân Lạng-sơn sẵn có thành trì mà đến đóng đó thôi. Nhưng cũng chép cho rộng kiến văn, có có không không, cũng cho là một hồi nghi-sử.

HỒI THÚ MƯỜI SÁU

*Vận Mạc suy, Cao-băng thất thủ,
Con tị nạn, con cháu tản cư.*

Mạc Kinh-Cung đã mất, cháu là Kinh-Khoan nối giữ đất Cao-băng, xưng là Khanh-vương. Bấy giờ Trịnh-Xuân con thứ Trịnh-Tùng tranh quyền với anh là Trịnh-Tráng, đem binh làm loạn, đốt phá kinh thành Thăng-long, Trịnh-Tùng thấy biến phải chạy về xã Hoàng-mai, huyện Thành-trì, rồi mất ở đây. Kinh-Khoan thừa cơ đem binh xuống đóng tại làng Thủ-khối, chực về đánh lấy Thăng-long.

Không bao lâu, Trịnh-Tráng dẹp yên loạn Trịnh-Xuân, lại đem quân về Thăng-long, sai Trịnh-Kiều dẫn đại binh qua sông Bồ-dề đánh úp Kinh-Khoan, Kinh-Khoan thua chạy về Cao-băng, sau lén sang Tàu, đưa thư về xin hàng; Trịnh-Tráng tâu vua Lê phong cho Mạc Kinh-Khoan làm Thái-uý Thông-quốc-công, cho về trấn thủ đất Cao-băng, năm nào cũng phải tiến cống.

Năm Mậu-dần (1638), Kinh-Khoan mất, con là Kinh-Vũ nối nghiệp, không nhận chức và không chịu cống nhà Lê, tự lập làm vua, hiệu là Thuận-Đức. Từ đây Kinh-Vũ thỉnh thoảng lại đem binh về phá mạn Thái-nghuyên, nhưng không bao giờ dám xuống đến Thăng-long, quan quân nhà Lê cũng vẫn hết sức tiêu-trù, mà vẫn không sao đánh nỗi.

Năm Đinh-vị (1667), Trịnh-Tráng mất; con là Trịnh-Tạc nối nghiệp chúa, sai Đại-tướng là Đinh Văn-Tả đem quân lên đánh lấy Cao-băng. Đinh Văn-Tả rất giỏi nghề vũ, đánh giặc có tiếng. Kinh-Vũ địch không nỗi, bèn phải bỏ Cao-băng đem gia-quyền chạy sang Tàu.

Bấy giờ nhà Minh đã mất, nhà Thanh mới được nước, đang tu hiếu với nhà Lê. Kinh-Vũ vừa sang đến Long-châu, thì có chiểu vua nhà Thanh sai quan Trần-thủ Long-châu bắt giải sang cho nhà Lê, họ Mạc đến đây mới thực mất.

Tóm kẽ từ vua Minh-Đức (Mạc Đặng-Dung) khởi năm Đinh-hợi (1527), đến vua Thuần-Phúc (Mạc Mậu-Hợp) mất năm Ất-vi (1595) cộng 5 đời vua và 68 năm, y như lời ông thày địa-lý dặn. Lại từ Mạc Kinh-Cung lên giữ Cao-băng năm Bính-thìn (1596), đến Mạc Kinh-Vũ mất Cao-băng năm Đinh-vị (1667), cộng 4 đời, 71 năm, y như lời ông Trạng-Trịnh di chúc. Thuỷ chung nhà Mạc cộng 8 đời vua, hưởng quốc 139 năm, so với Lý, Trần thực không kém vây.

Trong khi Cao-băng thất thủ, con cháu nhà Mạc không có nơi lập cưc, cũng không chịu về hàng Chúa-Trịnh, kể thì trốn sang Tầu ở giải-giắc trong các đạo Vĩnh-an, Trấn-an và An-quảng, người thì về quê quán, ở lẩn lút trong mấy làng Cồ-trai, Lũng-dộng và Cao-đôi. Sau Chúa-Trịnh có lệnh tìm con cháu họ Mạc ở địa-phận Hải-dương, mọi người sợ hãi bàng nhau cải họ rồi trốn đi ở tản-nát các nơi, hoặc theo bộ «**Thảo** 卍» đầu như: họ Lều (茅) ở Nhị-khê (Hà-dông), Ngò-khê (Hà-nam); họ Phạm (范) ở Thanh-dặng; họ Hoàng (黃) ở Thượng-ốc; họ Phương (芳) ở Yên-ninh và Quan-la, hoặc theo hình chữ Đặng (登) như họ Liêu (僚) ở Chương-đức và Thụy-giang. Có nơi đổi là họ Vạn (萬). Bấy giờ lại có một chi ở làng Quất-dộng, huyện Thượng-phúc (Hà-dông) xưng là họ Bùi (裴), nguyên là con cháu ông Mạc Phúc-Đặng, khi trước vua Quang-Bảo có một bà thứ-phi người họ Bùi ở Quất-dộng, sinh được một trai là Phúc-Đặng, hồi vua Thuần-Phúc bị quân Trịnh bắt thì Bùi Thứ-phi đem con về ở quê mình, sau Bùi Thứ-phi ngộ hại ở Thăng-long (xem hồi trên), Phúc-Đặng đã theo Kinh-Cung lên ở châu Văn-lan (thuộc Thái-nghuyên) mưu việc báo thù nhưng sau không thành, Kinh-Cung chạy về Cao-băng, còn Phúc-Đặng lại về Quất-dộng, từ đấy đổi họ Mạc làm họ Bùi là theo về họ mẹ, đến đời con là Phúc-Đồ gấp giữa hồi Cao-băng thất thủ, Chúa-Trịnh truy tầm con cháu họ Mạc, các chi khác đều có người bị hại, duy chi Quất-dộng đổi họ từ trước không ai biết, nên được vô sự. Bây giờ con cháu họ

Mạc, có chi ở đây là da dính mà thịnh-vượng hơn cả; còn các chi kia dẫu có phát-dạt nhưng vẫn không bằng. Hiện nay các chi đã có một vài nơi phục tinh.

*Cho hay mạch đất vẫn xây,
Đất tuần, nhân văn, xưa nay thế thường;
Thịnh suy, bĩ thái khôn lường,
Truyện xưa biên tập làm gương sau này.*

LỜI TỔNG LUẬN CỦA SOẠN-GIÀ

Tôi đọc Việt-sử, thường nghe nhà Mạc bởi thoán-thết được nước mà hưởng quốc khá lâu, khi biên tập truyện này thì ra nhà Mạc thụ thiện vua Lê chứ không phải cướp ngôi của nhà Lê, cựu sứ cho là thoán-thiết thực oan cho nhà Mạc vậy.

Hàng lúc bấy giờ, vua Lê nhu nhược, vận Lê suy đồi, người Trung-hoa gấp-ghé ở bên ngoài, lũ quyền-thần quấy loạn ở bên trong, nước không xứ nào là yên-đòn, dân không ngày nào được nghỉ-ngơi, trong nam ngoài bắc, đồi núi sông máu núi xương, con tiên cháu rồng, gần sắp nòi tan giống tuyệt. Khi ấy trừ không có tài bát loạn như vua Đinh Tiên-Hoàng, có chí cứu dân như vua Lê Thái-Tồ, hờ dẽ mà dựng được thời-thế cứu được sinh-linh. May đâu có Mạc Đăng-Dung ra đời, trong thì giúp Triều-đình, ngoài thì trừ quần đạo; gần vỗ yên con đỗ, xa ngăn trống giặc Tàu; khiến cho bản-đồ Nam-việt không lọt vào tay người nhà Minh, dòng-dối Lạc-long được thoát khỏi trong vòng nước lửa, cái công đức đối với nhân-loại với tổ-quốc biết là dường nào! Ngôi báu thiên-hạ về kè có công, nhà Mạc được ngôi, thực không phải là không đáng vậy.

Có người nói: Họ Mạc làm tội nhà Lê, nhân lúc vận Lê suy, dối vua nhỏ, lấy thiên-hạ, cho rằng có công cũng không khỏi là thoán-thiết. Nếu lấy thế mà khắc luận, thì không kè chi Dương Tam-Kha với nhà Ngô, Lê Đại-Hành với nhà Đinh, Hồ Quý-Lý với nhà Trần,

mời là tiếm-thiết, mà ngay Lý Thái-Tồ thay nhà Lê, Trần Thái-Tôn thay nhà Lý, cũng đều là tiếm-thiết cả ư?

Vả nhà Mạc dòng-dối nhà Chu, nguồn nhân gốc nghĩa, ân lớn đức dày, từ đời Trạng Hiền-Tích, đến đời Trạng Đinh-Chi, âm công tích luỹ không phải một ngày, nên đã được kế thế khôi khoa, về sau con cháu dẫu suy vi, mà lòng hiếu thiện vẫn không dời, nghiệm câu tục-ngữ «Đò sáu đồng» còn truyền tụng đến ngày nay, dù biết rõ-tông nhà Mạc vun gốc khoi nguồn thực đã sâu xa vậy.

«Tồ-lông tích đức, con cháu hưởng phúc», đó là câu tục-ngữ thế-gian ta thường nói, nay xem như nhà Mạc dày, thì thực đúng như câu ấy, cho nên bảo rằng: «Bởi nhân hậu mà được nước» tưởng cũng không phải là lời nói quá khen. Phương chi nhà Mạc được nước không những nhân lực mà lại có thiên tâm, tâm đời trường trị đã xuất khẩu khi từ cụ Trạng Đinh-Chi trong câu đối «Bát Đại-vương» (xem hồi thứ 2), mà nhất thống thiên hạ trong 68 năm thì quả như lời thầy Địa-lý (xem hồi thứ 5); giữ đất Cao-bằng hơn 70 năm thì quả như lời cụ Trạng-Trình (xem hồi thứ 11). Bảo chả phải bởi số trời, sao có trước sau phù-hop nhau như thế. Vô luận thần cho đất (xem hồi thứ 5), tiên xây thành (xem hồi thứ 15), còn là truyền văn chưa dám chắc, song cứ coi như vài việc đó, đủ chứng rằng: «Thiên mạnh tại, nhân tâm qui! 天命在人心歸». Vả xem nhà Mạc sau khi được nước đổi dải với tiền-triều, thì thực không có một mảy gì đáng cho là thoán-thiết, nào dựng tôn miếu thờ các vua Lê, lục dụng các con cháu và cựu-thần nhà Lê, tấm lòng lễ nhượng và trung-hậu, khác gì vua Thuấn đổi với vua Nghiêu; so với Trần Thái-Tôn xử với Lý triều, nhất nhân nhất bạo, một vực một trời, chẳng nói thì các bạn đọc sử cũng đã từng rõ vậy.

Nhà Mạc lại có một điều đáng khen nhất là huynh đệ tương truyền, chẳng những nước ta chưa từng có triều nào, mà cả đến nước Tàu là một nước văn-minh

tối cõi ở Á-dông cũng chỉ có đời Triệu-Tống là truyền nhượng được hai đời, mà rồi cũng không khỏi cái ác cảm cốt nhục tương tàn. Thế mà nhà Mạc anh truyền em nối, cả thế bốn đời, ngôi trời cùng chung, lộc trời cùng hưởng, thực là một họ Nhân-hoàng của nước Nam ta vậy.

Áy cũng bởi những nhân tâm thiện chính đó, mà nhà Mạc truyền thụ làm đời vua; hưởng quốc hơn 100 năm, dẫu đến khi Cao-bằng bôn bá, cũng còn nhờ được di chúc của một bậc hiền-thần mà duy trì quốc-tộ ít lâu, cõi-nhân có nói: «Thuận đức giả xương, nghịch đức giả vương, 順德者昌逆德者亡», nếu nhà Mạc quả là thoán-nghịch thì sao được xương-thịnh bấy lâu! Nói cho cùng thì «Nghịch thủ 逆取 mà Thuận thủ 順守» dẫu Thang, Vũ ngày xưa cũng có làm, cõi-nhân sợ hậu-nhân lấy Thang, Vũ làm tạ khâu, nên mới cực suy Thang, Vũ lên bậc Thánh, mà nghiêm dãi với hậu-nhân, các nhà Sử-thặng cũng theo ý ấy mà chép việc đời xưa, tựu trung cũng có một ý riêng là ở triều nào bênh triều ấy. Như việc chê nhà Mạc đây là bởi Sử-thần đời Hậu-Lê trung hưng là một nhà đứng ở cái địa vị phản đối, nên mới tôn Lê ức Mạc mà chép là «Ngụy-Mạc» hay «Nhuận-Mạc», cũng như Quốc-sử triều ta cho đời Quang-Trung là Nguy-lây, vậy. Ta là người sau đọc sử đời trước, tưởng cũng nên lấy ý kiến mà suy-xét bàn-bạc cho thêm rộng, dộc giả chư tôn nghĩ sao?



SÁCH CỦA THI - NHAM

Dịch thuật hoặc biên tập

ĐẤ IN:

Mảnh Tình Chung (*Đoản thiên tiêu-thuyết*) quyển nhất.0\$20
Thuyết Mạc (*An-nam tiêu-thuyết*). 0.40

ĐƯƠNG IN:

Ngọn Cờ Vàng (*Tiêu-thuyết bà Triệu-An*)

Ngọn Cờ Lau (*Tiêu-thuyết vua Đinh Tiên-Hoàng*)

Côn-sơn ngoại sứ (*Tiêu-thuyết cự Nguyễn-Trãi*)

Nói chuyện Hà-giang (*Du-ký*)

Non nước Ninh-bình (*Ký thắng*)